

góc nhìn  
sử Việt

Cổ Nhi Tân

# TÔN THẤT THUYẾT

LÊ THỰC • PHAN ĐÌNH PHÙNG

BẠCH XI • ĐINH CÔNG TRẮNG

NGUYỄN ĐUY HIỆU • MAI XUÂN THƯỜNG

NGUYỄN THÀNH NGUYỄN • THIỆN THUẬT

HOÀNG HOA THẨM • TRỊNH CẢN

# Tôn Thất Thuyết

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

# Table of Contents

[TÔN THẤT THUYẾT](#)

[Lời giới thiệu](#)

[Tôn Thất Thuyết](#)

[Lê Trực](#)

[Phan Đình Phùng](#)

[Đình Công Tráng](#)

[Nguyễn Duy Hiệu](#)

[Mai Xuân Thưởng](#)

[Nguyễn Thành](#)

[Nguyễn Thiện Thuật](#)

[Hoàng Hoa Thám](#)

[Trịnh Cấn \(Đội Cấn\)](#)

Cố Nhi Tân

# TÔN THẤT THUYẾT

Bản quyền © Cố Nhi Tân

# Lời giới thiệu

Bạn đọc thân mến!

Lịch sử văn hóa của một dân tộc không phải của riêng cá nhân nào, chính vì vậy, việc bảo tồn, gìn giữ và phát triển lịch sử văn hóa cũng không phải riêng một người nào có thể gánh vác được, nó thuộc về nhận thức chung của toàn xã hội và vai trò của từng nhân tố trong mỗi chặng đường lịch sử. Lịch sử là một khoa học. Lịch sử không phải là việc thống kê sự kiện một cách khô khan rời rạc. Bởi mỗi sự kiện trong tiến trình đó đều có mối liên kết chặt chẽ với nhau bằng sợi dây vô hình xuyên suốt không gian và thời gian tạo nên lịch sử của một dân tộc.

Dân tộc Việt Nam trải hơn một nghìn năm Bắc thuộc, gần trăm năm dưới ách cai trị của thực dân, đế quốc, nhưng con cháu bà Trưng, bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... vẫn kiên trì bền chí, tin tưởng ở quá khứ hào hùng, không ngừng tranh đấu hướng tới tương lai rộng mở vì độc lập tự do của đất nước.

Một dân tộc, một quốc gia muốn trường tồn và phát triển, ngoài việc đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật, điều quan trọng hơn nữa là phải có một nền tảng giáo dục vững chắc. Trong đó, giáo dục về lịch sử và lòng tự hào dân tộc là cần thiết để ghi khắc trong tâm trí các thế hệ, đặc biệt là tầng lớp thanh niên, ý thức về nguồn gốc dân tộc, truyền thống văn hóa và nội lực quốc gia, đồng thời giúp định hình góc nhìn thấu đáo về vai trò của từng giai đoạn, triều đại và nhân vật - dù gây tranh cãi - tạo nên lịch sử đó.

Chính vì những giá trị to lớn đó, vấn đề học tập, tìm hiểu lịch sử nước nhà hiện đang là mối quan tâm hàng đầu của Nhà nước và toàn xã hội. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ Phát triển Sử học Việt Nam, Tạp chí Xưa và Nay... và rất nhiều những tổ chức khác đã và đang kiên trì con đường thúc đẩy sự phát triển của nền khoa học lịch sử quốc gia, phổ biến tri thức lịch sử, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc tới toàn xã hội.

Đồng hành với mối quan tâm của toàn xã hội, Công ty Cổ phần Sách Alpha - một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, với tôn chỉ “Tri thức là sức mạnh” - đặc biệt quan tâm tới việc góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về truyền thống văn hóa lịch sử đất nước.

Theo nhiều kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu của bạn đọc cho thấy, “lỗ hổng lịch sử” ở không ít người trẻ hiện nay hoàn toàn có thể bù lấp một phần dựa trên nhiều nguồn tư liệu, công trình nghiên cứu, sách cổ sách quý hiện đang được các Viện nghiên cứu, các tổ chức, cá nhân lưu giữ. Để chung tay tái hiện một cách rõ nét những mảnh ghép lịch sử dân tộc, Công ty Cổ phần Sách Alpha đã triển khai dự án xuất bản mang tên Góc nhìn sử Việt với mục đích xuất bản lại và xuất bản mới một cách có hệ thống các công trình, tư liệu, sách nghiên cứu, sách văn học có giá trị... về lịch sử, bước đầu hình thành nên Tủ sách Alpha Di sản.

Cuốn sách bạn đang cầm trên tay là một trong những sản phẩm đầu tiên của dự án này.

Xin trân trọng giới thiệu.



# Tôn Thất Thuyết

(1835-1913)

Sau khi đã được nhượng sáu tỉnh trong Nam Kỳ, quân Pháp đổ ra hoạt động ở Bắc Kỳ và sắp can thiệp đến kinh đô Huế.

Chiếu theo điều 20 hòa ước ký ngày tháng giêng năm Giáp Tuất (1874), nước Pháp có quyền đặt một khâm sứ tại kinh đô Huế để giao thiệp với triều đình ta. Viên khâm sứ đầu tiên là Rheinart (năm Ất Hợi 1875).

Nhưng vì triều đình tỏ ra lãnh đạm, nên Rheinart đóng ít lâu rồi xin đi, Philastre tới thay (năm Mậu Dần 1878).

Trong hồi đó, giữa triều đình ta và tòa khâm sứ xảy ra nhiều việc lôi thôi khó khăn, nào là vua quan ta miệt thị khâm sứ, ngược đãi người Pháp ở Huế, cấm đạo v.v... nhất là lại sai sứ sang triều cống Trung Hoa, sau khi Trung Hoa theo hòa ước Thiên Tân đã dứt khoát với Pháp về Việt Nam rồi.

Đến năm Nhâm Ngọ (1882) cuộc giao thiệp của hai nước càng thêm rắc rối. Pháp hạ thành Hà Nội làm triều đình và văn thân rất uất hận.

Bấy giờ Tôn Thất Thuyết, vốn xuất thân võ tướng đã trải nhiều trận mạc, giữ chức Binh bộ thượng thư, đêm ngày chuẩn bị chống Pháp: ông sai cấm cừ ở sông Hương để ngăn tòa Khâm với Hoàng Thành, lại xây đồn đắp lũy ở cửa Thuận An đề phòng giữ mặt biển, và nơi võ trường lúc nào cũng có binh lính thao luyện chờ dịp cùng quân Pháp khai chiến.

Đối với việc Pháp – Việt giao thiệp, trong triều chia ra làm hai phe: phe chủ hòa, phe chủ chiến, phe này mạnh thế hơn.

Đang lúc rối ren, vua Tự Đức thăng hà (ngày 19 tháng 6 năm Quý Vị, 16-7-1883).

Tôn Thất Thuyết chịu di mệnh của vua, cùng sung chức Phụ chánh với Nguyễn Văn Tường và Trần Tiễn Thành, nhưng quyền bính ở Thuyết và Tường cả. Thuyết một mặt lo diệt phe chủ hòa (giết vua Dục Đức, đày Tuy Lý vương) một mặt củng cố lực lượng để chủ chiến (thành lập hai đội quân “Đoàn Kiệt” và “Phấn Nghĩa”).

Giết vua Dục Đức rồi, Thuyết tôn em Tự Đức, Hồng Dật lên ngôi, niên hiệu Hiệp Hòa. Trong khi ấy, thấy Thuyết khinh thường hòa ước và quyết lòng triệt đạo. Pháp phái một đoàn năm chiếc chiến thuyền đến bắn phá cửa Thuận.

Vua Hiệp Hòa cả sợ, phái Nguyễn Trọng Hiệp và Trần Đình Túc ra cửa Thuận cầu hòa.

Thuyết thấy vậy nổi giận, bắt vua Hiệp Hòa bỏ ngục và bắt uống thuốc độc chết ngày 18-11-1883 (lên ngôi được 4 tháng).

Sau Thuyết tôn Ưng Đồng, 14 tuổi, lên ngôi; lấy hiệu là Kiến Phước.

\*\*\*

Tháng sáu năm Giáp Thân (1884) vì Thuyết vẫn giết đạo và khinh thị người Pháp, nên 5 chiến thuyền Pháp lại đến cửa Thuận An yêu cầu chiếm Mang Cá, (chiếu theo như trong điều ước). Vua Kiến Phúc ở ngôi được 6 tháng thì bị bệnh mà thăng hà ngày 8-8-1884. Thuyết phù Ưng Lịch lên ngôi, lấy niên hiệu Hàm Nghi. Nhưng khâm sứ không chịu chấp thuận. Thuyết sai đóng cửa thành lại, tỏ ý rằng thuận hay không thuận cũng không cần.

Nửa tháng sau quân Pháp đến thị uy đông quá, Thuyết phải mở cửa thành để vua Hàm Nghi tiếp kiến khâm sứ Pháp tại điện Cần Chánh. Bản điều ước mà hai nước Pháp Việt ký từ bao lâu nay bấy giờ mới đem ra “thực thi”.

Cuộc bảo hộ thành lập từ đó.

Nhưng cuộc bảo hộ cũng chỉ mới thực hiện về danh nghĩa, còn về tinh thần thì chưa vững được vì dân tâm sĩ khí đâu có dễ gì bỗng chốc vòng tay khuất phục.

Thừa cơ ấy, văn thân các tỉnh nổi lên tứ tung, còn ở kinh thành, Tôn Thất Thuyết cũng nhất định đi một nước cờ chót. Ông nói:

– Phen này ta quyết sống thác với Tây.

Một mặt ông sai lập Sơn Phòng ở Cam Lộ (tỉnh Quảng Trị) đem vàng bạc lương thực chứa chất thật nhiều, một mặt luyện tập binh lính, rèn đúc khí giới, đào hầm đắp ụ, dự bị sẵn sàng. Rồi ông bàn tính với Nguyễn Văn Tường về việc chủ chiến.

Trong khi ấy Nguyễn Văn Tường thấy binh Pháp mạnh quá, hết lời can ngăn, nhưng Thuyết không nghe. Thuyết quyết hành động một mình.

Ngày 19 tháng 5 năm Ất Dậu (1885), De Courey đem 500 quân vô Huế xin nhà vua thiết lập đại trào để chuyển đệ bức quốc thư của chánh phủ Pháp. Thuyết cáo bệnh không ra. De Courey giận lắm, muốn đem quân sang tận bộ Binh để bắt. Thuyết bèn nghiêm sức cho quân sĩ dự bị súng đạn sẵn sàng, lại cho thả hết kẻ tù tội ra cho tự do mấy ngày để sau rèn tập làm quân cảm tử. Rồi sai Tôn Thất Trác nửa đêm qua sông sang đánh tòa Khâm sứ, Trần Xuân Soạn đánh Trấn Bình Đài, truyền giết cho sạch người Tây. Đến canh tư, Thuyết dẫn một đạo quân tiếp đánh Trấn Bình Đài, tiếng súng đại bác vang cả kinh thành. Mặt khác, Thuyết sai vận súng lên mặt thành bắn sang tòa Khâm sứ; đạo quân của Tôn Thất Trác cũng khai hỏa xung quanh tòa này rất dữ dội.

Nào hay đâu khi quân của Thuyết bắn phá thì binh sĩ Pháp đều ẩn cả dưới hầm, đến khi ta nả hết đạn, họ mới khởi thế phản công: bao nhiêu đại bác ở trên đài và ở tàu chiến đậu ngoài sông đều chĩa vào kinh thành mà bắn, đạn bay như mưa rào, tiếng vang như sấm dậy, nhà cửa đổ tan, quân bị đạn chết nằm ngổn ngang, trong thành tiếng kêu khóc như ong vỡ tổ.

Quân Pháp dưới thuyền kéo lên, hùng hổ tấn công, trong thành quan quân tán loạn, mạnh ai nấy chạy thoát thân, chen lấn nhau mà chết thêm một mớ nữa. Sáng hôm ấy, vào khoảng 9 giờ, Thuyết chạy vào trong cung cáo cấp, xin vua Hàm Nghi và tam cung mau mau xuất thành, chạy



lên Kim Lăng để tạm lánh. Trong lúc quá nguy kịch, vua Hàm Nghi chỉ kịp đem theo quả ấn quốc bửu và một ít vàng bạc tùy thân. Quan Đô thống Hồ Hiền phò xa giá ra cửa Tây Nam, chạy lên phía Tây do ngã Kim Luông.

Quân Pháp kéo vào trong thành, thoát tiên treo cờ tam sắc lên kỳ đài, rồi sẵn đang hăng máu, tha hồ chém giết đốt phá lung tung.

Khi đã hoàn toàn chiếm được kinh thành rồi, mới cho quân đi băng bó cứu chữa những quân sĩ cùng nhân dân bị thương tích, sửa sang các chỗ tàn phá và chôn cất các tử thi.

Sau khi De Courey hạ kinh thành (6-7-1885) Tôn Thất Thuyết cùng hai con, Đạm và Thiệp, và các cựu thần như Lê Trực, Trần Xuân Soạn, đem vua Hàm Nghi xuất bôn, đi Quảng Trị. Ngày 9-7-1885, vua Hàm Nghi bái biệt tam cung tại hành cung Quảng Trị rồi cùng đoàn ngự đi Cam Lộ. Tới đây Nguyễn Văn Tường lẻ trốn, tìm đến linh mục nhà thờ Kim Luông xin cho ra đầu thú. De Courey ưng thuận, giao cho Phó xứ Hamelin coi giữ và hẹn cho hai tháng phải rước được vua Hàm Nghi về.

Bấy giờ trong triều bối rối, lập vua mới thì sợ vua cũ phản đối, De Courey bèn cùng Tường làm tờ hiểu thị nhân dân, nói rằng việc giao hảo giữa Pháp Nam vẫn như cũ, và khuyên Tường sai người ra Quảng Trị để tâu vua việc giảng hòa và rước xa giá về cho yên đại cuộc. Nhưng tìm đâu cũng không thấy vua.

De Courey họp các hoàng thân, đặt Thọ Xuân vương, chú vua Tự Đức, 75 tuổi, làm Giám quốc. Và ngày 6-9-1885, hết hạn 2 tháng hẹn cho Tường mà Tường vẫn không làm được việc gì, nên y bắt đầy ra Côn Lôn, sau lại đầy ra đảo Haiti. Tường chết ở đây ít lâu sau.

De Courey triệu Nguyễn Hữu Độ, Tổng đốc Hà Ninh, về chủ tọa viện Cơ Mật, Độ bàn với De Courey lập Ưng Kỳ, anh hai vua Kiến Phúc và Hàm Nghi, lên ngôi lấy niên hiệu là Đồng Khánh (19-9-1885).

Chính quyền Pháp xin phong vua Hàm Nghi làm tổng trấn ba tỉnh Thanh Nghệ Tĩnh để trấn an nhân dân miền đó. Triều đình cử Hoàng Kế Viêm làm Kinh lược sứ để ra dụ vua và đảng văn thân. Hoàng Kế Viêm đem quân ra Quảng Bình, nhưng không nên việc.

Không thể ở yên được tại Cam Lộ, đoàn ngự lại rút về Sơn Phòng Tân Sở, song quân Pháp vẫn đuổi riết, nên lại phải chạy đi Bảo Đài, để tìm đường sang Lào.

Vùng này rừng rậm um tùm, núi non hiểm trở, đoàn ngự do đường Song Khê qua các miền Mường Tchépone Mường Vang rồi vào Mường Mahasay, ngày đi đêm nghỉ khôn xiết nhọc nhằn.

Ở Mahasay 15 ngày lại kéo qua Ban Long, dừng chân tại đó thượng tuần tháng bảy, rồi qua đèo Qui Hợp, gặp Cao Đạt dẫn đường về Sơn Phòng Ấu Sơn.

Vua Hàm Nghi dùng Ấu Sơn làm đại bản doanh.

\*\*\*

Ngoài việc thúc các võ quan thao luyện quân sĩ và tu bổ thành trì, Tôn Thất Thuyết sai thảo tờ chiếu Cần Vương lấy chữ vua Hàm Nghi phê chuẩn và gửi đi các tỉnh. Chiếu đề ngày 11 tháng tám năm Hàm Nghi thứ nhất. Lòng chiếu như sau:

*“Nước Nam ta ký hiệp ước với nước Pháp tới nay kể đã hàng chục năm. Thoạt tiên ta nhượng 3 tỉnh Nam Kỳ; hai năm sau, còn ba tỉnh nữa họ lại lấy nốt. Vậy mà vẫn chưa thỏa mãn, họ còn dùng mưu mẹo lập lãnh sự ở Huế và Bắc Kỳ, bắt buộc ta phải ký hiệp ước mới, rồi lại thêm, bớt, xóa bỏ không biết bao nhiêu lần, mục đích là quyết tâm xâm lược xứ Bắc Kỳ hòng chiếm những đất đai của tổ tiên ta để lại. Nhân lúc nước ta có tang đức Dực Tôn Anh Hoàng đế (Tự Đức), quân Pháp kéo vào cửa Thuận An và đốt ấn tín của Hoàng đế Trung Hoa phong cho ta. Họ ép ta phải để họ đóng quân trong Hoàng Thành. Sự bức hiếp đó ta dù kiên nhẫn đến thế nào cũng không thể chịu được.*

*Tháng 5 năm nay, quân Pháp ước hơn vạn người yêu sách ta phải nhượng Hoàng thành, lại đòi ta phải trị dân theo luật pháp riêng của họ. Vì những có ấy, Hội đồng Cơ mật quyết khởi một trận tập công ở Huế. Nếu quân ta thắng thì Nguyễn Văn Tường trốn ra ngự tạm tại Nghệ An, Hà Tĩnh, để Tôn Thất Thuyết ở lại Huế lập thế trận. Trước hết, bài trừ bọn theo tà đạo, vì chính những dân theo tà đạo đã hiệp nhất với người Pháp mà phản lại Triều đình. Bằng thua, thì trẫm cùng với triều đình lánh ra miền Bắc, mưu đồ khôi phục. Cuộc tập công ngày 23 tháng năm khởi từ nửa đêm, giữ mãi được đến nửa buổi sáng. Quân Pháp chết vô hạn. Bách tính đông quá không sao cứu kịp, cũng chết rất nhiều. Nhưng đây cũng là mệnh trời, ta tránh sao được.*

*Ngay lúc ấy, Nguyễn Văn Tường theo trẫm ra khỏi Hoàng thành. Tôn Thất Thuyết tập hậu để phòng quân Pháp đuổi đánh. Không ngờ Nguyễn Văn Tường đổi bụng, lén trốn vào nhà giáo Kim Luông, còn Tôn Thất Thuyết thì vẫn theo trẫm, chống nhau với quân Pháp. Tới Quảng Trị, có tin quân Pháp sai Tường triệu trẫm về và trả lại Hoàng thành.*

*Nhưng đây là mưu của họ để lừa ta. Nguyễn Văn Tường đã bỏ vua, hàng giặc lại còn chực bắt trẫm để nộp cho giặc, tội ấy nặng không biết chừng nào. Mới đây, Tường lại sai Tôn Thất Phấn và Võ Khuru đi xui quan lại các tỉnh bắt trẫm. Trẫm tin rằng quan lại không khi nào hạ mình làm những việc đê hèn ấy... Ngoài ra Tường lại còn mạo chữ Thái hậu viết thư dụ trẫm về. Nhưng Thái hậu đã ở trong tay người Pháp thì Tường bắt viết gì chẳng được. Vả trong di chiếu của tiên đế có nói việc trị nước chẳng nên trao cho đàn bà. Nếu ai bắt được dụ ấy nên đốt đi và đừng nói đến nữa.*

*Núi non cách trở, trẫm đi hai tháng mới tới miền này. Sự chậm trễ đó đã giúp cho quân địch có đủ thời giờ bịa ra những chuyện làm cho lòng dân chán nản. Hiện nay, trẫm cùng với Tôn Thất Thuyết đã tới Ấu Sơn thuộc huyện Hương Khê. Các quan lại trong ngoài đều tề tựu cả ở miền này. Văn thân, dân chúng và binh sĩ cũng lần lượt ra dự tiệc cần vương. Thế nước gặp lúc loạn ly, ta khoanh tay mà nhìn sao được...”*

*Tờ chiếu trên này làm cho lòng dân xúc động. Các bậc khoa bảng, các nhà phú hào, kẻ có thế, người có tiền, đồng thời mộ dân phu, đổi nhà mình làm trường diễn võ, mang cơ nghiệp giúp làm quân lương. Dăm chục người, vài trăm người, bỏ cày cuốc ra cầm gươm, vút bút lông ra vác súng, rong ruổi lên miền Hương Khê. Mấy trái núi u tĩnh ở Ấu Sơn bỗng nhiên được thời cơ đổi*

*làm chiến trường.*

Quan lại các tỉnh ở Bắc Kỳ, trừ một số đã ra hàng quân Pháp, cũng hưởng ứng với đảng văn thân Nghệ Tĩnh mà khởi nghĩa ở khắp mọi nơi.

\*\*\*

Nhưng việc này đến tai De Coucey. Y bèn hợp với các tướng Négrier, Brière de l'Isle, Warnet, để tìm cách dẹp quân Cần Vương, cử Đại tá Pernot mang binh từ Huế tiến ra Quảng Bình. Négrier từ Nam Định, qua Ninh Bình, Thanh Hoá vô Nghệ An. Hai cánh quân cùng gặp nhau ở Hà Tĩnh. Mục đích De Coucey là chẹt đường vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.

Vì binh lực Pháp hùng hậu, vua Hàm Nghi nghĩ Ấu Sơn rồi cũng không thể chống trả được, nên cùng các tướng sĩ chạy lên Voi Tấn, miền trên tỉnh Quảng Bình, giáp với xứ Lào. Chỗ biên cương này là một xứ mọi, Trương Quang Ngọc là tù trưởng.

Tôn Thất Thuyết thấy ở đây nhà vua cũng tạm được yên rồi, còn sự cứu vong thì tự liệu sức mình không nổi, tất phải cầu ngoại viện, bèn quyết định đi Trung Hoa du thuyết. Thuyết tâu vua Hàm Nghi ở lại đất mọi, và để hai người con hộ vệ, còn mình thì cùng Chương vệ Trần Xuân Soạn dắt nhau sang Tàu.

Vua Hàm Nghi nương náu ở đất mọi được hơn một năm, tuy kham khổ nhưng được yên ổn. Sau khi Thuyết đã sang Tàu, tình cảnh nhà vua lại càng ngán ngấm bội phần: ít nhiều tả hữu tòng vong còn sót lại, lần lần bỏ đi. Duy còn hai con ông Thuyết là Đạm và Thiệp vẫn theo hầu trung thành và cung kính. Ở nơi lam sơn chướng khí, vua bị bệnh thương hàn, nằm liệt trên giường; mỗi khi có động, một người mọi lại lật đặt cõng vua chạy.

Làng mọi mà bấy giờ vua nương náu là Khê Ta Bao ở miền trên châu Tuyên Hoá tỉnh Quảng Bình. Chánh phủ Pháp phái Đại tá Boulanger đem quân đi tìm nã đã sáu tháng rồi không tìm thấy tông tích nhà vua đâu cả.

Chung quanh miền vua ẩn, bọn Lê Trực, Tôn Thất Đạm đóng đồn tuần phòng nghiêm mật. Đạm đóng ở Phác Đài rồi ở Hà Tĩnh để thu nhận thư tín và phân phái quân binh. Lê Trực đóng ở Thanh Thủy, vùng trung lưu sông Gianh. Còn Tôn Thất Thiệp thì đêm ngày hầu cận vua.

Bất ngờ Trương Quang Ngọc tù trưởng miệt Khê Ta Bao, bỗng nổi lòng tham phú quý, rủ một tên đồng đảng là Nguyễn Đình Thành lặn lội đi báo tin cho Boulanger và hướng dẫn tên này về bắt vua.

Boulanger đem quân tới vây bọc ngôi nhà vua ở, lúc ấy mới độ 7 giờ tối. Vua và hai người tùy tùng đang mệt nằm thiu thiu. Nghe động, thầy trò vùng tỉnh dậy, thì quân Pháp đã nhảy vào nắm chặt lấy tay vua. Vua biết là Ngọc đã phản, giận lắm, mắng rằng:

– Thằng Ngọc, mày giết tao đi, còn hơn đem tao cho Tây.

Tôn Thất Thiệp thấy sự thế đã hỏng, vội tuốt gươm ra, định bụng một là giết viên quan võ Pháp để giải cứu vua, hai là giết vua đi để cho vua khỏi cái nhục bị bắt. Song Boulanger lanh

mắt, chĩa súng ra bắn Thiệp chết ngay. Vua bị bắt hôm ấy là 26 tháng 6 năm Mậu Tí (1888).

Sáng hôm sau, chúng để vua lên võng đưa ra Ngã Hai, kết một cái bè to, chở về đồn Thanh Lang.

Tại đây, quân Pháp đã dựng nhà riêng kết hoa lá để chờ sẵn, khi vua đến, lính bồng súng chào, nhưng vua lấy tay áo che mặt, nước mắt giàn giụa.

Quân Pháp lặng lẽ lui ra tỏ vẻ kính cẩn vị đế vương có nghĩa khí.

Vua Đồng Khánh sắc cho quan tỉnh Thừa Thiên phái quan đưa vua về kinh và truyền bộ Binh cử người ra địa đầu Thừa Thiên nghênh tiếp, sửa dọn nơi riêng cho vua ở. Nhưng Rheinart bàn với viện Cơ Mật nên để vua ở nơi khác vài năm, đợi yên lặng hẳn hãy đón về. Ấy chỉ là lời nói ngoại giao, kỳ thật Rheinart đã nhận được lệnh ở Pháp qua, nói nên để vua ở Alger để “ngài được nghỉ ngơi cho bù lại những sự thiếu thốn nhọc nhằn trong lúc phiêu lưu nơi rừng núi”.

Kế đó họ đưa vua đi Đông Ca: đến 13-1-1889 họ dẫn vua ra cửa Thuận An đáp tàu “La Comète” vào Saigon, sang tàu “Biên Hoà” đi Alger.

Được tin vua bị bắt, Tôn Thất Đạm ở rừng Hà Tĩnh, đâm ra chán nản, hạ lệnh cho tướng sĩ ra đầu thú, rồi viết hai bức thư, một bức dâng vua Hàm Nghi, tạ lỗi đã không toàn sứ mạng, một bức cho viên đồn Pháp ở Thuận Bài xin cho quân mình ra hàng. Đoạn ông nói với các thuộc hạ: “Nếu Pháp muốn biết ta ở đâu thì vào rừng mà tìm mả ta!” Hôm ấy là 15-11-1888. Hai ngày sau, các bộ tướng ra đầu hàng Boulanger ở Đá Cờ. Sau đó Lê Trực cũng cho quân ra quy thuận ở Thanh Lang, trông họ quần áo tả tơi, cũng đủ thấy họ đã chiến đấu gian lao vô cùng. Song họ vẫn giữ được khí phách hiên ngang không chịu nhận quan chức gì cả.

Trương Quang Ngọc, cách đó ít lâu, bị bộ tướng của Phan Đình Phùng vào giết tận nhà.

\*\*\*

Tôn Thất Thuyết để vua ở lại Sơn Phòng, rồi dọn đường núi ra Thanh Hoá, ngược dòng Mã lên Lai Châu, sang Vân Nam cầu viện. Tổng đốc Vân Nam cho đưa qua Quảng Đông. Khi đến Long Châu, một thị trấn ở phía nam tỉnh Quảng Tây, cách Lạng Sơn 50 cây số, gặp một quan nhà Thanh trước có theo quân Cờ Đen là Dương Cảnh Tùng mách bảo rằng tình trạng nhà Thanh lúc ấy cũng không hơn gì nước Việt, Thuyết đâm ra thất vọng và hối hận vì ôm chí lớn bảo vệ non sông và bảo vệ vua, mà non sông không giữ được, vua thì bỏ lại giữa đường. Dần dần ông thành loạn óc.

Ông ở Long Châu chẳng thu lượm được một kết quả gì. Mỗi ngày ông ra bờ sông Tả Giang cầm gươm chém đá cho hả giận; bởi vậy người Tàu gọi ông là Trảm Thạch Công, và đến năm 1913, ông tạ thế. Có người điệu đôi câu đối:

Thù Nhung bắt cộng đáí thiên,

Vạn cổ phương danh lưu Tượng Quận

Hộ giá biệt tầm tĩnh địa,

Thiên niên tàn cốt ký Long Châu.

Nghĩa là:

Thù ngoài không đội trời chung,

Muôn thuở tiếng thơm ghi Tượng Quận

Giúp chúa riêng tìm đất khác,

Ngàn năm xương trắng gửi Long Châu.

# Lê Trực

Lê Trực người làng Thanh Thủy, tỉnh Quảng Bình, Trung Việt, xuất thân là võ tướng. Năm Quý Vị (1883), giữ chức Đề đốc thành Hà Nội. Sau Hà Nội thất thủ, Lê Trực phải triệt hồi, từ đó về ẩn ở quê nhà.

Ngày ngày, Lê Trực cưỡi ngựa tới uống rượu ngâm thơ giải muộn một mình trong hang Ninh Cầm dưới dãy núi trước mặt sông Gianh. Trong lúc đang tiêu dao ngày tháng thì ông nhận được chiếu Cần Vương. Tuy tuổi đã già, ông cũng hăng hái cầm cờ tướng mà chiêu nạp các kiện sĩ trong vùng. Không đầy hai tháng, Lê Trực đã lập đồn trại ở khắp triền sông Gianh.

Ngày mùng 6 tháng 6 năm Bính Tuất (1886), Thiếu tá Grégoire từ Động Hải (Đồng Hới) mang quân đánh thuyền đi tuần trên sông Gianh, đổ bộ ở phía Hà Tĩnh. Quân Lê Trực mai phục trong rừng đổ ra cướp thuyền và giết địch.

Nhà thờ Hương Phương, Đan Xá và Mỹ Hòa thường bị quân Lê Trực vây đánh. Giáo sĩ Tortuyaux bắn trả lại đến hết đạn, phải dùng mảnh chai nạp đại bác mà bắn ra. Muốn chặn đường giao thông của quân Pháp ở giữa Nghệ An và Đồng Hới, Lê Trực cắt quân phục theo dọc quan lộ.

Tuy quân Pháp đã lập nhiều đồn ở ven biển, nhưng không sao tránh được những cuộc công kích nho nhỏ của quân Lê. Các trạm liên lạc của người Pháp đều bị cắt đứt. Ai mang thư tín cho quân Pháp cũng bị bắt và bị chém ngay dọc đường. Các quan lại mà triều đình bổ ra để thay những nhân viên cũ đã đi theo vua Hàm Nghi, phần nhiều sợ sệt không dám đến nhậm chức. Mà trong những người đến nhậm chức, có kẻ năn nỉ với quân Pháp đến đóng ngay ở huyện lỵ mình, mới được yên tâm. Viên Tri phủ Quảng Trạch, phải lên ẩn ở đồn Quảng Khê mà cũng vẫn lo quân Lê Trực đến lấy đầu. Thật ra, chức Tri phủ Quảng Trạch hồi đó lập ra chỉ để làm vì: oai quyền viên Tri phủ không ra khỏi mấy làng ở xung quanh đồn mà quân Pháp đã uy phục được.

Một lần quân Pháp phái 57 tên quân đi vận tải trên đường Hà Tĩnh, đến sông Ròn bị nghĩa quân đón bắt, trói ba người làm một mà quẳng xuống biển.

Trong số đó có một người trốn thoát, chạy về báo với thành Động Hải, làm cho ai nấy đều hoảng hồn. Quân Pháp đóng tại Động Hải về đầu năm Bính Tuất (1886) cũng nhiều lần lâm vào thế cực nguy. Thiếu tá Grégoire thường nơm nớp lo quân Lê Trực cướp thành. Có khi nghĩa quân mang rất nhiều thang, xông lên thành, nhưng trong thành liều chết chống giữ, nên không bị hạ.

Thống soái Prud'homme ở Huế phái một lữ đoàn bộ binh do Thiếu tá Cardot chỉ huy, ra tăng cường cho Grégoire. Đang đêm, Cardot dùng thuyền nan đi ngược dòng sông Gianh, lên giải vây cho nhà thờ Hương Phương, giáo sĩ Tourtuyaux nhờ đó mới thoát nạn.

Sau khi lui được quân Lê Trực, Cardot liền phóng hỏa đốt các làng ở xung quanh nhà thờ này, rồi quay về lập đồn ở Mỹ Hòa để phòng quân Lê Trực trở lại đánh Đông Hải.

\*\*\*

Giữa mặt sông Gianh, Lê Trực đã tìm cái thế rất hiểm để chặn đường bắc tiến của quân Pháp. Sông quần quai như một con rắn vắt mình trên tỉnh Quảng Bình. Cứ theo triền sông Gianh, quân Lê có thể giao thông bằng thủy, bộ, với các đồn khác của quân Cần Vương.

Ven sông là núi, dải Hoành Sơn như cái thành lớn mà mỗi hòn gạch là một trái núi cao. Chân núi là rừng xanh bát ngát che lấp dải đất bùn lầy. Dưới những khu rừng rậm ấy, Lê Trực lập đồn, mộ lính, đúc khí giới. Bầu trời bí ẩn của tỉnh Quảng Bình giúp cho Lê Trực có thể tiến khi thắng lợi, thoái khi thất thế. Vì thế nên khi quân Trực đã lẩn vào rừng mà chĩa súng bắn ra thì quân Pháp dẫu mạnh cũng đành thúc thủ.

\*\*\*

Muốn dùng chánh sách hòa bình, Đại úy Monteaux dụ Lê Trực ra hàng. Trong thư, Đại úy nói những nỗi thống khổ về chiến tranh của cả hai quân và cái thế không thể đứng vững của quân Nam, khuyên Lê Trực nên ra giúp vua Đồng Khánh. Mấy hôm sau, Lê Trực phúc đáp: “Đại úy muốn mưu cầu hạnh phúc cho tất cả mọi người, nhưng lòng trung thành đối với vua tôi, bắt buộc tôi phải khi ẩn khi hiện, và không bao giờ có thể cam tâm đầu hàng người Pháp và vua Đồng Khánh. Trước kia tôi ở Hà Nội, binh lực có nhiều, tôi đã không muốn khai chiến với người Pháp, thì ngày nay tôi đâu muốn có việc chinh chiến này. Đại úy yêu cầu tôi ra hàng, nhưng Đại úy không biết rằng chính bọn giáo sĩ ngoại quốc đã gây ra cuộc chiến tranh. Tôi sợ dĩ hồ hào dân chúng chỉnh đốn quân bị cốt ý là để tự vệ, chớ không phải định giết hại ai. Tôi hiện đang ốm, chỉ muốn lánh vào một nơi tĩnh mịch, không phải làm nô lệ ai, và ở trên một khu đất không phải riêng của ai hết, giữa trời và giữa đất.

Để làm gì? Rồi sau này ra sao? Tôi không biết, mà tôi cũng không nghĩ tới”.

\*\*\*

Sang tháng chạp, triều đình phái Hoàng Kế Viêm ra Quảng Bình chiêu dụ đảng văn thân và khuyên Lê Trực ra hàng, nhưng không kết quả. Đại úy Monteaux một mặt dụ bị tiến đánh, một mặt lại phái người dụ Lê Trực.

Miền Thanh Thủy đã yên lặng một hồi, phút chốc lại vang động. Cuộc giao chiến liên miên từ tháng hai cho mãi đến tháng sáu dương lịch.

Mấy tháng sau, tuy không thua hẳn, nhưng quân của Lê đã lâm vào cảnh thiếu lương, thiếu đạn. Đến tháng 11 năm 1888, nghe tin vua đã bị bắt, Tôn Thất Đạm tự vẫn sau khi cho quân ra hàng, Lê Trực cũng cho quân mình quy thuận. Được chính quyền tha cho về nguyên quán, Lê Trực không hoạt động gì nữa, đeo gươm vào mai danh ẩn tích trong rừng sâu.

# Phan Đình Phùng

1844-1895

Người xã An Đồng, tổng Việt Yên, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, Trung Việt.

Sinh năm Giáp Thìn, 1844, cha là Bảng nhãn Phan Đình Tuyên, trước làm Phủ doãn Thừa Thiên, sau làm Tán lý quân vụ đi dẹp giặc Lạng Sơn, từ trần nơi đó. Phan đỗ Cử nhân khoa Bính Tí (1876), năm 33 tuổi; năm sau, đỗ Tiến sĩ đình nguyên (khoa Đinh Sửu, Tự Đức 30, 1877). Sơ bổ Tri phủ Yên Khánh, Ninh Bình, ở đây, ông thấy linh mục Trần Lục hay ỷ thế hiếp dân, nên nhân một vụ lộng quyền, ông cho lính nọc linh mục ra đánh. Vì thế phải gọi về kinh. Tự Đức 31 (1878) ông được sung chức ngự sử Đô sát viện.

Khi Tự Đức thăng hà (1883), Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết tự quyền phế Dục Đức tôn Hiệp Hòa, ông phản đối nên bị cách chức.

Năm 1884, ông được phục chức, bổ Tham biện Sơn Phòng tỉnh Hà Tĩnh.

Năm 1885, kinh thành thất thủ, vua Hàm Nghi xuất bôn chạy đến Quảng Bình, ông tìm đến báii yết, được phong làm Tán lý quân vụ và lãnh trọng trách thống suất nghĩa binh. Ông liền kéo cờ khởi nghĩa ngay ở quê nhà, đặt đại bản doanh tại Vụ Quang, huyện Hương Khê, Hà Tĩnh, một vùng rừng núi hiểm trở, lợi cho việc dùng binh; chia quân thành 15 thứ; mỗi thứ từ 100 đến 500 quân, sắp đặt thành cơ ngũ, luyện tập theo phương pháp Âu - Tây.

Trước hết, Phan tự cầm quân lùng bắt tên phản bội Trương Quang Ngọc đã nộp vua Hàm Nghi cho Pháp. Ngọc bị giết, đầu bêu ở nơi vua Hàm Nghi trú ngụ khi trước. Do đó, hào kiệt vùng Thanh Nghệ Tĩnh (Cầm Bá Thước, Ngô Quang, Nguyễn Cáp, Vũ Phá...) nức lòng theo về rất đông.

Đặc biệt là Phan được một tướng tài trợ giúp. Ấy là Cao Thắng.

Cao Thắng, quán làng Lê Động, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Người thấp nhỏ, ngón chân ngón tay đều ngắn, rất thông minh lanh lẹ, thuở nhỏ có học chữ nhưng sở trường về võ thuật. Năm Giáp Tuất (1874), Tự Đức 27, ở Hà Tĩnh có giặc Cờ Vàng nổi lên, Thắng tuy còn nhỏ tuổi, cũng tình nguyện theo. Chưa đầy một năm Cờ Vàng tan, triều đình sai nã dư đảng rất ngặt, Thắng nhờ Phan Đình Phùng che chở, nên không bị bắt. Sau về quê lại luyện võ nghệ và chiêu mộ đồng chí, đem 60 thủ hạ đến giúp Phan Đình Phùng.

Thắng theo kiểu mẫu của Tây chế ra súng đạn bắn chả kém gì súng Tây, nên dẫn quân đi đánh các đồn, đến đâu được đấy.

Năm 1893, Thắng kéo quân sang đồn Nỏ, bị quân mai phục bắn trúng mạng mỡ. Quân sĩ cũng Thắng chạy sang một làng xa để dịt thuốc nhưng vô hiệu. Thắng mê man thêm thiếp mấy giờ đồng hồ, rồi mở mắt ra nhìn quanh chư tướng, nước mắt tràn xuống hai bên má, thở dài mấy tiếng rồi mất. Ngày ấy vào tháng 10 năm Quý Tỵ (1893). Thắng mới được 29 tuổi.



Phan ở Ngàn Trươi được tin hung báo, khóc lóc thảm thiết. Chính tay cụ viết hai câu liễn để thờ:

*Vì tiếp tiên tử, thiên ý vị hà?  
Hữu chí phát thành, anh hùng dĩ hĩ!*

và đọc bài văn tế như sau:

*Than rằng:*

*Thanh bửu kiếm mười năm mới có, dấng anh hùng dù mài mãi chưa thôi; áng nhung trường một phút như không, con tạo hoá ghét ghen chi lắm thế!*

*Nghĩa đồng ưu tưởng lại luống đau lòng, – Tình văn điệu nghĩ càng thêm rơi lệ.*

*Nhớ tôn linh:*

*Hào kiệt ấy tài, – Kinh luân là chí;*

*Vén mây nửa gánh giang san, – Vỗ cánh bốn phương hồ thỉ,*

*Gặp quốc bộ đang cơn binh cách, nghĩa giúp vua chung nỗi ân ưu, – Bỏ gia đình theo việc nhung đao, lòng đánh giặc riêng phần lao tụy;*

*Địa bộ muốn theo dòng Nhạc mục<sup>8</sup>, thét nhung bào từng ghê trận oai linh, – Thiên tài toan học chước Võ Hầu<sup>9</sup>, chế sủng đạn biết bao chùng cơ trí;*

*Ơn quân tướng Đồng Nhung vâng mạng, cầm ấn quan phòng, – Tước triều đình Chưởng vệ gia phong, kéo cờ tân chế;*

*Những chắc rằng: ba sinh có phước, hăm hở mài gươm chuốt đá, chí khuông phò không phụ với quân vương, – Nào ngờ đâu! Một sớm không chùng, mơ màng đạn lạc tên bay, trường chiến đấu biết đâu là số hệ;*

*Trong ba kỷ<sup>10</sup> xuân thu tụy chữa mấy, trên yên ngựa đòi phen roi thét, trọng cương thường quyết mở mặt nam nhi. – Ngoài mười sương, sự nghiệp biết chùng nào, trước cửa viên bồng chốc sao sa, thu linh phách vôi cướp công tráng sĩ,*

*Non thiên nhận phát phơ hơi gió thổi, thương người tiết nghĩa ngậm ngùi thay, – Nước tam thoa thấp thoáng bóng trắng soi, nhớ kẻ trung trinh ngao ngán nhẽ.*

*Thà chết nữa trong tay địch khái<sup>11</sup> theo về tổ phụ cùng vinh; – Kìa sống như kẻ hàng di, ở với tinh chiên càng thêm bậy<sup>12</sup>.*

*Nay nhân:*

*Chung thất tới tuần, – Thúc sô dâng lễ.*

*Chén rượu thoảng bay mùi chánh khí, trước dinh đều đủ mặt quan liêu. – Nén hương nghi ngút*

*khói bạch vân, dưới án đưa chen hàng cơ vệ.*

*Chưa xót thay, hai già tuổi tác [13](#) ngọt bùi cật tay em thay đỡ, khối thâm tình chưa thoát cõi hoàng tuyền. – Cấm cảnh thay đàn trẻ thơ ngây, ân cần nhờ công vợ dạy nuôi, may di phúc [14](#) lại nẩy ngành đàn quế;*

*Tinh hồn ví dầu thanh sáng, hộ phen này cho tướng mạnh quân bền; – Linh hồn nếu có khôn thiêng, rồi ngày khác lại sắc phong điện tể.*

*Thôi! Thôi!*

*Cửa tía lầu vàng đành kẻ khuất, đem thân bách chiến, để tiếng thom cho tỏ mặt anh hùng. – Súng đồng gươm bạc mặc người còn, truyền lệnh ba quân, thét hơi mạnh để xây nền bình trị.*

*Thương hỡi là thương, – Kể sao xiết kể.*

\*\*\*

Pháp thấy Phan còn chống cự, dùng áp lực để lung lạc: cho khai quật mộ tổ họ Phan ở làng Đông Thái, bắt giam nhiều người thân thuộc của Phan... Lại sai Đinh Nho Quang và Hoàng Cao Khải đưa thư chiêu dụ.

Dưới đây, xin sao lại bức thư của Hoàng Cao Khải và lời đáp của Phan, dịch đại lược ở Hán văn, để thấy rõ hai lập trường, hai thái độ sai biệt nhau thế nào:

Thư của Hoàng Cao Khải

Đông áp Phan Đình Nguyên đại nhân túc hạ,

Tôi với ngài xa cách nhau, xuân thu đáp đối trải đã mười bảy năm rồi. Dâu bể cuộc đời, bắc nam đường bụi, tuy là mỗi người đi một ngã khác nhau, nhưng trong giấc mộng hồn vẫn thường thấy nhau, không phải xa xôi gì.

Từ lúc ngài khởi nghĩa đến giờ, nghĩa khí trung can, đều rõ rệt ở tai mắt người ta. Tôi thường nghe các quý quan nói chuyện đến ngài, ông nào cũng phải thở than khen ngợi và tỏ ý kính trọng ngài lắm. Xem như thế thì tâm lòng huyết khí tôn thân, tuy người khác nước, cũng chung một tâm tình ấy thôi.

Ngày kinh thành thất thủ, xa giá nhà vua bôn ba, ngài mạnh mẽ đứng ra ứng nghĩa, ngài làm vậy là phải lắm, không ai không nói như thế. Song le, sự thế gần đây đã xoay đổi ra thế nào, thử hỏi có thể làm vậy được nữa không, dầu kẻ ít học thức, kém trí khôn, cũng đều trả lời được. Huống chi ngài là bậc tuấn kiệt, chẳng lẽ không nghĩ tới hay sao? Tôi trộm xét chủ ý của ngài, chắc cũng cho rằng: ta cứ làm theo việc phải ta biết, cứ đem hết tài năng ta có, việc nên làm mà làm, là ở người, còn thành được hay không, là ở trời, ta chỉ biết đem thân hứa cho nước đến chết mới thôi.

Có điều tôi thấy tình trạng chốn quê hương chúng ta gần đây, lấy làm đau lòng hết sức. Nhân đó, tôi thường muốn đem ý kiến hẹp hòi, để tỏ cùng lượng cao minh soi xét; nhưng mấy lần mở giấy, mài mực, toan hạ bút xuống rồi lại gác bút thờ dài. Vì sao? Vì tôi liệu biết can tràng của ngài cứng như sắt đá không thể lấy lời nói mà chuyển động nổi. Đã vậy lại khác tình khác cảnh, xa mặt xa lòng, lời nói của

tôi chắc gì thấu tới nơi ngài, mà dẫu có thấu tới, đã chắc gì ngài chịu nghe dùng cho, hay chỉ để cho cố nhân cười mình là thằng ngu thì có.

Nay nhân quan Toàn quyền trở lại đem việc tỉnh ta ra bàn, có khuyên tôi sai người đến ngõ ý cùng ngài rằng: ngài là bậc hiểu biết nghĩa lớn, dẫu không bận lòng đến thân mình nhà mình đi nữa, thì cũng nên tưởng nghĩ cứu vớt lấy dân một địa phương. Lời nói đó, quan Toàn quyền không nói với ai, mà nói với tôi, là vì cho rằng: tôi với ngài có cái tình xóm làng cố cựu với nhau, chắc hẳn tôi nói ngài nghe được, vậy có lẽ nào tôi làm thinh không nói.

Ngài thử nghĩ: quan Toàn quyền là người khác nước, muôn dặm tới đây, mà còn có lòng băn khoăn nghĩ tới dân mình thay, huống chi chúng ta sanh đẻ lớn khôn ở đất này, là đất của cha mẹ tôn tộc, có lý đâu mình làm ngơ cho đành: làm lơ thì trăm năm về sau, người ta sẽ bảo mình ra sao? Làm người trên phải có lòng thương dân làm cốt, chưa từng có ai không biết thương dân mà bảo là trung với vua bao giờ. Việc của ngài làm bấy lâu, bảo rằng trung thì thiệt là trung song dân ta có tội gì đâu, mà phải lầm than thế này là lỗi tại ai? Nếu bảo là đã vì thiên hạ thì không thiết chi tới nhà nữa, cũng phải; nhưng một nhà của mình đã vậy, còn bao nhiêu nhà trong khắp vùng cũng bỏ đi cả, sao cho đang tâm! Tôi nghĩ nếu như ngài cứ khăng khăng làm tràn tới mãi, e rằng khắp cả sông Lam núi Hồng đều biến thành hồ hết thảy, chớ không phải chỉ riêng cây cỏ một làng Đông Thái chúng ta mà thôi đâu.

Tôi đắn đo, vụt lấy làm mừng mà nói riêng một mình; được rồi, lời nói đó tôi có thể đem ra nói cho ngài nghe lọt tai, để xin ngài chỉ bảo cho biết như vậy có phải hay không.

Tuy nhiên, sự thể của ngài, như cười trên lưng cọp đã lỡ, bây giờ muốn bước xuống, nghi ngại khó khăn biết bao!

Nếu tôi không có chỗ tin chắc được ở mình, thì quyết không khi nào dám mở lời nói liều lĩnh để mang lụy cho cố nhân về sau. Nhưng may là tôi với quan Toàn quyền, vốn có tình quen biết nhau lâu, lại với quan Khâm sứ ở kinh, và quan Công sứ Nghệ Tĩnh, tôi quen thân hiệp ý lắm, cho nên trước kia Trần Phiên Sứ (tên là Khách Tiên, làm Tuần phủ nên gọi là Phiên sứ) Phan thị lang (tên Huy Nhuận) cũng là chỗ thân trong tỉnh làng, hoặc bị tội nặng, hoặc bị xử đày, mà tôi bảo toàn cho đều được yên ổn vô sự. Lại như mới rồi, ông Phan Trọng Mưu ra thú, tôi dẫn đến yết kiến các đại hiền quý quan, thì các ngài cũng tiếp đãi trân trọng như khách quý, và tức thời điện về tỉnh nhà, bắt trả lại mồ mã và tha cả ba con về, như thế tỏ ra nhà nước bảo hộ khoan dung biết chừng nào!

Bây giờ, nếu ngài không cho lời tôi là dông dài, thì xin ngài đừng có ngần ngại một điều gì hết, tôi không khi nào dám để cố nhân mang tiếng là người bất trí đâu!

Hoàng Cao Khải

đồn thư

Thư trả lời của Phan

Hoàng quý đài các hạ,

Gần đây, tôi vì việc quân, ở mãi chốn rừng rú, lại thêm lúc này tiết trời rét quá, nông nổi thiệt là buồn tênh. Chợt có người báo có thư của cố nhân gửi lại. Nghe tin ấy, bao nhiêu nỗi buồn rầu lạnh lẽo tan đi

đâu mắt cả. Tiếp thư, liền mở ra đọc; trong thư cố nhân chỉ bảo điều họa phước, bày tỏ chỗ lợi hại, đủ biết lòng cố nhân, chẳng những muốn mưu an toàn cho tôi mà thôi, chính là muốn mưu sự yên ổn cho toàn hạt ta nữa. Những lời nói gan ruột của cố nhân, tôi đã hiểu biết: cách nhau muôn dặm tuy xa, nhưng chẳng khác gì chúng ta ngồi chung cùng nhà nói chuyện với nhau vậy.

Song le, tâm sự và cảnh ngộ của tôi có nhiều chỗ muôn vàn khó nói. Xem sự thể thiên hạ thế kia, mà tài lực tôi thế này, y như lời cố nhân đã nói: sức bọ ngựa là bao mà dám giơ cánh tay lên chống xe!

Nhưng nghĩ lại, nước nhà mấy ngàn năm qua chỉ lấy văn hiến truyền nối đời này qua đời kia, đất nước chẳng rộng, quân lính chẳng mạnh, tiền của chẳng giàu, duy có chỗ ỷ thị dựa nương để dựng được nước, là nhờ cái gốc vua tôi cha con theo năm đạo thường. Xưa nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống, nhà Nguyên, bao phen lăm le chiếm đất ta làm quận huyện mà vẫn không chiếm được. Ôi! Nước Tàu với nước ta, bờ cõi liền nhau, sức mạnh hơn ta vạn bội, thế mà trước sau vẫn không thể ỷ mạnh nuốt trôi ta được, nào có vì lẽ gì khác đâu, chẳng qua non sông nước Nam tự Trời định phận riêng hẳn rồi, và cái căn bản thi thư lễ nghĩa vốn có chỗ đủ cho mình trông cậy dựa nương lắm vậy. Đến nay, người Pháp với mình cách nhau không biết là mấy muôn dặm, họ vượt biển lại đây, đi tới đâu như gió lướt tới đó, nhà vua phải chạy, cả nước lao xao, bỗng chốc non sông nước mình biến thành bờ cõi người ta, thế là trọn cả nước nhà, dân nhà cùng bị đắm chìm hết thảy, chớ có phải riêng một châu nào, một nhà nào phải chịu lầm than đâu!

Năm Ất Dậu, xa giá thiên tử ngự đến Sơn Phòng Hà Tĩnh, lúc đó, tôi đang có tang mẹ, chỉ biết đóng cửa cư tang cho trọn đạo, chớ đâu dám mơ tưởng đến sự gì khác hơn. Song vì mình là con nhà thế thân, nên đôi ba lần đức Hoàng thượng giáng chiếu vời ra, không lẽ nào từ chối, thành ra tôi phải gắng gỏi đứng ra vâng chiếu. Gần đây Hoàng thượng lại đoái tưởng lựa tôi mà giao phó việc lớn, ủy thác quyền to, ấy mạng vua như thế, nếu cố nhân đặt mình vào cảnh tôi, liệu có đành chối từ trốn tránh được không?

Thưa cố nhân, chỉ vì nhân tâm đối với tôi như thế, cho nên cửa nhà tôi dù là hương khói vắng tanh, bà con xiêu dạt, tôi cũng chẳng dám đoái hoài. Nghĩ xem kẻ thân mà mình còn không bao bọc, huống chi người xa. Vả chẳng hạt ta đến nỗi điêu đứng lầm than quá, không phải riêng vì họa binh đao: quân Pháp đi tới đâu, có lũ tiểu nhân tủa ra bày kế lập công, thù vợ oán chạ: người không có tội, chúng cũng buộc cho có tội, rồi thì nay trách mai phạt; phạm có cách gì đục khoét được của dân, chúng cũng dùng tới hết; bởi đó mà thói hư mỗi tề tràn ra cả trăm ngàn, quan Pháp làm sao biết thấu những tật khổ của dân quê. Như thế, bảo dân không phải tan lìa trôi dạt sao được?

Cố nhân với tôi đều sanh đẻ tại châu Hoan mà ở cách xa ngoài muôn ngàn dặm, cố nhân còn có lòng đoái tưởng quê hương thay, huống chi tôi đây đã từng lấy thân chịu đựng và lấy mắt trông đến, thì sao? Khốn nỗi cảnh ngộ bó buộc, vả lại sức mình chẳng làm được theo lòng mình muốn, thành ra phải đành. Cố nhân đã biết đoái hoài thương xót dân này thì nên lấy tâm sự tôi và cảnh ngộ tôi thử đặt mình vào mà suy nghĩ xem, tự nhiên thấy rõ ràng, có cần gì tôi phải nói dông dài nữa ư?

Phan Đình Phùng

Phúc thơ

Cuộc chiêu dụ không đem lại kết quả, năm 1895, Pháp quyết đánh mạnh. Núi Vụ Quang bị vây

hãm; Phan phải lui về đóng ở núi Đại Hàm.

Dùng kế ngăn nước, dụ cho địch đuối qua sông, rồi phá đập để nước chảy mạnh xuống, Phan đã thắng một trận vẻ vang: giết được 3 sĩ quan Pháp và hàng trăm lính, lấy được ngót 100 khẩu súng.

Chí sĩ Phạm Văn Ngộ sau đi qua nơi này, có thơ rằng:

*Gió lạnh, sương mù, buổi rạng đông*

*Ba quân phục sẵn ở bên sông.*

*Chiêng khua một tiếng quân reo dậy*

*Đê phá trên ngàn nước chảy hung!*

Pháp được Khâm sai Nguyễn Thân phò tá đắc lực, nên càng ngày càng thắt chặt vòng vây, nghĩa binh hụt dần lương thực, Phan Đình Phùng mắc bệnh lỵ mà mất tại núi Quạt ngày 13-11-1895, thọ 49 tuổi.

Khi sắp mất, Phan có bài thơ cảm khái:

Nhung trường phụng mạng thập canh đông,

Võ lực y nhiên vị tấu công.

Cùng hộ ngao thiên nan trạch nhạ

Phỉ đồ biến địa thượng đôn phong.

Cửu trùng xa giá quan san ngoại,

Tứ hải nhân dân thủy hỏa trung.

Trách vọng dĩ long ưu dĩ đại,

Tướng môn thâm tự quý anh hùng.

Dịch:

Nhung trường vâng mạng đã mười đông,

Đánh dẹp dây dưa, chữa tấu công...

Dân khổ kêu trời vang ổ nhạ,

Quân gian dậy đất rộn đàn ong.

Chín trùng lận đận miền quan tái,

Trăm họ lầm than đám lửa hồng.

Trách vọng càng nhiều, càng cố gắng,

Tướng môn riêng thẹn tiếng anh hùng...

Phan tạ thế rồi, quân thứ các nơi mất dần tinh thần chiến đấu, phần trở về quê quán, phần trốn sang Xiêm, Lào, phần thì ra đầu thú.

Cách đó ít lâu, Nguyễn Thân tìm ra được ngôi mộ của Phan, sai đào lấy di hài đốt ra tro rồi trộn với thuốc súng, nhồi vào họng súng thần công bắn xuống Lam Giang...

# Đình Công Tráng

(...-1887)

Năm Bính Tuất (1886) tiếng súng của quân Cần Vương làm rung động suốt từ Bình Thuận ra đến Thanh Hóa.

Tại Thanh Hóa, những thành lũy của quân Cần Vương lần lượt nổi lên bày hàng chữ nhứt, dọc theo dãy Hồng Sơn là bức tường ngăn với tỉnh Ninh Bình. Những thành Tam Cao, Tam Dương, Lang Bài, Vũ Lợi, Mã Cao, Ba Đình, ẩn trong rừng núi, họp lại thành một mặt trận dài 50 cây số để chống nhau với quân Pháp ở Bắc Việt.

Thành Ba Đình, xây trên ba làng Mỹ Khê, Mậu Thịnh và Thượng Thọ. Ba làng như ba cái đảo nhỏ giữa một thửa ruộng lầy cực rộng, ở vào một khuỷu con sông chảy từ Thanh Hóa ra Ninh Bình và cách Đò Lèn chừng mười cây số. Thành này do Đình Công Tráng đứng ra lập kiểu và đốc công.

Đình Công Tráng người tỉnh Hà Nam, là một viên cựu Chánh tổng, trước xung vào quân Hoàng Kế Viêm khi Hoàng còn trấn thủ tỉnh Sơn Tây. Năm Quý Vị (1883) quân Hoàng hiệp cùng quân Cờ Đen để cầm cự với Henri Rivière. Do đó Tráng có dịp gần gũi quân Cờ Đen học thêm được chiến lược của Lưu Vĩnh Phúc. Tráng có sức mạnh và trí thông minh, nên không bao lâu thành một tướng giỏi. Ngoài việc dùng gươm súng rất can đảm, Tráng lại khéo chọn địa thế. Mỗi lần ra chiến trường, Tráng bao giờ cũng là người đầu tiên hăng hái nhảy vào trận mưa đạn.

Tháng 9 năm Bính Tuất (1886) xây xong thành Ba Đình, Tráng cho tháo nước sông Lèn vào, khiến cho xung quanh thành toàn là mặt nước bao la, chỉ nổi lên có mấy đường thật nhỏ làm lối đi lại. Để làm hậu thuẫn cho Ba Đình, quân Cần Vương còn xây một thành Mã Cao ở cách đó 30 cây số. Ba Đình gần biển, Mã Cao áp núi, địa thế rất tốt cho việc cầm quân.

Từ tháng 10, quân Pháp ra đường Đò Lèn hay bị tập kích, có khi không còn sống sót người nào. Đường giao thông nghẽn, quân Pháp không dám đi lẻ loi, phải chờ đại đội tiến vào đánh dẹp, trong khi cho quân các đồn ở Ninh Bình, Thanh Hóa hoặc Vinh lén lút dò thám. Nhưng bất cứ là do đường nào mà đến, quân Pháp cũng đều tiếp được những viên đạn ở trong bụi rậm hay khe đá bắn ra. Tuy vậy họ vẫn tin rằng đó là những toán giặc nhỏ, chẳng đủ quan tâm, dẹp lúc nào nên lúc ấy.

Sở dĩ họ không lưu ý tới Ba Đình, một có nữa là vì quân Pháp bấy giờ còn bận về các cuộc đánh dẹp ở các tỉnh Bắc Việt. Cuối năm Bính Tuất (1886) miền Bắc tạm yên, Đại tá Metzinger và Thiếu tá Doods chia đường tiến đánh Ba Đồn. Tiến đến nơi vừa thoáng thấy bóng thành thì đạn ở trong đã bay ra vùn vụt, hai cánh quân đều phải lùi trở lại. Không thể nào vào được Ba Đình, hai võ quan đành đóng quân ở ngoài để chờ cứu viện. Sang tháng chạp, tổng chỉ huy Pháp Warnet, gửi một đoàn lính Ả Rập vào Thanh.

Sao khi chuẩn bị sẵn sàng, ngày 18 tháng chạp, quân Pháp khởi thế công, chiếm được vài đồn nhỏ ở phía ngoài, nhưng số thiệt hại cực nhiều, rút lại là Nam quân thắng lợi.

Đại úy Nugent mang đoàn quân Bắc Việt thứ hai hăng hái tấn công nhưng đạn trong thành bắn ra như tưới, làm tử thương rất nhiều, trong số có Thiếu úy Audibert. Metzinger cũng hoàn toàn thất bại. Đại đội của Trung úy Zahner và Tuffier liêu chết lội nước xông vào. Nam quân để cho họ tiến tới chân thành mới một loạt bắn ra. Zahner bị đạn ở đầu, bỏ mạng giữa đám quân đã chết gần hết. Tuffier, tay dao, tay súng, xông vào vừa chém lũy tre vừa bắn. Nhưng một viên đạn của Đinh Công Tráng kết liễu đời y. Còn lính Ả Rập tuy hùng hổ dữ dằn, kết cục xác cũng chổng lên ngọn ngang ở chân lũy. Đại tá Blaise mang quân vào trợ chiến lại bị thương.

Tại khắp các mặt trận, quân Pháp đều thua to, thành Ba Đình trước kia người ta coi thường, phút chốc trở thành mồ lớn của quân Pháp.

Quân Pháp đến đóng ở phía ngoài Ba Đình đã hơn hai tháng, không thắng được trận nào. Thiếu tá Doods cũng như Metzinger đành thúc thủ và thảo tờ trình gửi ra Hà Nội.

Quân Pháp từ khi để chân lên đất Việt, mỗi lần cướp thành, dù kiên cố như Sơn Tây, hay rộng rãi như Hà Nội, Huế, cũng chỉ mất vài giờ, nay đánh ở đây đến hai tháng mà Ba Đình chẳng nóng, đều lấy làm lo. Quân Pháp chỉ lưu lại chút ít để giữ các thành đã chiếm được, còn bao nhiêu trút cả vào Ba Đình. Hải quân Pháp ở Trung Hoa cũng rút về miền này một phần. Đánh chẳng được, Pháp đành dùng cách vây hãm. Đạo quân đánh Ba Đình gần 50 viên tướng Pháp và 2.250 quân. Đại tá Brissaud đứng tổng chỉ huy lập đại bản doanh ở Thuận Đào, dưới trướng có tham mưu d'Amade, Masson, Đại tá Diguët chỉ huy quân Lê Dương, Đại tá Steltz chỉ huy pháo binh, có Đại úy Putz trợ lực. Mặt bắc Đại tá Doods đóng tại Nghi Vinh, mặt Nam Đại tá Metzinger đóng tại Xa Liễn, Đại úy Joffre chỉ huy công binh, phó quân lương Chaumont giữ việc quản trị, bác sĩ Velledary và Perrin đứng đầu y tế. Trên mặt sông, xung quanh thành, 4 chiến hạm chực sẵn do Trung úy Thusnine, Surcouf, Le Prieur và Dantin chỉ huy. Các giáo đoàn Phát Diệm, Kẻ Sở, Điền Hộ, Bồ Xuyên cung cho quân Pháp 5.000 giáo dân để đào hầm vận lương.

Thoạt đầu, Brissaud cho đào hầm nắp mà bắn, nhưng trong thành bắn ra như mưa, không tài nào tiến gần được. Trung úy Drujon và Fauré, do các đường nhỏ tiến vào, khi cách thành chừng 100 th thì đạn trên giội xuống, cả hai cùng bị thương. Đại úy Bouchage, Trung úy Lambelin và Thiếu úy Goerhing lội xuống ruộng lầy chực xông vào đều bị đạn, người chết, kẻ bị thương nặng. Trung úy Collot dẫn công binh cầm mìn để phá lũy, cũng bị đạn cản phải lui. Dodds và Bouchage gãy đùi. D'Amade mang viện binh đến cũng bị thương nốt.

Trong hai tháng trời quân Pháp đại bại hai lần, Brissaud tính xoay kế khác, bèn hạ lệnh bố vây một cách kín đáo hơn: đóng hàng rào dài bằng tre, gỗ, dây thép gai, lập nhiều lều tranh để ban ngày làm chỗ cho quân ẩn. Quân của Trần Xuân Soạn từ Mã Cao, nhân đêm đánh vào vòng vây, nhưng không kết quả. Quân của Đinh Công Tráng ở trong thành nhận thấy quân Nam đã đứng vào tình thế rất nguy ngập, chẳng chóng thì chầy, quân Pháp sẽ tìm cách phá thành, bèn tìm cách tháo vòng vây. Ngày 20 tháng giêng năm Đinh Hợi (1887) Tráng cho mang thư sang Mã Cao yêu cầu Trần Xuân Soạn rút quân các đồn nhỏ về Nghi Vinh rồi gần nửa đêm, nhân có



sương mù, Tráng và bộ hạ mở đường máu mà ra. Quân Pháp và lính pháo thủ chết rất nhiều. Tráng chạy về Thạch Bằng, rồi lên Mã Cao.

8 giờ sáng, quân Pháp kéo vào thành Ba Đình. Mấy cửa lớn cùng bỏ ngõ. Mùi hôi thối xông lên nồng nặc. Sau bức tường đất, xác chết nằm ngổn ngang, những xác này chết đã lâu, vì không có đất chôn nên đành để làm mồi cho ruồi nhặng.

Brissaud hạ lệnh đốt thành và chôn bớt một ít xác. Quân Pháp đóng ở Ba Đình thêm sáu hôm nữa, phòng quân Nam có quay trở lại.

Brissaud dò xét biết Nam quân dồn cả về Mã Cao, định tìm đánh, nhưng nơi này hiểm trở, quân Pháp dẫu mạnh, cuộc thắng cũng vẫn khó lòng, nên cho lính phao lên rằng: quân Pháp định rút về Huế và ra Bắc, mục đích là làm cho quân Nam không đề phòng, để rồi bất thần kéo lên Mã Cao.

\*\*\*

## Thành Mã Cao

Thành Mã Cao xây ở ngã ba sông Cày Cháy về miền thượng du tỉnh Thanh Hóa. Miền này đất cát phì nhiêu, cạnh một khu rừng bát ngát, có đường thông sang Lào và đi Vân Nam. Thành ở ven sông, sông như một cái hào lớn, rộng 40 th, và sâu hơn 10 th. Dọc theo sông, Đinh Công Tráng cho đào hầm làm chỗ nấp bắn. Sau hầm là thành. Thành tuy đắp bằng đất, nhưng vững mà cao, hình bát giác, mỗi cạnh dài 800 th và cạnh nào cũng có vọng lâu để nấp bắn ra. Xung quanh đồn chừng 300 th, Tráng cho xây 6 đồn khuất trong rừng, trong đó đồn Hồ Sen dùng làm nơi chế thuốc súng.

Lúc Đinh Công Tráng bỏ thành Ba Đình liền chết chạy về Thạch Bằng, rồi lên Mã Cao là có ý lui về chỗ núi non hiểm trở sẽ chiêu tập binh mã và tích trữ lương thực, súng đạn, để sau lại tái chiến. Nhưng chí chưa đạt, thì Brissaud đã thừa thắng chia quân ra làm ba đạo kéo đến Mã Cao:

- Đạo thứ nhất do Dodds, về phía Bắc,
- Đạo thứ nhì do Metzinger, về phía Nam,
- Đạo thứ ba do Joffre, chuyển vận khí giới và lương thực do sông Mã và sông Chu đi lên.

Ba đạo gặp rất nhiều khó khăn, vì từ Ba Đình lên Mã Cao cũng xa xôi như từ Ninh Bình vào Ba Đình.

Ngày mồng 2 tháng 2 năm Đinh Hợi (1887) ba đạo cùng hợp nhau. Brissaud đi kinh lý địa thế của thành Mã Cao, tới phủ Thọ Xuân thì được viên Tri phủ giao cho hai viên tướng Nam bị bắt và hiện giam tại phủ. Brissaud bắt hai người này đi dẫn đường, qua những khu rừng khuất khúc mà không gặp đồn lũy gì cả. Brissaud không bằng lòng, buộc phải đưa tới những chỗ có Nam quân. Hai người liền đưa vào những đồn hiểm hóc, quân Pháp bị phục kích tổn hại rất nhiều, Brissaud tức giận sai trói họ lại bắt đi đầu, cố cho quân Nam giết họ. Đang đi, quân Pháp gặp một khe sâu, vừa chực lội qua thì bên kia khe đại bác bắn sang, và súng tay liên tiếp cùng

nổ. Rồi Nam quân bố vây tứ phía, nhưng đều nắp cả trong rừng. Biết thế nguy, Brissaud chia quân làm ba đạo cực lực công phá. Nam quân yếu thế phải thu vào thành. Tiếng súng bỗng im hẳn. Sự im lặng của Nam quân trong khu rừng hoang làm cho quân Pháp kinh hồn, ai nấy đều có cảm tưởng như sa vào cõi chết.

Quân Pháp lảng lạng đi chừng một giờ nữa, đến trước một con sông, chông gai lơ mờ trên mặt nước, bên kia có đồn lũy. Hai người tù binh bỗng hô to: “Ra mà bắt lấy Brissaud!” rồi họ nhảy cả xuống sông định trốn. Toán lính pháo thủ đi kèm vội nhào xuống đuổi theo và bắn họ chết. Quân Pháp vượt sông sang cướp đồn. Tráng bỏ đồn chạy vào thành, ra lệnh tổng công kích.

Trong thành cò phất, tiếng hò reo lẫn với tiếng súng làm vang động cả một góc trời. Brissaud lúc ấy mới nhận ra rằng quân mình vừa bước vào nơi hiểm yếu: giữa là thành, xung quanh là đồn, cách tổ chức giống hệt như thành trì kiên cố bên Pháp. Brissaud thúc đạo quân trung ương đánh vào thành. Tả dục của Metzinger đánh vào phía Nam. Dodds chỉ huy hữu dục, chặn đường quân Nam ở phía Tây. Từ giờ Ngọ trở đi, cuộc tranh đấu rất kịch liệt, tiếng súng của hai quân Nam Pháp, hòa nhau làm rung động cả khu rừng tịch mịch ở Cự Bào.

Gần tối, quân Nam hết đạn. Liệu không giữ được thành nữa và sợ bị hãm như ở Ba Đình, Tráng phải do cửa Nam rút quân ra. Brissaud thấy im tiếng súng, thúc quân do cửa Bắc tiến vào. Thành rỗng, các đồn xung quanh, Nam quân đã bỏ cả. Quân Pháp chỉ thu được mấy cái đồn trống không với chừng một trăm xác chết của Nam quân. Bên quân Pháp, Trung úy Thuisy bị đạn chết, Trung úy Fauré bị trọng thương, quân Pháp và lính pháo thủ Bắc Kỳ chết hoặc bị thương một số lớn.

Đinh Công Tráng cùng với bộ hạ thoát tiên còn ẩn núp ở miền thượng du tỉnh Thanh Hóa, sau xuống trung châu tìm vào những nhà quen và phái người đi cổ động các nơi, định mưu đồ khôi phục, nhưng không có kết quả: đi tới đâu dân cũng khiếp sợ, không dám theo. Một phần khác, các quan địa phương muốn tâng công với chủ mới, hết sức truy nã những người đã dục vào đội quân Cần Vương. Thất vọng, Tráng lui vào miền núi tỉnh Nghệ An. Suốt mùa hè năm Định Hối (1887), Tráng đi lang thang hết nơi này sang nơi khác. Quân Pháp biết Tráng giữ một địa vị quan trọng trong quân Cần Vương, nên lại càng ra sức tìm kiếm vì nghĩ rằng bắt được Tráng thì ngọn lửa chiến tranh của quân Cần Vương sẽ dập tắt.

Ngày 5 tháng 10, Lý trưởng Tang Yên đến báo cho Đại úy Costes rằng Tráng hiện đang ở làng mình. Costes liền cùng với Trung úy De Fitz-James đem 65 tên lính, lấy thuyền đi bắt Tráng. Ba giờ sáng tới Tang Yên, Costes bố vây, Tráng thấy động nhảy ra chạy, bị Costes bắn chết.

Sau khi Tráng chết, chiến cuộc ở Thanh Hóa yên.

Trong quyển Souvenirs de l'Annam et du Tonkin của Masson có đoạn phê bình:

*“Đinh Công Tráng là người có óc tổ chức và có bụng thành thật, biết giữ kỷ luật trong quân đội và nghiêm trị những tên lính đi những nhiều các làng, lại có trí quan sát và nhãn nại, hiểu biết quân mình và quân người, cho nên không khi nào để hao binh tổn tướng. Chiến lược của Tráng cũng giỏi, khéo dụ quân Pháp vào chỗ hiểm yếu. Tráng chẳng nề gian nguy, bao giờ cũng đi đầu, nhưng bao giờ cũng suy nghĩ cẩn thận, mạnh bạo trong việc làm, lại sẵn một lòng yêu nước đáng kính.*

*Nếu Tráng được những người cương nghị phò tá, thì quân Pháp còn bị chật vật không biết bao nhiêu lần nữa, mà vị tất đã thắng nổi”.*

# Nguyễn Duy Hiệu

(1847-1892)

Người xã Thanh Hà, huyện Duyên Phúc, tỉnh Quảng Nam, sinh năm Đinh Mùi (1847), trúng Cử nhân khoa Bính Tí (1876) đậu Phó bảng năm Kỷ Mão (1879) hàm Hồng lô tự khanh, nên thường gọi là Hường Hiệu. Nước da trắng, mũi cao, hai mắt đen láy, dung mạo kỳ vĩ, thần thái trầm tĩnh, tỏ ra con người nghiêm nghị và gan góc.

Sau khi vua Hàm Nghi chạy lên Sơn Phòng rồi xuống chiếu Cần Vương, nhân sĩ ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định hô hào lập nghĩa hội, chiêu mộ nghĩa binh để chống Pháp, tôn Nguyễn Hiệu làm thủ lĩnh.

Nguyễn Hiệu quả có đức tính một vị lãnh tụ, lấy đại nghĩa “chống Pháp, cứu dân” hiệu triệu dân chúng một cách hăng say, ông đã khiến cho chẳng bao lâu, cuộc khởi nghĩa thành phong trào rộng lớn mà tỉnh Quảng Nam trở nên một khu vực gần như hoàn toàn ở trong tay nghĩa quân.

Nguyễn Hiệu có lẽ là người xướng xuất ra đầu tiên chiến lược tiêu thổ kháng chiến. Chỗ nào quân Pháp sắp kéo đến là nhân dân đã tự đốt nhà và đốt hết cây cỏ lúa mạ; không những đốt nhà tranh, cả nhà ngói nữa, những chủ nhân nhà giàu cũng không tiếc rẻ mà ngăn cản sự đốt phá.

Chiến lược áp dụng là du kích chiến: để tiêu hao lực lượng địch, mỗi đêm ông cho quân đến đánh đồn rồi rút lui, khiến địch ăn ngủ không yên; mệt mỏi đến đeo bệnh bỏ mình khá nhiều, địch muốn đuổi theo mà đánh thì chẳng mấy khi bắt kịp là vì quân ta am hiểu địa thế, trong khi quân Pháp phải mang trên vai lương thực và hành lý nặng nề, lại chỉ dám noi theo những đường đã có sẵn.

Trong đêm 28-2-1886, Besson, một viên Đại úy công binh coi việc làm đường Huế – Đà Nẵng, bị quân ta mai phục giết cùng với 6 lính hộ vệ, ở trạm Nam Châu.

Vụ này làm Pháp xúc động vô cùng. Nam triều phái Nguyễn Thân làm Tiểu phủ sứ sang giúp quân Pháp. Nguyễn Thân nguyên trước đã tham gia vào nghĩa hội, sau phản bội về đầu Pháp. Bấy giờ y mới 24, 25, thông minh và hăng hái nhưng tâm địa không chính đính. Một đêm y đánh úp một trại quan trọng của nghĩa quân, không dè nơi đó gia đình Nguyễn Hiệu đang cư trú. Nguyễn Hiệu chạy thoát được nhưng gia tiểu gồm một mẹ già 85 tuổi, hai vợ và 5 con, cùng với một số bộ tướng bị bắt, lương thực và đạn dược bị thu mất khá nhiều.

Hiệu cùng với thủ hạ rút vào ẩn náu trong dải núi Ngũ Hành (giữa Hội An và Đà Nẵng) rồi thấy mình bị cô lập, không còn khí thế để chống chọi nữa, bèn họp bọn tàn quân lại hiệu dụ: “Chúng ta đã hết lòng hết sức vì nước vì vua, nhưng lòng trời không tựa, vậy nay ta cho tất cả anh em giải tán. Ta sẽ tự đưa mình ra cho Pháp bắt. Khi Pháp tra hỏi, một mình ta sẽ cố gắng che chở cho mọi người. Ta chết không đủ tiếc, nếu sau này có ai nổi chí ta mà thắng được giặc, ấy là ta vẫn sống”.

Quân tướng kính cẩn sụp lạy, rồi ra đi. Chờ cho họ rút hết được an toàn, Hiệu mới xuống núi, cố ý để cho Pháp bắt. Quân Pháp bắt Hiệu nhốt vào cũi cho xuống thuyền chở về Huế. Hiệu vẫn khăn thâm, mặc áo dài thâm, ngồi xếp bằng trong cũi, trên một lá cót, bên mình có hộp trà. Ông cầm quạt thỉnh thoảng phe phẩy, nhìn những người bu quanh với đôi mắt bình thản. Ông cứ ngồi như thế trong khi cũi khiêng về trại lính Võ Lâm. Ở đây bắt đầu ngay cuộc thẩm vấn. Viện Cơ Mật lên án xử tử, phân thân bốn mảnh, tòa Khâm sứ can thiệp, sự phân thân được hủy bỏ.

Bản án dâng lên vua Đồng Khánh. Vua châu phê ra lệnh thi hành. Nguyễn Hiệu bị hành quyết ngay hôm sau.

Ông tự nghĩa, thần thái ung dung, một nụ cười tươi nở trên môi.

Rồi người ta đưa thủ cấp ra xe lửa, đem vào Quảng Nam để bêu cho dân chúng xem, trong khi một lính phi ngựa chạy khắp tỉnh, mỗi tên cầm một lá cờ giơ lên cao, lòng cờ có hàng chữ lớn: “Hiệu, đại thủ lĩnh phiến loạn, đã bị bắt”.

# Mai Xuân Thưởng

(1860-1887)

Sinh năm Canh Thân (1860) là con ông Mai Xuân Tín, trước làm chức Bố chánh tỉnh Cao Bằng. Quán làng Phú Lạc (nay thuộc xã Bình Thành, quận Bình Khê, tỉnh Bình Định, Trung Việt).

Thân phụ mất sớm, Mai theo mẹ về ở Phú Lạc, lớn lên xin nhập học trường cụ tú Lê Dung luyện tập cả văn lẫn võ.

Đỗ Tú tài năm mười tám tuổi, một thời gian bỏ không thi. Khoa Ất Dậu (1885) lại ra thi, trúng Cử nhân, bấy giờ 26 tuổi.

Ông đỗ nhằm lúc kinh đô thất thủ, vua Hàm Nghi xuất bôn. Hồi đó tại Bình Định có nguyên Tổng đốc Đào Doãn Địch cầm đầu nghĩa quân chống Pháp; Mai Xuân Thưởng chiêu mộ được một số binh sĩ liền theo về và được phong làm Tán tương quân vụ. Sau, Đào Doãn Địch lâm bệnh nặng mà mất, Mai Xuân Thưởng được tôn lên làm Nguyên soái.

Tuy tuổi trẻ nhưng tài cao, lại có đức độ, có chí khí, nên những nhân sĩ nổi danh như Bùi Điền, người Quảng Ngãi; Nguyễn Hóa, Trần Trung và Trần Nha, người quận Bình Khê (Bình Định); Nguyễn Cang, Nguyễn Trọng Trì và Đặng Thành Tích, người quận An Nhơn (Bình Định) đều vui vẻ chịu quyền chỉ huy.

Tháng 9 năm Ất Dậu (1885) Mai nguyên soái làm lễ tế cờ tại Lộc Đồng, thanh thế rất lừng lẫy oai hùng. Tiếp đó, trong nhiều trận đánh nhau tại Cẩm Vân, Thủ Thiện, nghĩa quân đã làm cho địch hao binh tổn tướng: mặc dù khí giới chỉ là gươm giáo, ông đã chống chọi được ba năm trường.

Pháp nhiều lần gửi thư dụ hàng nhưng không lay chuyển được lòng cương quyết bất khuất của người anh hùng.

Đại quân Pháp do Trần Bá Lộc từ Nam Kỳ kéo ra cùng với Tiểu phủ sứ Nguyễn Thân hợp nhau vây đánh căn cứ của Nghĩa quân. Thế địch quá mạnh, Mai Xuân Thưởng phải rút binh vào Linh Đồng, tính kế kháng chiến trường kỳ. Nhưng tại Phú Phong, các tướng Nguyễn Hóa, Bùi Điền và Nguyễn Cang bị giết.

Không bắt được Mai Xuân Thưởng, bọn Trần Bá Lộc tức giận, liền cho bắt giam bà mẹ ông cùng đám hương lý và một số dân hai làng Phú Lạc và Phú Phong.

Mai Xuân Thưởng được tin mẹ mình bị bắt và dân chúng phải chịu nhiều khổ nhục, liền đích thân ra gặp Trần Bá Lộc tại đình Phú Phong. Trần Bá Lộc dụ ông ra hàng, ông khẳng khái nói: “Chỉ có đoạn đầu tướng quân, chứ không có hàng đầu tướng quân”.

Bị giải về thành Bình Định, ít hôm sau, Mai Xuân Thưởng chịu tội tử hình. Ông chết nhằm ngày rằm tháng 4 năm Đinh Hợi (1887), hưởng dương được 27 tuổi.

Phần mộ của ông ở tại Phú Lạc. Nhưng ngót nửa thế kỷ, vì bọn phong kiến và thực dân cho là nguy, nên không ai dám đến thăm.

Sau khi Nhật đảo chánh Pháp, nhân dân Bình Định có tổ chức lễ truy điệu trọng thể tại Phú Lạc. Và từ khi chánh quyền quốc gia tái lập trên đất Bình Định, đồng bào Bình Khê mỗi năm đến ngày kỵ, họp nhau tại phần mộ để thắp nén nhang tưởng niệm vị anh hùng tuấn quốc.

# Nguyễn Thành

(Tiểu-La)

Nguyễn Thành còn tên nữa là Hàm, tục gọi là Ấm Hàm, tự Triết Phu, hiệu là Tiểu La, người làng Thạch Mỹ, phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam (Trung Việt).

Ông là một yếu nhân trong phong trào Cần Vương ở tỉnh Quảng Nam. Khi phong trào này thất bại, ông lui về ở ẩn tại sơn trang Nam Thịnh.

Năm 1902, ông cùng Phan Bội Châu thành lập hội “Việt Nam Quang Phục» tại Quảng Nam, tôn Kỳ ngoại hầu Cường Để làm hội trưởng, và hoạt động rất hăng say kháng Pháp.

Năm 1908, ông đứng ra khởi xướng phong trào chống sưu cao thuế nặng ở Quảng Nam, bị bắt đày đi Côn Đảo. Ở đây được hai năm, ông ngộa bệnh, chết về chứng thổ huyết.

Trước khi nhắm mắt, ông viết lại một bài thơ:

Nhất sự vô thành mấn dĩ ban,

Thử sanh hà diện kiến giang san!

Bổ thiên vô lực, đàm thiên dị,

Tế thế phi tài, tị thế nan.

Thời cuộc bất kinh vân biến huyễn,

Nhân tình chỉ khủng thủy ba lan.

Vô cùng thiên địa khai song nhãn

Tái thập niên lai thí nhất quan.

Huỳnh Thúc Kháng dịch ra quốc âm:

Một việc chưa xong tóc nhuộm màu

Non sông ngảnh lại thẹn mày râu.

Vá trời thiếu sức, bàn nghe dễ,

Cứu thế không tài, tránh ở đâu?

Cuộc biến ngại gì mây đổi sắc

Tình người e nổi sóng thêm sâu!

Mở toang hai mắt xem trời đất



Ngâm thủ mười năm vẫn vậy sao?

# Nguyễn Thiện Thuật

(Tán-Thuật)

1841....

Nguyễn Thiện Thuật, người làng Xuân Dục, tổng Bạch Sam, huyện Mỹ Hảo, tỉnh Hưng Yên, Bắc Việt, sinh năm Tân Sửu (1841, Thiệu Trị 1).

Đỗ Cử nhân khoa Tân Vị (1871) dưới triều Tự Đức, ông xuất thân làm Bang tá ở tỉnh Hải Dương, được cử đem quân đi tiêu trừ thổ phỉ trong hạt. Bấy giờ, giặc ta giặc khách nổi lên tứ tung ở xứ Bắc, triều đình đánh dẹp luôn không ngớt; những người biết dùng binh ít nhiều được chọn cho tham dự cuộc tiêu phỉ, nếu lập nên công trạng, thì bước đường công danh thường rất mau lẹ. Nguyễn là một trong số những người đó, đã dẹp được giặc Tiêu Viên ở phủ Kinh Môn tỉnh Hải Dương.

Năm Mậu Dần (1878) được bổ Tri phủ Từ Sơn. Năm Tân Tỵ (1881) thăng Tán tương quân vụ, theo giúp việc Nguyên soái Hoàng Kế Viêm đi đánh giặc khách từ Hắc Giang trở lên đến Sơn La. Sau lên chức Tổng đốc Hải Yên và làm Phó nguyên soái đạo quân Đông Bắc (1881).

Lúc ấy nhằm năm 1881, cuối triều Tự Đức, công việc xứ Bắc đang bối rối nguy nan, vì Pháp cố tình cướp trọn nước ta. Triều đình thấy ông là người có mưu lược, lại bổ về Sơn Tây làm Tán lý quân vụ, cùng Hoàng Kế Viêm trừ mưu định kế chống Pháp. Ở chức này ông kết giao thân mật với Lưu Vĩnh Phúc, chủ tướng quân Cờ Đen.

Đến năm Quý Mùi (1883) triều đình phải chịu nhận sự bảo hộ của Pháp ở Trung Bắc Kỳ, nên sai Nguyễn Trọng Hợp ra Bắc truyền lệnh triệt binh để theo chế độ mới.

Nhiều vị quan không chịu tuân lệnh này, người thì bỏ ấn về vườn, người thì dựng cờ xưng nghĩa, đây là trường hợp Tán Thuật, bỏ về Hải Dương, mộ binh đánh Pháp.

Có thể nói ông là tướng tiên phong trong hàng văn thân xứ Bắc. Vì ông có danh vọng to, vẫn được sĩ phu mến chuộng, dân chúng tin yêu, nên khi ông đứng ra khởi nghĩa, người ta nô nức hưởng ứng, chẳng bao lâu thành một thanh thế mạnh như nước tràn, gió lướt. khắp miền Trung châu đến mạn ngược, đâu cũng có người nổi dậy chịu ông chỉ huy hoặc cùng ông hô ứng.

Rồi đến năm Ất Dậu (1885) sau khi kinh thành thất thủ, vua Hàm Nghi xuất bôn, phong trào văn thân ở xứ Bắc như lửa thêm dầu, khiến người Pháp tiếng là đặt xong bảo hộ, nhưng chẳng được ngồi yên ngày nào, phải tấn công đàn áp dây dưa mãi.

Luôn mấy năm, Tán Thuật cùng em ruột là Nguyễn Thiện Kế (Hai Kế) và mấy người con cháu, xưng hùng ở Bãi Sậy (Hưng Yên) khéo dùng mưu lược mà thắng được quân Pháp lắm trận sướng tay.

Sau Pháp sai Hoàng Cao Khải, Lê Hoan đem lính đồng đi tiêu, hợp với mấy đạo lính tập do sĩ quan Pháp chỉ huy, bốn năm mặt tấn công một lượt, kỳ cho trục xuất quân binh Tán Thuật phải ra khỏi vùng Bãi Sậy mới thôi.

Tán Thuật cầm cự mãi đến cuối tháng ba năm 1889, thế cô lương hết, đành chịu dẫn một số thủ hạ rút lên Thái Nguyên. Trong lúc nguy cấp, ông viết thư cho Đốc Tít ở Hải Dương nhờ thu dụng hộ 300 thủ hạ được Đốc Tít hồi âm rằng chính mình cũng đang lâm vào cảnh ngộ gian nan, không sao nhận lời được. Thư của Đốc Tít bị quân Pháp chặn bắt: Pháp nhân thể biết rõ lực lượng của ông đã hao mòn lắm rồi, càng dồn binh đánh riết.

Ông thấy tình thế không thể cứu vãn được nữa, lại muốn tránh cái nhục bị kẻ thù bắt, nên thẳng đường chạy sang Tàu.

Khi ông đi rồi, phong trào văn thân tan vỡ. Nhưng danh vọng và dư uy của ông ràng buộc lòng người, nên dư đảng còn kế tiếp kháng chiến, mặc dầu lực lượng yếu ớt lẻ loi, vẫn còn làm cho người Pháp lao đao đánh dẹp mấy năm mới xong.

Tán Thuật chạy sang Tàu hình như cốt tìm Tôn Thất Thuyết, xem có thể cầu viện Mãn Thanh, để trở về đánh nhau với Tây phen nữa chẳng.

Nhưng khi đến Khâm Châu ông thất vọng, vì biết tình cảnh Thuyết đã từng cầu viện nhà Thanh mà không được việc gì cả. Nhà Thanh yếu thế, đã ký hòa ước Thiên Tân, và gọi cả bọn Đường Cảnh Tùng, Lưu Vĩnh Phúc rút binh ra khỏi Bắc Kỳ, khi nào còn muốn giúp ta chống lại Pháp.

Vậy thì lúc này có lẽ Tán Thuật đã từ già nước Tàu mà đi Nhật Bản, như người ta đồn về trong nước chẳng?

Không, ông chẳng đi đâu hết vì ông được một vị hưu quan Tàu ở Khâm Châu là Lương Kiều tức Lương Trác Nam đem lòng yêu mến, giúp vốn cho để mở một tiệm thuốc bắc làm cách sinh nhai. Hiệ thuốc ấy chiếm một căn nhà trung bình ở đường phố Tân Nhai, thành Khâm Châu.

Cách ít lâu, Hai Kế và trưởng nam Tán Thuật là Cả Tuyển cũng chạy qua Khâm Châu nương náu với ông. Nhưng hai người còn tráng kiện, hăng hái, chỉ tạm trú ở Khâm Châu một thời gian để lấy hơi dưỡng sức, rồi lại trở về nước hoạt động cách mạng, chống Pháp như cũ.

Nhà thơ trào phúng nổi tiếng là Huyện Móm, có lúc đã bị bắt lầm, vì cũng tên là Nguyễn Thiện Kế như người em Tán Thuật. Sau Hai Kế bị bắt, đày đi Côn Lôn hai chục năm mới được tha về quê quán, trọn hưởng tuổi già (thọ hơn 80 tuổi). Còn Cả Tuyển thì đi theo Đề Thám, đánh với quân xâm lược nhiều trận rất anh dũng rồi không may sa hãm vòng vây, bị Pháp đem xử trảm tại Bần Yên Nhân vào hồi tháng 4 năm 1909.

\*\*\*

Đau lòng vì thất bại, buồn cảnh tha hương, lại sống giữa chỗ có nha phiến rẻ, nhà cách mạng bôn đào trước còn thỉnh thoảng hút chơi khiển muện, dần dần thành ra nghiện nặng.

Ý chừng hiệu bào chế của ông chỉ đứng được ít năm rồi cũng thất bại, nên ông từ già Khâm Châu lên tỉnh thành Quảng Đông, ở nhà Lưu Vĩnh Phúc.

Ông tướng Cờ Đen lúc này đã từ Đài Loan về dưỡng già ở Quảng Châu, nghĩ tình cố giao, đem Tán Thuật về ở gần mình, cấp dưỡng tử tế. Hồi đó ông Tán đã ngoài sáu mươi, má hóp răng

long, đi một bước phải chống gậy.

Trong tập Ngục trung thư Phan Bội Châu có chép hồi ông xuất dương lần đầu, đi ngang Quảng Đông, ghé vào thăm Tán Thuật. Thấy một danh sĩ cổ hương có lòng đến thăm mình là bậc văn thân tiền bối, Tán Thuật mừng rỡ vô cùng, dẫn Phan đến ra mắt họ Lưu. Lúc này, Lưu cũng đã già nhưng mà nhắc chuyện đương niên, vẫn còn tưởng thấy hùng phong như hồi chém Garnier và Rivière ở cửa ô Cầu Giấy.

Sào Nam xuất dương lần đầu vào mùa xuân năm Ất Tị, tức là năm 1905. Lúc này hai nước Nhật Nga đang chống nhau kịch liệt ở cửa Lữ Thuận và thành Phụng Thiên.

Vậy thì bảo Tán Thuật đóng võ quan Nhật đi theo đánh Nga ở Lữ Thuận như có thuyết đã tuyên truyền, quả là một chuyện khó tin.

Sinh bình, Tán Thuật không thiện văn Nôm, chỉ thỉnh thoảng ngâm nga ít vần chữ Hán. Ông có bài Si cơ hành truyền tụng ở đời; bài ấy làm sau hồi vua Hàm Nghi xuất bôn, tả cảnh một người đàn bà vắng chồng vẫn giữ trinh tiết, để ngụ ý mình trung vua yêu nước, không vì phú quý công danh mà muối mặt đi đầu hàng giặc Pháp.

Bài Si cơ hành nguyên văn chữ Hán, ông Hải nông Lê Lăng Vân dịch ra quốc văn như sau:

Cô gái ngẩn ngơ

Mái đông lâu có nàng ngó ngẩn,

Vẻ thoa quần, nhà vẫn khó khăn.

Mười lăm mười tám đang xuân,

Sánh chàng công tử mười phần phong lưu.

Chàng công tử sang giàu nếp sẵn,

Chốn hương khuê, son phấn lả lơi.

Biết mình xấu chẳng bằng ai,

Dám mong âu yếm như người được sao!

Phút gặp buổi ba đào gấp khúc,

Lũ vô loài sạo sục mái tây.

Nào ngờ nông nổi nước này,

Chàng vừa đi khỏi, cửa rày sạch tan.

Chị em vốn điểm trang quen nết,

Ngại đấng cay, quên hết ái ân,

Theo người sửa túi nâng khăn,  
Nhặt phần chẵn gối, đậm phần nguyệt hoa.  
Nàng nghĩ đến xót xa khúc ruột,  
Đường kỳ khu một bước một đau.  
Răng long tóc rối thêm rầu,  
Dao hàn cắt ruột, lửa sào đốt gan  
Phường cán xa mấy nàng bạn cũ,  
Tình chị em khuyên nhủ mọi đường:  
Tội gì chấp nệ kinh thường,  
Tìm nơi tựa ngọc nương vàng thì thôi.  
Nàng nghe hết khúc nhôi thêm giận,  
Rằng: “Chồng ta là đấng nam nhi,  
Chẳng may gặp buổi loạn li,  
Dẫu rằng tân khổ, có kỳ vinh hoa,  
Nhớ thuở trước mẹ cha dạy bảo,  
Đạo chính chuyên là đạo làm dâu  
Ơn chàng non thắm bể sâu,  
Dẫu trong nguy hiểm dám đâu quên tình.  
Cơ họa phúc phân minh báo ứng,  
Của phù vân đã vững bền ư?  
Liều mình vì chút ấm no,  
Ấm no chữa chắc, mặt mo thêm càng.  
Nghĩa báo phục kìa nàng Trưng Trắc.  
Miếu Đồng Nhân thơm nức ngàn thu  
Thiếp thân chưa chút đền bù,  
Ngẫm người xưa chẳng thẹn thò lắm ru?

Lại như vợ chàng Chu thuở nọ,

Lòng khinh bần trọng phú gớm thay.

Nước nghiêng bốc lại sao đầy?

Trăm năm tiếng xấu để lây má hồng...

Thôi, chị em có lòng vì nể,

Chuyện bướm ong gác để ngoài tai.

Ngây ngô đành phận thế thôi,

Mong sao được thấy chồng tôi sớm về...”

# Hoàng Hoa Thám

1862-1913

Miền Yên Thế Bắc Việt, bắc từ tỉnh Lạng Sơn xuống, nam từ phủ Thuận Thành lên, là nơi rất hiểm trở: núi cao, rừng rậm, đồi suối quanh co, ít ai dám tự hào là am hiểu địa thế.

Ở chốn chằm lón rừng sâu, ắt có hùm thiêng rắn độc, những nơi núi sông hiểm hóc ắt có người khí phách ngang tàng. Thật vậy, Cờ Vàng, Cai Kinh, Đề Thám đều đã xuất hiện ở Yên Thế.

Đề Thám, chính tên là Trương Văn Thám. Cha là Trương Văn Vinh, vốn người khách lai ở Thanh Hóa ra lập nghiệp tại làng Ngọc Cục, Yên Thế, lấy vợ và sanh Thám ở đó. Khoảng năm 1862 Thám ra đời được ba tháng thì cha bị bệnh chết. Mẹ dọn về phủ Ninh Giang (Hải Dương) mở cửa hàng buôn gạo, cách năm sau cải giá với một người dân huyện Yên Thế.

Từ khi lên Yên Thế, Thám phải đi chăn trâu để lấy miếng ăn. Vì miền đó có nhiều thú dữ và lại nhiều giặc cướp, nên nhân dân lắm nhà đón người Tàu về dạy võ. Thám cũng được học với anh em, trong ít năm, võ nghệ của Thám không ai địch nổi.

Bấy giờ tuy ở phía Trung Châu, cờ xanh trắng đỏ của Pháp đã khoe màu, nhưng về miền Thượng Du, mặt thì có cờ Vàng của Hoàng Sùng Anh, mặt có cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc cũng phấp phới tranh hùng. Năm 29 tuổi, Thám xuống Bắc Ninh, xin đăng vào đội nghĩa quân của lãnh binh Trần Quang Soạn. Nhờ có sức khỏe và võ giỏi, ít lâu sau Thám được lên chức lãnh binh, chỉ huy một toán quân chống Pháp. Nhưng vì không đủ khí giới, nên thất bại. Thám trở về Yên Thế giúp Bá Phúc (Thân Văn Phúc) là một tay hào phú trong miền, có kiến thức lại thạo nghề binh.

Ngày 12 tháng 3 năm 1884 (Giáp Thân), quân Pháp lấy Bắc Ninh, Bá Phúc nổi lòng công phần quyết chí Cần Vương, bèn tế cờ khao quân, đem đại binh xuống miền xuôi để đánh quân Pháp. Được vài trận, đạo binh của Phúc tan vỡ, Bá Phúc cùng Thám chạy sang Tàu, nhập bọn với Cai Kinh, tức Hoàng Đình Kinh, cự Cai tổng.

Cai Kinh là dư đảng của Cai Vàng. Từ khi Cai Vàng chết, Cai Kinh sang Vân Nam, cố chiêu tập binh mã để mong nối chí thầy. Gặp Thám, Cai Kinh nhận làm tâm phúc và cách ít lâu sau đem bộ hạ về nước, chiếm mấy rặng núi miền thượng du sông Thương.

Thám được cử làm Đề đốc coi một toán quân khá lớn, nên được gọi là Đề đốc Thám nói tắt là Đề Thám. Nhưng đương lúc công việc chưa xếp đặt xong, Cai Kinh bị một người trong đảng ám hại (6-7-1888). Thám bèn thân nhật lấy ít nhiều tàn quân, từ biệt Bá Phúc, kéo về miền xuôi, quyết một phen tung hoành cho phỉ chí.

Thoạt tiên, Thám cướp huyện Việt Yên để lấy súng đạn, rồi đánh phá huyện Hiệp Hòa, Võ Giàng, Quế Dương, v.v...

Chánh phủ phái quan quân chia đi các ngả đón bắt rất ngặt, Thám phải rút về phủ Lạng Giang, nhưng vẫn bị tìm đánh kịch liệt. Thám mất hết quân, lặn lội một mình, kiếm đường lẩn tránh.

Chánh quyền thông sức đi các nơi: “Ai bắt được Đề Thám sẽ được trọng thưởng. Ai giấu giếm chứa chấp Đề Thám sẽ bị phạt nặng”. Vì vậy mà từ thành thị đến thôn quê, không mấy người là không biết danh tiếng Đề Thám.

\*\*\*

Thám nghĩ cứ giữ tên họ cũ, hình dạng cũ, thì khó lòng thoát lưới, bèn cạo tóc để râu, đổi tên là Hoàng Hoa Thám. Ba chữ Hoàng Hoa Thám bắt đầu xuất hiện từ đấy. Thám còn trá hình nhiều cách: lúc áo cà sa, nón tu mạng, hiền lành như một thầy tu; lúc tay xách nải, vai quấy bồ, lật đật như một lái buôn; lại có lúc tay bị, tay gậy, quần áo rách bần, tả tơi như một kẻ hành khất. Nhờ trá hình, Thám đã lọt lên miền thượng du, giao thiệp với dân Thổ, Mán. Trong khi lẩn tránh, Thám vẫn không quên chí lớn, nếu có cơ hội, vẫn ngấm ngầm rủ người vào đảng.

Năm Kỷ Sửu (1889) Thám lẩn lút tại chùa Định Tảo (thuộc Nhã Nam), chiêu tập được khá đông đồng chí, khí giới đạn dược cũng thu thập được nhiều, liền làm lễ tế cờ, cử những người có khả năng vào các trách nhiệm quan trọng: Lãnh Huân làm Chánh tiên phong, Ba Biểu làm Phó tiên phong, Sư Định Tảo làm Phó chỉ huy. Cuối tháng tư năm ấy những người này đem một cánh quân xuống đóng ở làng Chương Văn, làm thế ỷ giốc. Lại đặt căn cứ ở nhiều địa điểm trong các tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc Yên.

Tung hoành trong một năm trời, đồ đảng của Thám mỗi ngày thêm đông, đã thành một đám quân lớn. Trong các yếu nhân có Cả Dinh, Cả Huỳnh, Cả Trọng, Cả Cấn, Cả Hoàn, Hai Xuân, Ba Biểu, Tư Sáu, Năm Tý, Tám Chinh, Cửu Cam, Mười Phong, Cai Sơn, Bang Kinh, Lý Thu, Đốc Hầu, Đốc Hiền, Đốc Kế, Đốc Thu, Đốc Xuyên, Lãnh Túc, Lãnh Huân, Quan Phúc, Thống Luận (Thân Đức Luận), Thông Trù, Thuyết Vân, Tông Chu, Trần Thanh, Đề Công, Đề Bảo, Đề Huỳnh, Đề Kiều (Hoàng Thụy Kiều), Nho, Cao, Cam, Tinh, Sôi, Tê v.v... Những tay sai luồn rùng sang Quảng Tây mua được nhiều súng đạn và kết thân với bọn quan Tàu. Thám lại cưới được người vợ thứ ba tên là Đặng Thị Nhu, em nuôi Thống Luận, thường gọi là cô Ba, có đảm lược và võ nghệ.

Chính quyền phái Trung tướng Tarre, Đại tá Piessier và Trung tá Mayer đem quân tiêu trừ. Quân Thám trận đầu thua to, phải rút vào vùng Hữu Thế. Đây là một khu rừng lớn, bao trùm nhiều đồi núi, thung lũng, địa thế rất hiểm trở. Thám cho xây pháo đài, đào chiến hào, mở đường lối, xếp đặt căn cứ này rất vững.

Sở dĩ Đề Thám đã biến Yên Thế thành nơi kháng chiến trường kỳ, là vì Yên Thế thuộc miền trung du, nằm giữa dãy núi đá Cai Kinh và dãy núi trùng điệp ở thượng lưu sông Thương và sông Cầu, gồm hai vùng Thượng Yên và Hạ Yên. Thượng Yên thường là rừng sâu rậm rạp, còn Hạ Yên là đồng bằng có thôn xóm khá đông rải rác trên nhiều ngọn đồi. Rừng Thượng Yên nhiều tre nứa và song chằng chịt, cây cối dày rậm nhiều muỗi mòng rắn rết, nhất là vắt, chỉ trong nháy mắt đã bám đầy người, chướng khí bao bọc quanh năm. Lợi dụng nơi hiểm địa, Đề Thám rèn luyện binh sĩ cho quen đường lối, để dễ bề tiến thoái.

\*\*\*

Toàn quyền Lanessan và Thống tướng Duchemin lại phái đại binh mở cuộc tiêu trừ. Tháng 4 năm Nhâm Thìn (1892), quan quân liền mình xông vào rừng rậm để phá tan sào huyệt của



Thám. Tuy Thám chống cự rất dữ, rốt cuộc quan quân cũng phá được, Trung tướng Henry, Đại tá Lecière bị thương, Trung úy Holstein, Vigneron, Becquet tử trận.

Thám rút tàn quân về ở rừng Yên Thế, lại bí mật mua súng, đúc đạn và chiêu dụ đồ đảng.

Qua năm 1893 đảng Thám lại đông, súng đạn dự bị khá nhiều, kéo quân xuống miền Lạng Giang, Việt Yên, Võ Giàng đánh phá đồn lính và phủ huyện. Tổng đốc Bắc Ninh Lê Hoan được Pháp giao cho 800 quân, đến đóng ở đồn Cao Thương. Trước khi giao chiến, Lê muốn dùng ngoại giao để chiêu hàng: cho dự đảng Đề Kiêu vào sào huyệt của Bá Phúc để dụ Phúc. Quân Cần Vương khi đó đã tàn, những tướng già không còn chí quật cường nữa, nên cuối năm Thành Thái thứ năm (1894), Bá Phúc Thống tướng quân Cần Vương ở Hữu Thế, cùng với bộ hạ mang khí giới ra đầu thú.

Lê Hoan biết Bá Phúc là cha nuôi của Đề Thám, bèn cho y vào Yên Thế thuyết phục Thám. Lê Hoan hứa cho Thám sống độc lập, nếu chịu qui thuận và đừng gây việc binh đao, phương hại cho sinh mạng của dân Yên Thế.

Thám yêu cầu được hội kiến với Lê Hoan trước khi quyết định và đề nghị Lê Hoan hãy tạm rút quân đi nơi khác, trước đồn chỉ để một ít lính canh, phía sau mấy hàng tướng mà thôi.

Đúng giờ hẹn, Thám theo Bá Phúc mang 200 quân đến đóng ở ngoài xa, rồi cùng mấy thủ hạ lực lưỡng vào yết kiến Lê Hoan. Trong khi nói chuyện, Lê Hoan để Đề Thám và Bá Phúc ngồi cùng chiếu, lính hầu bưng lên một khay hai chén nước trà. Thám lễ phép cầm một chén nước đưa cho người tùy tùng của Bá Phúc bảo uống, anh này vừa uống xong, lăn ra chết. Thám thân nhiên đứng dậy chào Lê Hoan rồi cùng với thủ hạ ung dung ra khỏi đồn Cao Thương.

Lê Hoan chưng hửng. Sau đó y lại bày mưu khác: sai Bá Phúc đem một quả bom vào sào huyệt để hại Thám, nhưng Thám lanh trí, lừa cho Bá Phúc đi rồi vội vã tránh ra xa, để cho bom nổ phá tan tành và để Bá Phúc yên trí mình đã bị thiệt mạng. Sau đó Thám bắt thần ra quân, làm cho hai viên đồn Trouvé và Lambert tử trận, công sứ Muselier bị thương, lính Tây và lính khổ xanh thiệt mạng gần 30 người. Rồi Thám rút về Thái Nguyên. Ở đây cũng thua luôn mấy trận nữa, quân binh, đạn dược đều hết cả. Thám lại ẩn núp trốn tránh.

\*\*\*

Cách đó ít lâu, Thám chiêu dụ được nhiều đồ đảng, cướp đồn Lạng Giang lấy súng đạn, rồi kéo lên Thượng Yên chiêu mộ quân sĩ. Nhờ có Bang Kinh trợ lực, lại thêm dân Thổ, Mán và khách Quảng Tây phụ giúp nên thanh thế chẳng mấy lúc lại lừng lẫy. Pháo đài, quân trại, chiến hào, được kiến thiết chu đáo ở Yên Thế. Ở thân cây, ở sườn núi, đều thấy có kẻ hai câu:

Ở đây là đất ông Đề,

Tây lên thì có, Tây về thì không.

Thăm ông chỉ có câu này

Thề cùng giặc Pháp có mày không tao.

Nghĩa quân từ trong rừng sâu, cứ lần lượt mở rộng tầm hoạt động đến Đáp Cầu, khiến cho quân đội Pháp lúc nào cũng ở trong tình trạng báo động. Muốn cho đường tiếp tế được dễ và để xúc tiến việc đặt đường xe lửa Hà Nội – Lạng Sơn, Toàn quyền De Lanessan ra lệnh cho quân đội Pháp phải tận diệt Đề Thám. Bên Pháp lại phái Đại tá Galliéni sang để đối phó quyết liệt. Galliéni đã từng tiêu trừ những nghĩa quân ở xứ Soudan mấy năm trước, lần đầu hành quân ở đây bị ngay nghĩa quân giết chết Đại úy Delaunay và nhiều binh sĩ Pháp. Đại úy Brodiez mất đường tiếp tế lương thực và đạn dược, phải liều chết chạy về Trí Lệ, bỏ lại cả quân trang, quân dụng. Tuy Thiếu tá Barre tuy chiếm được Len Đài, nhưng cũng không tiến hơn được nữa. Mãi đến tháng giêng năm 1894, sau khi chuẩn bị hẳn hoi, Galliéni mới quyết định trả thù, tấn công Lũng Lạt, một địa điểm quan trọng của Đề Thám, sau chiến khu Yên Thế. Nhờ ở Lũng Lạt nhóm nghĩa quân do Hoàng Thái Ngân chỉ huy có lần một bọn thổ phỉ hay làm mất lòng dân ở những vùng Vũ Địch, Vũ Sơn, Vũ Lệ và Tam Trì, quân Pháp liền võ trang cho dân địa phương tập kích. Do đó, khi đại quân Galliéni tấn công mãnh liệt, Hoàng Thái Ngân phải rút lui, bị thiệt hại nặng nề. Ba phía đều bị quân Pháp vây chặt, nghĩa quân cùng Thái Ngân rời bỏ căn cứ Lũng Lạt, rút lần lần về phía Vũ Sơn, Vũ Lệ, Vũ Địch và Chợ Mới. Galliéni truy kích rất gắt, và tìm được dọc đường nhiều cây chết của nghĩa quân nằm ngổn ngang. Không may cho Hoàng Thái Ngân, dân chúng ở những vùng kia đã oán hận những thổ phỉ mà Thái Ngân chứa chấp, nay thấy nghĩa quân rút chạy, liền phục kích khắp nơi, khiến Thái Ngân tử trận và nghĩa quân bị diệt rất nhiều. Đề Thám ở Yên Thế hay tin trễ, mấy ngày sau mới cho nghĩa quân từ Trí Lễ kéo đến tiếp viện Lũng Lạt, nhưng đến Trấn Yên thì bị quân Pháp chặn đánh tan, vì Pháp quân đông, có vũ khí tốt lại có trọng pháo yểm hộ. Thế là Lũng Lạt hoàn toàn rơi vào tay quân Pháp. Yên Thế bị đặt trong thế nguy, vì Yên Thế và Lũng Lạt là hai nơi quan trọng nhất của Đề Thám. Nhận thấy lực lượng không thể nào đương đầu nổi với binh lực của Pháp, Đề Thám bèn nhờ giám mục Velasco đứng ra hòa giải. Pháp ưng thuận cho Thám cầu hoà. Lại nhân Toàn quyền Lanessan bị chính phủ Pháp triệu hồi và cho Rousseau sang thay thế, Thám đưa ra hai điều kiện:

- Chính quyền Pháp phải trả cho Thám 15.000 đồng để chuộc hai người Pháp Chesnay và Logiou bị nghĩa quân bắt trên công trường đường xe lửa.
- Chính quyền Pháp phải để cho Thám làm chủ một vùng đất gồm 22 làng với 2.600 xuất đinh và thu thuế tất cả những ruộng đất ở vùng Yên Thế.

Dù biết Đề Thám đòi hỏi quá nhiều, nhưng nội bộ của chính quyền Pháp đang bị lung củng, Pháp liền ưng chịu.

Hay tin chính phủ Pháp nhượng bộ cho Đề Thám, các kiều dân Pháp cũng như quân đội viễn chinh thấy đều phần uất. Nhất là Galliéni tỏ ra vô cùng bất mãn. Tuy vậy, chính quyền bảo hộ cũng dư biết Thám cầu hòa đây chỉ là kế hoãn binh, nên vẫn phòng bị và dự trù sẵn kế hoạch tấn công Yên Thế.

\*\*\*

Về phía Đề Thám, bề ngoài tỏ ra trung thành với những lời cam kết với Pháp, nhưng bên trong vẫn âm thầm tăng cường lực lượng ở Yên Thế, lại cho người độn nhập vào hoạt động trong hàng ngũ các đội binh Pháp để sau này dễ bề toan tính việc nội công ngoại kích. Vào năm 1895,

con đường sắt Lạng Sơn – Hà Nội đã hoàn tất. Công việc di chuyển và tiếp tế lương thực cho các đồn ở miền thượng du rất thuận tiện cho quân đội Pháp. Galliéni lại đích thân đi thanh tra các vùng từ Lạng Sơn đến Cao Bằng, rồi qua Bắc Cạn, xuống Chợ Chu, Thái Nguyên. Dụng ý là quan sát tình hình khu Yên Thế và tìm hiểu tại chỗ sự hành động của Đề Thám.

Nhận thấy đồn lũy đóng lẻ tẻ và làm toàn bằng vật liệu nhẹ, Đại tá cấp tốc cho triệt hạ và xây cất lại kiên cố hơn, cùng cho lập thêm nhiều đồn, trạm mới khắp miền biên giới Việt Hoa để ngăn chặn những bọn thổ phỉ và buôn lậu thường qua lại mua bán đổi chác vũ khí với nghĩa quân. Sau đấy Galliéni lại dùng chính trị: đổi các viên chức người Việt ở miền thượng du về đồng bằng, thay thế họ bằng những người địa phương như Thái, Nùng, Mán để họ tự cai trị lấy: cất nhắc những tù trưởng lên làm quan và cấp súng cho họ. Galliéni muốn dùng họ để chống Đề Thám, còn quân đội Pháp sẽ chỉ đứng ngoài bảo vệ, khi nào cần mới đích thân ứng chiến. Kế hoạch này đã làm cho vùng Yên Thế lọt vào vòng kiểm soát của quân đội Pháp một cách chặt chẽ. Đề Thám hiểu rõ dụng ý thâm độc của Galliéni, nên cũng trù tính mọi cách đối phó: đột kích các đồn bót quan trọng ở các đô thị, tăng cường nghĩa quân, mua sắm thêm vũ khí tối tân của Đức ở bên Tàu, tích trữ lương thực và quân nhu để chuẩn bị một cuộc chiến lâu dài, xây những chiến lũy trong rừng sâu, đào hầm ở dưới đất, cho người len lỏi tuyên truyền trong dân chúng địa phương và nhất là tổ chức địch vận ngay trong lòng địch. Một số lính khổ đỏ, khổ xanh cùng những thành phần bất mãn ở địa phương đã theo về Yên Thế. Trong công cuộc củng cố Yên Thế, Đề Thám đã nhờ vào công lao của người vợ thứ ba là Đặng Thị Nhu rất nhiều. Năm 1895, Đề Thám cho nghĩa quân tấn công đồn Phả Lại, cướp được đồn. Cùng trong năm này, Đề Thám cho quân xâm nhập vào địa phận tỉnh Bắc Ninh, ám sát ba viên chức người Pháp. Đề Thám lại sai Lãnh Túc kéo quân đến làng Phú Liêm ở gần Phủ Lạng Thương, cảnh cáo dân chúng ở đây, vì họ đã nghe theo lời Pháp không chịu tiếp tế cho nghĩa quân. Uy danh của Đề Thám mỗi ngày một vang dậy.

\*\*\*

Lúc này, 1897, Kỳ Đồng ở Pháp về, xin lập đồn điền ở Yên Thế. Kỳ Đồng mộ được đến 3.000 dân phu lên khai khẩn trên đó, rồi liên lạc với Đề Thám, ngầm giúp cho Thám nào người, nào của, nào khí giới. Nhưng chẳng bao lâu, việc đến tai Toàn quyền Doumer, viên này một đêm cho bắt Kỳ Đồng, đưa xuống tàu thủy ra Hải Phòng, đem đi đày ở Guyane.

Tuy Đề Thám không nhận các sự việc xảy ra là do mình chủ mưu, nhưng chính quyền Pháp chắc chắn là những hành động phá rối an ninh đều tự Đề Thám mà ra cả. Galliéni tức giận những nhà cầm quyền cao cấp Pháp đã nhân nhượng với Đề Thám. Đã nhiều lần y đề nghị đặt khu Yên Thế vào vùng kiểm soát quân sự do chính y chỉ huy, để chặn đứng mọi hành động phá hoại của nghĩa quân, nhưng không được cấp trên chấp thuận. Sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng, Galliéni quyết định tấn công Kẻ Thượng, một căn cứ nghĩa quân do Ba Kỳ điều khiển. Muốn chiếm Yên Thế, tất phải chiếm Thượng Yên trước, nhưng sự hao tổn về nhân lực và quân nhu sẽ rất nặng nề. Mặc dù vậy Galliéni cũng thấy không thể nào nhượng bộ Đề Thám hơn nữa. Thảo xong kế hoạch, Galliéni trình lên cấp trên, lần này được chấp thuận. Tập trung tất cả lực lượng, Galliéni liền tấn công vào Kẻ Thượng, và nhờ có kinh nghiệm trong trận Lũng Lạt trước đây, Galliéni quyết hành quân chớp nhoáng. Điều khó khăn là Kẻ Thượng ở sát địa phận của Đề

Thám và Lương Tam Kỳ; trên pháp lý hai người này đã quy thuận nhà cầm quyền Pháp, nếu vi phạm để cho Đề Thám và Lương Tam Kỳ có cơ hợp lực mà trợ giúp Kê Thượng thì thật là một mối nguy cho quân đội Pháp, vì chiến tranh sẽ lan rộng khắp miền thượng du. Do đó Galliéni quyết đánh thật nhanh và thật mạnh, nhưng chỉ đánh nguyên địa phận Kê Thượng của Ba Kỳ mà thôi, để tránh sự mất lòng của Lương Tam Kỳ và Đề Thám. Nhưng trong khi nghĩa quân ở Kê Thượng chiến đấu anh dũng, thì ở khắp miền thượng du Bắc Việt tiếng súng cũng nổ rền: Tôn Thất Thuyết kéo một nhóm nghĩa binh Cần Vương đánh miền Cao Bằng rất dữ dội. Tại Yên Thế, Đề Thám liền cho người liên lạc với Lương Tam Kỳ ở Chợ Chu để hợp lực đánh tập hậu những đạo quân Pháp và chặn đường tiếp tế của họ. Galliéni hoảng sợ, vội ra lệnh cho Trung tá Vallière ở Cao Bằng chặn đánh các đạo nghĩa quân đến tiếp viện Kê Thượng, để cho quân của hắn tiến đến địa điểm này theo chương trình đã vạch trước. Bị Vallière ngăn cản, nghĩa quân không thể tiếp viện Kê Thượng, đành phải rút lui. Lương Tam Kỳ thấy tình thế khó khăn, cũng thu quân về bản doanh Chợ Chu để giữ hòa khí với quân Pháp. Hay tin này Đề Thám tức giận, nhưng cũng không làm thế nào hơn là “án binh bất động” để lo những việc cho là quan trọng hơn. Thế là Kê Thượng bị hoàn toàn cô lập và thất bại trước sức tấn công vũ bão của Galliéni. Trong trận Kê Thượng quân Pháp giết mất của nghĩa quân một viên tướng có tài là Lãnh Nguyên ở Hòa Mục. Nguyên vốn là bộ tướng đặc lực của Ba Kỳ.

\*\*\*

Sở dĩ trước kia có việc Pháp hòa hoãn với Đề Thám là vì nội bộ chính quyền bị lung củng, phe hành chính có những ý kiến bất đồng với phe quân sự của Thống tướng Duchemin và Đại tá Galliéni. Nhưng sau hai lần thua được thắng lợi rục rở ở Lũng Lạt và Kê Thượng, Galliéni bắt đầu có uy tín dưới mắt Toàn quyền Rousseau nên quyết định tiêu diệt Đề Thám. Y lẳng lặng chuẩn bị một cuộc tấn công đại qui mô. Vào tháng 9 năm 1895, Galliéni đề nghị với phủ Toàn quyền, sáp nhập Yên Thế vào khu quân sự để dễ dàng kiểm soát hành động của nghĩa quân, và gửi cho Đề Thám một bức thư hăm dọa, đại ý cho Thám biết là chính quyền bảo hộ đã quyết đem lực lượng chính quy lên thay thế những đội lính khố xanh hiện đóng ở Nhã Nam và Bố Hạ, nhất là nhấn mạnh ở điểm quân đội Pháp sẽ thẳng tay trừng trị những hành động phá rối cuộc trị an của nhóm nghĩa quân. Nhận được bức giác thư này, Đề Thám biết không còn né tránh được một phen quyết liệt, nhưng cũng trả lời rằng Yên Thế từ khi có thư cầu hòa vẫn giữ đúng lập trường của mình, không hề tham gia bất cứ nhóm nghĩa quân nào để hoạt động chống Pháp. Dù đã có dụng ý kéo dài thời gian để lo củng cố quân lực của mình, nhưng Đề Thám vẫn gấp rút trù liệu để đối phó với mọi sự bất ngờ. Thám cho bố phòng chiến khu Yên Thế thêm chặt chẽ, đắp thêm pháo lũy, đào thêm đường hầm, lại cho nghĩa quân len lỏi trong hàng ngũ địch để hoạt động phá hoại. Những vụ bắt cóc kiều dân và sĩ quan Pháp làm con tin vẫn tiếp tục, vì thuận lợi cho việc điều đình, lại được Pháp chuộc tiền. Những cuộc tấn công các chuyến xe lửa, đánh úp đồn trại ở vùng Phủ Lạng Thương, Bắc Ninh, Bắc Giang diễn ra hằng ngày, làm quân Pháp điên đầu. Vì Đề Thám nghĩ rằng, không sớm thì muộn nghĩa quân cũng phải có một trận sống mái với quân Pháp, thì thà giết chúng trước còn hơn là ngồi chờ chúng đến giết mình. Bấy giờ Galliéni vừa đặt tổng hành dinh mới tại Nhã Nam, liền tiếp được báo cáo khắp nơi về hoạt động của nghĩa quân. Anh ta sốt ruột vô cùng, nhưng chưa dám tấn công, vì sợ Đề Thám ở Yên Thế liên kết với các nhóm nghĩa quân và những nhóm Cần Vương ở miền thượng du Bắc Việt rồi cùng một lúc phản công, thì y khó bề trở tay cho kịp; lực lượng quân Pháp chưa

đủ để mở rộng chiến trường. Và lại, Galliéni đang chờ binh tiếp viện, và nhất là một thứ vũ khí mới phát minh, đó là loại trái phá có sức tàn phá mãnh liệt. Galliéni cho nhiều người dò la tin tức quanh chiến khu Yên Thế để biết rõ cách bố phòng và tìm hiểu chính xác lực lượng của nghĩa quân, nhưng họ hoàn toàn thất bại, vì không đột nhập vào được. Sau khi có binh tiếp viện, Galliéni đem ba đạo quân có trọng pháo yểm trợ và lần này lại gửi thêm cho Đề Thám một bức thư nữa, cho biết Thám phải giao nạp tất cả vũ khí của nghĩa quân, triệt hạ ngay các pháo đài, giao quyền kiểm soát toàn khu Yên Thế cho quân đội Pháp; riêng Thám sẽ được định cư ở một nơi khác và có thể lập ấp riêng biệt để sinh sống, hoặc hợp tác với chính quyền; yêu cầu Thám trừng trị Đốc Thu và Lãnh Túc, vì hai người này đã hành động phá rối an ninh làm giảm uy tín của Yên Thế; cho Thám kỳ hạn chót là ngày 22 tháng 11 năm 1895 phải trả lời dứt khoát về những điểm đã nói trên.

Nhưng hạn chót đã trôi qua, Đề Thám vẫn im lặng; Galliéni gửi thêm bức thư hăm dọa, buộc Thám phải tức tốc trả lời ngay, không thể viện lý do để trì hoãn được nữa. Mặt khác, Galliéni hứa để cho Đề Thám được đến làng Bình Yên, huyện Yên Dũng, sống với gia đình và khai thác vùng này, sẽ được cấp đủ nông cụ và 40 tên quân, song vũ khí và nghĩa quân còn lại phải giao lại cho Pháp. Hạn trong 3 ngày, đến ngày 28 tháng 11 năm 1895 là cùng, nếu không có đáp ứng, chính phủ sẽ coi Thám như kẻ thù. Trong ngày 27, tất cả ba đoàn quân chính quy của Pháp được lệnh chuẩn bị tấn công Yên Thế. Nhưng qua đến ngày 28, Galliéni nhận được phúc thư của Thám, báo tin sẽ cho một viên lãnh binh cùng với 30 nghĩa quân đến tại tổng hành dinh của y tại Nhã Nam để thương thuyết. Đồng thời cho biết ý kiến của mình là xin ở lại Phồn Xương như từ trước đến nay.

Galliéni biết Thám lại cố ý kéo dài cuộc thương thuyết để hòng tiếp tục chiến đấu. Y trả lời ngay là không chấp thuận thay đổi bất cứ một điều kiện nào đã ghi trong bức thư ngày 25-11, và bắt buộc Thám phải đích thân đem nạp tất cả vũ khí ngay chiều 28.

Tưởng hăm dọa như vậy Thám sẽ khiếp sợ, nhưng cũng như mấy lần trước, Thám vẫn lặng thinh, Galliéni đâm hoảng, đánh điện về bộ tổng tư lệnh xin đừng chấp thuận cho Thám ở lại Phồn Xương như cũ và bắt buộc phải ra trình diện ở Nhã Nam; nếu điều đình không kết quả, trận đánh Yên Thế sẽ diễn ngay vào sáng hôm sau.

Galliéni cũng đánh điện riêng về cho Thống tướng Duchemin biết sẽ xuất quân vào ngày 29-11-1895 và vì sự liên lạc khó khăn, có thể sẽ thay đổi chiến lược trong lúc hành quân. Nhưng Toàn quyền Rousseau và Thống tướng Duchemin thấy tình thế bấy giờ không cho phép chính quyền hành động quyết liệt như vậy: sau cái chết của nhà cách mạng Phan Đình Phùng, tất cả các nhóm nghĩa quân cũng như các bộ đội Cần Vương đều hướng về Đề Thám, nay nếu Thám bị đưa vào ngõ bí, tất nhiên nghĩa quân ở khắp nơi sẽ kéo về giải vây, như vậy chiến cuộc sẽ lan rộng khắp nơi, quân đội Pháp làm thế nào điều động được để kịp thời ứng phó? Sau khi thảo luận, Duchemin liền cho người hỏa tốc mang lệnh ra tại tổng hành dinh của Galliéni ở Nhã Nam, truyền cho Đại tá chỉ nên buộc Đề Thám rút lui khỏi vị trí đóng quân, chứ không nên mở cuộc đánh tiêu diệt. Galliéni được lệnh vô cùng tức giận, nhưng vì thể diện không thể không ra oai. Sáng hôm sau, khi quân đội Pháp tiến vào Phồn Xương, Đề Thám và nghĩa quân đã rút đi từ bao giờ rồi. Thế là cũng như mấy lần trước, quân đội Pháp chỉ chiếm được một miền hoang vu

không có lấy một bóng người. Galliéni cho binh sĩ tiến sâu vào rừng để truy kích. Nhưng quân Pháp gặp phải sức kháng cự mãnh liệt của nghĩa quân, bị tổn thất nặng nề. Tuy chiếm được Yên Thế, nhưng kết quả không có gì đáng kể. Bên nghĩa quân Thống Luận anh của cô Ba, bị truy kích gắt quá, phải đầu hàng, khiến cho hàng ngũ nghĩa quân nứt rạn, hơn nữa, việc mất Yên Thế gây ra mặc cảm thất bại trong lòng quân và cả lòng dân.

Sau đó, Galliéni mãn hạn, xin về nước, vì bất mãn với cấp trên.

\*\*\*

Mặc dầu vậy, Thám cũng thấy rằng không sao chống chọi được với quân Pháp nữa, nên nhờ Đại tá Péroz ở Nhã Nam xin cho quy chánh.

Toàn quyền bấy giờ là Paul Doumer, bận nhiều việc khác trong nước, nên bằng lòng cho Thám được cai trị cả miền Yên Thế với điều kiện:

*Không được mộ người vào đảng,*

*Không được đánh phá những làng không thuộc quyền mình; và những cơ sở đã làm trên đất Phồn Xương phải để cho viên đại lý Nhã Nam kiểm soát.*

Thám đóng đồn tại Phồn Xương, yên trí làm đồn điền, khai khẩn lâm sản, trong ba năm trời không chút gì xích mích với chính quyền.

Đồn điền Phồn Xương của Thám, Nam tới Lạng Giang, Bắc tới Lạng Sơn, Đông từ sông Sỏi lật sang, Tây từ Thái Nguyên Tuyên Quang trở lại, là một dải rừng xanh núi đỏ, bát ngát bao la. Thám một mặt chiêu mộ điền tốt tới để phá núi, vỡ rừng, cày cuốc các thung lũng, một mặt dựng làng lập ấp, xây đắp các căn cứ cho đồn đảng của mình.

Thực ra, tuy Thám đầu thú với chính phủ, nhưng vẫn không quên cái chí vẫy vùng trời biển, suốt ngày suốt tháng chỉ lo tính việc khởi binh. Những dân làm ruộng của Thám hầu hết là kẻ có gan cướp đồn, phá ải. Lúc vô sự, họ vẫn cuốc vườn, cày ruộng, cặm cụi như nông dân, đến lúc hữu sự, chân tướng mới lộ ra, họ đều có thể vác súng ra trận, bắn phát nào trúng phát ấy, bởi vì họ phần nhiều là đảng loạn ở trung châu, hoặc quân tàn của đảng Văn Thân ngày trước, bất đắc trí mà trốn lên đây. Thám còn chia ngả về các tỉnh trung châu mộ người lên đồn điền, gặp ai họ cũng lân la làm quen rồi tùy cơ khuyến dỗ, trai làm thợ cày, gái làm thợ cấy, thuyền thợ thì ai theo nghề nấy. Còn những ông cử ông tú, thầy khóa thầy đồ, người nào tư chất chậm chạp thì dùng vào việc trông nom sổ sách, hay là dạy học, người nào thông minh lanh lợi thì làm tham mưu, hoặc cho sang Tàu, Nhật để khảo sát về quân sự.

Nhờ có người đi lại bên Tàu, ảnh hưởng tư tưởng của cách mạng Tàu đã lan đến Thám. Biết rằng muốn làm việc lớn mà cứ dùng thủ đoạn cá nhân độc đoán, bắt người ta phải hy sinh cho mình, tất nhiên là khó thành công, Thám bèn bắt chước phương pháp của bọn cách mạng Tàu, lập ra một đảng lấy tên là đảng Nghĩa Hưng.

Năm Đinh Vị (1907), trong nước đang có phong trào Đông Du (sang Nhật du học).

Đề Thám cho nói phao lên rằng: Đảng Nghĩa Hưng tức là đảng Đông Du, các người Việt Nam sang Nhật đều là làm việc cho đảng, đảng cấp lương cho hết thủy. Vì vậy lại càng được nhiều người tin và tìm đến gia nhập.

Trong số mới nhập đảng, có Đội Nhân, đội pháo thủ, Đội Đàm đội khố xanh, Cai Ngà, Cai Lê cai khố đỏ, Hai Hiền và Nho, đầu bếp trong trại lính Tây v.v...

Không bao lâu đảng Nghĩa Hưng lập chi bộ rải rác khắp trong mấy tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nội. Nhứt là ở Hà Nội càng đông: ở trại lính, nhà pha Hỏa Lò, đều có người trong đảng.

Khi thế lực đảng "Nghĩa Hưng" đã khá lớn mạnh, Đề Thám quyết định đánh lấy thành Hà Nội.

Theo chương trình dự thảo, thì trong đêm 17-11-1907, đảng bộ ở Hà Nội phải chiếm lấy thành phố, sau đánh Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Vĩnh Yên, rồi sẽ chia ngả kéo xuống miền Đông và miền Nam.

Đứng đầu đảng bộ ở Hà Nội là Đội Hồ và Lý Nho, tổng cơ quan ở phố Cửa Nam, nơi chứa những súng đạn các nơi đưa về.

Ngày 16-11-1907, những người lãnh nhiệm vụ đều có mặt tại đây.

Chẳng ngờ chiều hôm đó, có đảng viên nội công, đem hết việc báo cho sở mật thám. Thanh tra chánh trị De Miribel một mặt cáo cấp với tướng Piel, một mặt sai người dò thám. Piel lập tức sai lính Tây đi tuần khắp phố; phủ Toàn quyền, dinh thống sứ, kho súng, kho đạn, trại lính v.v... đều dùng lính Tây canh phòng rất nghiêm ngặt. Lính ta thì bị cấm trại, và lột hết đạn dược, cửa trại khóa chặt.

6 giờ chiều ngày 17, Piel đem quân vây phố Cửa Nam, xông vào nhà của đảng, nhưng không thấy một ai, chỉ bắt được nhiều súng đạn. Thì ra từ sáng hôm ấy, Lý Nho, Đội Hồ, Lang Sứ và các đảng viên biết việc bại lộ, đã trốn đi nơi khác, không kịp đem súng đạn đi.

Việc không thành, Lý Nho lại định khởi sự vào ngày lính đi tập bắn ở bãi chùa Thông. Cũng lại không thành, vì Piel đã dự phòng bắt trặc bằng cách cho lính đi từng tiểu đội, lên đến bãi bắn mới phát đạn. Đến 9 giờ tối, lính và cai trong đảng đã tháo hậu súng đại bác, và rút ra ngoài thành về mé đường đi Sơn Tây, đợi nhập bọn với đảng viên, rồi khởi sự. Nhưng nội bộ xảy ra lũng củng. Một vài cai đội không dám hưởng ứng, sợ lính Tây đông, hỏa lực mạnh.

Lý Nho phiền trách Lang Sứ đã không thật lòng, Lang Sứ lại cho rằng Lý Nho không đủ uy thế để chỉ huy. Rút cục, cả bọn lại về không. Lang Sứ sợ Lý Nho về phúc trình với Thám đổ tội cho mình làm hư việc, nên đầu độc cho Lý Nho chết.

Thám thấy thất bại hai lần, chép miệng phàn nàn mãi, sau cho gọi hết các đảng viên trọng yếu ở đường xuôi lên Phồn Xương để cùng bàn định việc tiến thoái. Thám cho rên hai thanh kiếm để giao quyền chỉ huy cho Đề Đàm và Đội Hồ, khởi sự một lần nữa ở Hà Nội.

\*\*\*

Ngày 22-6-1908, Đờ Đàm với Đội Hồ họp đảng viên ở bản doanh nơi một quán ăn phố cửa Nam, gần trại lính, cắt đặt công việc: Lang Sửu, Hiến, người thầu nước vo gạo trong trại, Cai Ngà, Cai Xe, lái gỗ Vinh sẽ đầu độc trại lính Tây bằng cách trộn bột hạt cà độc dược vào thức ăn; Đội Nhân, Dương Bé, Tư Bình, trong toán lính thợ đội pháo thủ, sẽ sửa soạn lừa ngựa đời lúc khởi sự thì chớ cỗ súng trái phá ra ngoài; 9 giờ chiều ngày 27, Cai Ngà sẽ bắn 3 phát súng hiệu rồi cùng Hiến, người thầu nước gạo, tiến đánh phía Bắc; phó Khiết dẫn quân ở Sơn Tây xuống ô Cầu Giấy, đánh dinh trại, cướp súng đạn, rồi nhập bọn với quân Đờ Đàm, Đội Hồ, giết lính Tây, cho lừa ngựa của trại chở đại bác ra cầu sông Cái và Cầu Giấy để ngăn quân tiếp viện ở Sơn Tây, Bắc Ninh và Hải Phòng có thể tiến tới; chừng 200 quân mai phục ở bãi Phúc Xá sẽ vào cướp các nhà sĩ quan Tây ở Đồn Thủy, còn Cả và Hòa thì cướp Gia Lâm, phá nhà ga, bóc đường sắt, cắt dây thép; 11 giờ đêm mọi việc phải xong.

Ngày 27 đã tới. Đúng 12 giờ trưa, Hiến, người thầu nước vo gạo, sai tên bếp Ngọc đến nhà Cai Ngà lấy những gói bột cà độc dược, chừng 4 giờ chiều thì đưa cho mỗi hỏa đầu quân một ít. 6 giờ: Cai Ngà đôn đốc cho ai nấy chuẩn bị theo công tác của mình.

7 giờ chiều, Thiếu tá Grimaud được tin 200 lính trong cơ pháo thủ 4 và 9 bị trúng thực. Ba người cai tình nghi trong cơ lính thợ bị bắt. Từng toán bộ binh kéo ra đóng ở nhà máy điện và những nơi trọng yếu. Từng toán lính tuần hành qua các phố. Thấy động, nghĩa quân biết là có biến. Cai Ngà cùng bọn hỏa đầu quân lẫn trốn.

Các sĩ quan quân y vội vã cấp cứu những người trúng độc, người nào người ấy mắt cũng đỏ ngầu, bước đi không vững; chữa chạy trong 2 tiếng đồng hồ mới hết. Tuy vậy vẫn còn những người bị thuốc độc kích thích, trèo cả lên cây, một người trần truồng cưỡi xe đạp chạy suốt đêm quanh phố.

Chính quyền lập hội đồng để xét xử những phạm nhân. Từ 29-6-1908 đến 27-11-1908, hồ sơ mới kết thúc, vì trước hết phải truy tìm cho được phạm nhân: họ đã trốn đi gần hết. Nhưng ngay từ 8-7-1908, những cai pháo thủ Tư Bình, Dương Bé và Nhân đã bị hành quyết; ngày 3 tháng 8 đến lượt Hiến, người thầu nước vo gạo, Cai Ngà và bếp Xuân. Ngày 29-8-1908 Lang Sửu, Cai Xe, Cai Tôn và ngày 27-11-1908, Đờ Đàm, lái gỗ Vinh, Đội Hồ, và Đờ Chánh. Tất cả 13 người, trong số này 7 người là đồ đảng Đờ Thám. Ngoài 13 người này ra, còn 4 bị dày chung thân, 26 bị dày từ 5 năm đến 20 năm, 10 bị tù từ 1 đến 5 năm, 8 được tha bổng. Thế là chi bộ Nghĩa Hưng ở Hà Nội tan rã.

\*\*\*

Việc Hà Nội thất bại làm cho tướng tá của Đờ Thám đâm rụt rè. Chính Thám cũng lo sợ, không dám trú đầu liền hai đêm. Cô Ba và Cả Trọng thay phiên nhau canh chừng giấc ngủ của Thám, cắt quân coi giữ suốt ngày đêm ngoài cửa phòng.

Thám truyền cho các tướng ở Bắc Ninh và Phúc Yên, Phả Lại rút cả về Yên Thế, đồn chính đặt ở làng Chợ Gò, chung quang có hào lũy. Lại cấp tốc tổ chức Yên Thế thành chiến khu, mỗi lối đi vào đều có điểm canh. Khi viên đại lý Nhã Nam đến hỏi xây lũy để làm gì, Thám trả lời: "Cho nó đẹp!" Mỗi làng trong chiến khu có cắt quân canh chừng hành động của lính khố xanh, khố đỏ,



trong khi đoàn nghĩa quân đi dò thám có khi xuống đến tận sát Nhã Nam.

Thấy tình thế đã tạm vững, Thám lại cho Ca đem quân đánh Vĩnh Yên. Ca bị tử thương trong trận đánh với Lagarde, đồn khố xanh. Quận Mỹ cũng bị tử trận khi đánh với đồn khố xanh Lafferrère ở chùa Liễu Đề, Bắc Giang.

Sang đầu năm Kỷ Dậu (1909), Toàn quyền Klobukowski thay Toàn quyền Beau là người kế nhiệm của Doumer, thấy quanh vùng Yên Thế mãi không yên, bèn quyết định dứt khoát một phen với Đề Thám: cử Đại tá Bataille bao vây Phồn Xương và tiêu trừ những ổ nghĩa quân; ngày 28-1-1909, gửi một tối hậu thư buộc Đề Thám phải giao lại tất cả vũ khí và đạn dược, cùng những lính đào ngũ, những kẻ cướp, những tội phạm đã bị xử khiếm diện hiện ẩn náu ở Yên Thế; và chính Đề Thám phải đích thân tới Hà Nội trình diện cùng cam kết trở lại cuộc sống lương thiện.

Thám không trả lời.

Sáng 29-1-1909, một cáo thị của Thống sứ dán khắp trên tường các đình làng thuộc tỉnh Bắc Giang, kêu gọi dân chúng hợp tác để diệt trừ Hoàng Hoa Thám. Sau đó lính khố xanh tiến đánh Chợ Gò, để cố diệt cô Ba, vì cô là người thân yếu nhất của Thám, và cũng là một kiện tướng bắn súng không bao giờ phí đạn. Nhưng vào đến trong làng thì không gặp sức kháng cự nào, tưởng mọi người đã trốn hết. Có ngờ đâu, cô Ba đã cho mai phục, để lại trại không. Lính vừa muốn rút ra thì bốn phía súng nổ, trong tiếng súng có tiếng hô quân của cô Ba, hét lên như hổ gầm. Kết quả, Thiếu úy Courteix và Chuẩn úy Colonna tử trận, tàn quân chạy tứ tán.

Tuy vậy, ngày 30-1-1909, quân Pháp cũng chiếm được Chợ Gò và Ấm Đông, vì Đề Thám và nghĩa quân đã từ chiều hôm trước chạy về Rừng Tre. Ngày 1-2-1909, nghĩa quân giết được một ít quân Pháp rồi lại biến. Ngày 11, ở Đồng Dung, Cả Dinh, Cả Huỳnh, Lý Thu, trong 6 giờ chiến đấu, giết được 6 quân Pháp, 16 bị thương. Trở về Đồng Đền, lại giết thêm 5, gây thương tích cho 2 sĩ quan Pháp. Mỗi lần Pháp muốn kiểm nghĩa quân là một lần thất vọng; rõ ràng đã vây kín, mà khi đánh vào vẫn không bắt được gì; họ lẩn vào rừng sâu mất hút. Nhưng họ cũng đã bị tán mỏng; Cả Dinh chạy lên Mon Lương, Đề Thám và Cả Trọng về Rừng Phé, Cả Huỳnh sang Phúc Yên.

Thống sứ treo giải 2.000\$ và một phẩm hàm cho kẻ nào lấy được xác Đề Thám. Hành động này có hiệu lực làm cho Đề Thám phải giữ mình với chính đồ đảng của mình, và không dám mộ thêm đồ đảng mới. Đến tháng 4, quân bản bộ của Cả Huỳnh tổn thất đến 3 phần 4, Cả Trọng chết, dư đảng phân tán chạy sang Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Ninh. Cuộc truy kích vẫn không ngừng. Cuối tháng 4, quân Pháp chết 29, bị thương 79. Sau đó, Đề Thám gửi thư tỏ lòng trung thành với Pháp!

\*\*\*

Đầu tháng 5, Đề Thám lẩn quất ở Phúc Yên. Chạy trốn mãi kiệt lực, Lý Thu và Can, em rể Đề Thám, ra hàng. Các báo Tây mỗi ngày đăng tin Đề Thám sắp sửa hàng. Thực ra, Thám cùng Cả Dinh, Ba Biểu, Cai Sơn, Hải Nam, ngày 24-6, ở cách Hà Nội chỉ có 15 cây số, và ngày 5-7, lại bắt cóc Voisin, một viên giám thị hãng thầu Leroy, khi anh này đi xe tay qua làng Phù Lỗ.

Đề Thám buộc Voisin viết cho viên đồn khố xanh bảo đừng hành động gì. Đêm ấy, Đề Thám cùng nghĩa quân đem Voisin lên Thái Nguyên; qua ngày 8-7 đến Lang Lai, vào ngục trong chùa, cho liên lạc với giám mục Velasco để nhờ điều đình với Pháp. Thống tướng Geil cử Thiếu tá Chofflet đi cứu Voisin. Chofflet là người cứng rắn, tàn bạo. Trong khi Velasco thương thuyết với Pháp, Chofflet tiếp viện cho đoàn lính khố xanh đương vây Lang Lai. Ngày 12-7, chính phủ Pháp trả lời: thả Voisin ra thì sẽ được sống, và được cấp dưỡng; gia đình Thám ở Yên Thế đã bị bắt, và sẽ bị đày, nếu Voisin bị hại. Thám nổi trận lôi đình, cho trói Voisin chặt thêm. Cô Ba đưa khẩu súng Mauser cho Thám bắn. Thám gạt đi, và đẩy kịp khẩu súng của đội Huân, vì đội Huân muốn hạ sát Voisin.

Ngày 13, chính quyền hối Thám trả lời. Đêm hôm ấy, một trận bão lớn nổi lên, mưa như trút, sấm sét đùng đùng, loang loáng. Ngày 14, quân của Chofflet vào chùa, không còn ai trong đó cả.

Mấy ngày liền, nghĩa quân lánh từ làng này sang làng khác, đến ngày 21, mới dừng chân ở Xuân Lai; ở đây tuy được yên ổn, nhưng cũng phải canh chừng, vì Hai Nôm, tì tướng ở Phúc Yên, mới bị Trung úy Lê Dương Bouffé bắn chết.

Chofflet hành quân mỗi ngày thêm tàn bạo; đập phá các đền thờ, hơi nghi ai là bắn liền. Từ sáng đến trưa, quân Pháp đã vây kín làng Xuân Lai. Đề Thám đứng trong một đường hầm sau nhà thờ, Voisin bị trói một bên, có hai người giữ. Quân Pháp khai hỏa, Đề Thám cùng nghĩa quân rút về phía đông nam, nằm trong một hố sâu. Súng bắn ầm ầm, mà không trúng ai cả.

Giữa khoảng hai phát đại bác nổ, bỗng nghe tiếng Voisin kêu thất thanh: “Đừng bắn nữa. Đề Thám sẽ ra hàng!” Quân Pháp ngừng bắn. Ba lần như thế, vẫn chẳng thấy Thám ra. Chofflet gọi thêm quân từ Đa Phúc về bao vây, khai hỏa mạnh hơn, chú trọng vào hàng tre phía nam là chỗ cổng làng. Cách đó 600 thước, hàng tre phía bắc có lính canh, và ánh lửa sáng do thủy quân Pháp đốt nhà dân, chắc nghĩa quân có chạy qua lối ấy cũng không sao thoát được.

Vậy mà Đề Thám chọn chính lối ấy để trở ra.

Gặp lính canh, Ba Biểu kêu gọi tình đồng bào, lính canh không bắn, cả bọn kéo lên đê, và bắn trở vào Xuân Lai, giả như mình là lính khố xanh vậy. Bên đê có một cái ao rộng và sâu, nghĩa quân nhảy xuống bơi qua mà không ai biết. Hai người giữ Voisin vẫn kèm y đi và y vẫn bị trói. Rồi một trận mưa bão lại dội đến nữa. Đề Thám và nghĩa quân thoát hiểm.

Voisin mệt lả, lại lên cơn nóng lạnh. Ngày 24-7, khi lên đường, y nói với Thám:

– Ông giết tôi đi, tôi kiệt sức rồi không theo được nữa.

Cô Ba đưa súng cho Thám:

– Ông bắn nó đi cho rồi.

Thám gạt đi, bảo Voisin:

– Nếu tao thả mày, mày có đi được không?

- Nếu thả thì tôi sẽ nằm đây đợi cứu hay đành chờ chết vậy.

Cả Dinh quát:

- Mày cũng cứ phải theo, tao sẽ có cách cho mày khỏi mệt.

Cả Dinh cho dẫn tre làm một cái cáng, hai người khiêng Voisin đi.

Thám đã suy nghĩ nhiều. Cứ trốn mãi mà lúc nào Pháp cũng bám riết theo sau. Mình không nhượng bộ đã đành, nhưng Voisin có thể chết vì mệt và vì bệnh. Nó chết thì gia tiểu mình ở Yên Thế sẽ nguy mất. Trước khi lên đường, Thám đến gần Voisin dúm vào túi y một lá thư:

- Đêm nay tao sẽ thả mày, mày phải đưa thư này cho viên đại lý, và nói rằng vẫn được tao đối xử tử tế.

Thế là nghĩa quân ra đi. Voisin nằm dài trên cáng như chết, đến 1 giờ sáng, sực tỉnh dậy, thấy mình ở trong một căn nhà lá. Thì ra hai người nghĩa quân đã khiêng y đến đây rồi bỏ đi. Nghe tiếng cầm canh xa xa, Voisin gắng gượng lết ra, hướng theo âm vang, 3 giờ rưỡi, y tới chỗ canh là đồn Kim Anh.

Ngày 25-7, Chofflet đánh Hiền Lương: 13 quân Pháp chết, 20 bị thương. Nghĩa quân lại mất dạng như mọi lần. Quân Pháp theo đến Bắc Ninh, ngày 26 quân Pháp lại tổn mất 5 người.

Ngày 13-6, giáp chiến ở Bạch Đa, Chofflet lại mất 1 tử thương và 3 bị thương. Ngày 16, tại Thượng Yên, đánh từ sớm đến trưa với lính khố xanh, khố vàng, Ba Biểu phải rời bỏ tiền tuyến, rồi Chofflet đến tiếp viện đánh tới tối mịt. Ba Biểu tử trận.

Toàn quyền thấy đánh mãi không được bèn cử một Khâm sai. Đó là Lê Hoan, bấy giờ đang làm Tổng đốc Hưng Yên.

\*\*\*

Ngày 30-7 Lê Hoan nhận chức, xin cho Đỗ Đình Thuật đứng ra chỉ huy một đạo quân "khố vàng". Khâm sai là người của vua sai ra, vậy từ nay ĐỀ THÁM không là kẻ thù của Pháp nữa mà là của Hoàng đế: thần dân phải gom sức đánh đuổi quân thù của nhà vua.

Khâm sai Lê Hoan rất độc ác, các làng trong tỉnh Phúc Yên thấy đều run sợ, vì làng nào hễ bị tình nghi là bị phạt nặng, chức dịch bị thu gia sản. Lê Hoan tìm cách ly gián những bộ tướng của nghĩa quân, liên lạc với họ cốt để cho chủ tướng sinh nghi, gây một sự nứt rạn trong hàng ngũ. Một người trong họ Thám ra hàng, được Lê Hoan cho làm lính lệ, sau vì mệt báo nhiều điều quan trọng, được bổ Tri huyện, và sau này leo dần lên hàng Tuần phủ: ấy là Hoàng Tường.

Chofflet muốn đánh mau đánh mạnh, không đồng ý với chánh sách mềm dẻo của Lê Hoan, nên ngày 30-8, bị gọi về, Bonifacy lên thay.

Lê Hoan do thám và bao vây. Bonifacy tấn công. Ngày 6-9 đánh làng Yên Lô, ở ranh giới Vĩnh Phúc Yên, phòng tuyến của nghĩa quân rất nghiêm mật, Pháp bị 4 chết, 6 trọng thương. ĐỀ THÁM cùng với Cả Dinh, Cai Sơn và cô Ba và chừng 40 người có súng ống, thoát về miền núi

Lạng, ở tả ngạn sông Lô, là nơi có sẵn pháo đài kiên cố.

Bonifacy tiến đánh phía bắc dãy núi. Lê Hoan giữ mặt nam. Ngày 5-10, chiến đấu từ 2 giờ chiều đến 7 giờ tối, Pháp chiếm được pháo đài núi Lạng với giá đắt: 17 quan quân chết, 36 bị thương. Đề Thám lại thoát. Thoát, nhưng nản lòng, vì đồn núi Lạng là kiên cố nhất mà nay bị mất. Cả Dinh bị thương, ra đầu thú ngày 24-10. Đề Thám chạy lên Thái Nguyên, sau lại trở về Yên Thế. Ngày 20-11 Cai Sơn bỏ ra hàng.

Đề Thám cùng cô Ba lẩn trong tam giác Mỏ Trang, Chợ Gò, Đình Tập. Quân Pháp lục soát từng bụi cây một, một hôm bắt được cô Ba trong rừng rậm, tính dùng cô làm mồi để dử Đề Thám. Quả nhiên, Đề Thám, đêm 1-12, đem quân đi tìm, bị phục kích, nhưng cũng lại thoát.

Cùng bị bắt với cô Ba, có con gái cô là Hoàng Thị Thế. Tất cả nghĩa quân bị bắt hay đầu hàng là 78 người. Họ bị xích tay giải về Hà Nội, rồi cho xuống tàu biển đưa sang đày ở đảo Guyane, ở Đại Tây Dương, gần bờ Nam Mỹ. Xuống đến tàu, cô Ba cắn lưỡi chết. Pháp đem Hoàng Thị Thế về Pháp cấp dưỡng, sau cô này làm tài tử xi nê một dạo, không thành công, kết cục lấy chồng người Pháp, ở luôn bên đó. Còn các bạn tù đày lần lượt đã vùi xương nơi góc biển chân trời.

\*\*\*

Tuy chưa bắt được Thám, nhưng đồ đảng của Thám vừa chết trận, vừa ra thú, tính ra đã gần hết. Liệu chừng Thám còn một mình cũng không làm gì nổi nữa, ngày 9-12-1909, Bonifacy chấm dứt mọi cuộc hành quân, chỉ để lại ít sĩ quan giúp viên Đại lý Nhã Nam dò la tung tích của Thám.

Dân chúng đồn rằng Đề Thám đã chết vì kiệt sức. Đề Thám thực ra vẫn lẩn lút trong rừng Yên Thế. Ngày 11-7-1911, lại có người phao lên đã trông thấy Đề Thám ở Yên Lệt. Lính khố xanh, khố vàng tới bao vây, 5 tên chết, 7 tên bị thương. Đề Thám vẫn thoát.

Chuyến này yên được khá lâu. Cuối tháng 6-1912, Đề Thám gửi thư xin hàng, tùy chính quyền cho ở đâu cũng được.

Sarraut, lĩnh chức Toàn quyền từ 15-7-1911, nhất quyết cự tuyệt. Ý nghĩ rằng bấy lâu bắt mãi Thám không được, Thám đã hầu như một nhân vật thần thoại trong đầu óc dân chúng Việt Nam, thì nhượng bộ nữa, tức là làm cho thần thoại thành sự thực, và y sẽ mất thể diện, và chẳng cho hàng rồi biết đâu Thám sẽ chẳng liên kết với những kẻ thù của chính phủ, mà gây nhiều hậu họa. Bouchet hỏi có nên truy tầm không? Sarraut nói: không, chỉ canh chừng là đủ. Sự canh chừng cho biết Thám thường liên lạc với bọn lục lâm ở Quảng Tây, bọn này dung nạp những đồ đảng cũ của Lương Tam Kỳ.

Lương Tam Kỳ vốn là đảng viên Thái Bình thiên quốc, bấy nay vẫn yên ngụ ở Linh Đàm gần Chợ Chu. Lão đầu hàng từ 1890. Năm 1912, lão đã 72 tuổi, chỉ cầu sống an nhàn. Sarraut chỉ thị cho Giám đốc chính trị Bosc giao thiệp với Lương Tam Kỳ để trừ Đề Thám.

Bosc đến thăm Lương, hứa thưởng 25.000 đồng cho ai bắt được Đề Thám, Lương từ chối:

– Việc ấy khó lắm. Bao nhiêu người đã uống mạng rồi mà có bắt được đâu...

Trầm ngâm ít lâu, Lương tỏ ra mệt mỏi, nói:

– Mấy ngày nữa con tôi, Lương Văn Phúc, đi Hà Nội sẽ có dịp lên chào quan lớn.

Lương Văn Phúc bấy giờ giữ chức Tri huyện ở một huyện trong địa hạt của cha. Mấy ngày sau, Phúc tới thăm Bosc, Bosc nói:

– Quan Sarraut không muốn giết Đề Thám, chỉ cần bắt hãn thôi...

\*\*\*

Ba lái buôn Tàu, ngày 10-1-1913, đi lang thang trong vùng Yên Thế. Bỗng có tiếng gọi:

– Đi đâu thế kia?

– Chúng tôi đi tìm cụ Đề, may lại gặp ngay cụ, vì tôi đã nhận ra tiếng của cụ rồi. Tôi đã yết kiến cụ ở Phần Xương bốn năm trước đây. Chúng tôi vừa ở Quảng Tây sang, có thư của tướng Liên gửi cho cụ đây.

Một phút yên lặng. Bỗng Đề Thám cùng hai tùy tướng, nhảy ở trong một bụi cây ra, không một tiếng động. Thám nhìn người khách rồi nói:

– Tôi biết chú. Tướng Liên gửi chú sang đây có mục đích gì?

– Tướng Liên nói ba chúng tôi có thể giúp ích cho cụ. Ở Quảng Tây, chúng tôi đã học cách chế bom để chuyên chở và lúc nào ném mới phải châm ngòi. Vả lại có thư của tướng Liên đây.

Thám nhận ra dấu son của tướng Liên, nói:

– Để ta cho thầy đồ đọc thư. Còn bạn của chú đâu?

– Chúng tôi ba người, mỗi người có một khẩu Lebel, tôi lại có thêm một súng lục.

– Phải bỏ súng lại rồi theo ta vào đây. Ta sẽ cho người ra lấy súng cho.

Ngày lại ngày, Thám thay đổi chỗ ở luôn. Lúc ở động có cửa sau, lúc ở hang ngáng gỗ lên trên làm mái, có khi ở trong một ngôi chùa hoang tàn. Hai tùy tùng canh chừng suốt ngày đêm. Một hôm, Thám đột nhiên hỏi người Tàu:

– Chú có ở trên đất ông Lương bao giờ không nhỉ?

– Có, nhưng ông ấy nghiệt lắm, chúng tôi bỏ về với tướng Liên.

Tuy trả lời thản nhiên, nhưng ba người Tàu không khỏi lo lắng, bảo nhau hết sức giữ mình. Tháng 2-1913, Thám ẩn trong rừng sâu ở gần Đình Tập. Khi đi từ Chợ Gò vào Đình Tập, Thám dừng lại giữa đường nói với bọn Tàu:

– Ba tháng trước ở chỗ này, một tên phó đội lệ muốn dử ta vào bẫy. Ta đã cho hãn một viên đạn vào bụng. 40 ngày sau, tại Lục Giới gần đây, ta đã kết liễu đời một tên chức dịch. Đứa nào

muốn hại ta, sẽ không sống mà ra được ngoài rừng!

Bọn Tàu hoảng hồn. Họ ngủ trong căn lều nhưng không dám ngủ cùng một lúc. Thám cũng ở một căn lều tương tự, ba khẩu súng và hai cái cuốc kề bên tay (cuốc thường dùng để đào hố đứng bắn) hai tùy tùng canh cửa lều, súng nạp đạn sẵn.

Hôm 9-2-1913, Thám bảo hai người này:

– Chỗ kia có ba gốc cây vướng mắt. Bay hãy chuẩn bị dẫn đi, dẫn cây lớn trước.

Ba gốc cây, ba người Tàu...

Đêm xuống dần. Hai tùy tùng ngồi cửa lều, bọn Tàu nằm thín thít trong lều bên.

5 giờ sáng, hai tùy tùng thiu thiu ngủ. Bọn Tàu lặng lẽ bước ra, bò vào lều Thám, không một tiếng động.

Đêm rồi, Thám hút thuốc phiện đến gần khuya, bấy giờ đang lơ mơ ngủ gà. Khi tên Tàu đầu đảng tiến đến gần giường. Thám mở choàng mắt, giơ tay giáng cho y một quả đấm thối sơn, rồi vớ ngay lấy súng. Nhưng tên Tàu cũng hết sức đấm lại, vào hai cạnh sườn Thám. Ông lão đảo chưa đứng dậy kịp, thì tên Tàu đã vớ được cái cuốc. Một nhát bổ vào ngực Thám, một nhát bổ vào mặt, dưới mắt trái. Thám tắt hơi ngay. Hai tùy tùng cũng chết luôn, vì khi chạy vào cứu chủ, họ bị bọn Tàu dùng súng của Thám mà bắn trúng chỗ hiểm.

Ngày 10-2-1913, tức 5 tháng giêng năm Quý Sửu, ba tên Tàu tìm đến Bouchet, đại lý Nhã Nam, trình một bọc và nói:

– Bẩm quan lớn, đây là thủ cấp Đền Thám.

Bouchet đứng dậy, loạng choạng như trong cơn mê sảng:

– Thế còn hai người nữa đâu?

– Hãy còn để tại chỗ.

– Được rồi. Các anh ở yên đây, trưa nay đưa tôi đi coi.

Dây thép đánh ngay cho Công sứ Bắc Giang và Thống sứ. Bouchet giao thủ cấp cho viên đồn Richy; rồi tất tả đi đến chỗ Đền Thám cho lấy thủ cấp hai người tùy tùng đem về bêu ba ngày ở Nhã Nam, xong đó cho hỏa thiêu ba cái xác.

\*\*\*

## **Khí thiêng khi đã về thần**

Chúng tôi lược sao sau đây để cống hiến những bạn hiếu kỳ bài của ký giả Nguyễn Dương Vân đã đăng báo khoảng 10 năm trước, do ông Phan Văn Thiết sưu tầm lại gần đây. Theo ký giả Nguyễn thì truyện này rút ở tập di cáo của học giả Nguyễn Văn Tố.

Hồi 1937 ông Nguyễn Văn Tố, xử lý thường vụ tại viện Bác Cổ Viễn Đông ở Hà Nội, có dịp tiếp Đại tá Chofflet.

Lúc này Đại tá hơn 80 tuổi, có một người con gái độ 30 tuổi đi theo. Cô này là con của một bộ hạ Đề Thám, khi mẹ con cô và cô Ba, vợ nhỏ của Đề Thám bị bắt hồi 1909, cô mới có một tuổi, được người Pháp đưa về Pháp nuôi dưỡng. Về sau Đại tá Chofflet nhận cô làm con nuôi.

Đại tá yêu cầu học giả, nhân danh viện Bác Cổ, nhận đôi gươm mà Đại tá đem đến tặng, và thuật rằng đôi gươm này nhặt được tại chiến trường cùng với nhiều vật khác như đôi dáp da tê và ấn triện của Đề Thám, Đại tá xem các vật ấy như là chiến lợi phẩm và luôn luôn giữ ở tại Hanoi Hotel, nơi Đại tá ở từ năm 1913 sau khi được về hưu.

Đôi gươm ấy do người họ Trịnh ở Quảng Châu đúc ra (họ này bảy đời chuyên nghề đúc gươm) cho Tổng đốc Lương Quảng Hà Châu Phiên, trên cán gươm khắc bốn chữ Hà thị thiện sử. Về sau, hình như họ Hà có dự vào đạo binh Tôn Sĩ Nghị sang đánh Việt Nam bị Nguyễn Huệ đánh bại, lúc trốn về Tàu với Sầm Nghi Đống đã bị đoàn quân của Bá Phúc cướp đoạt được, rồi Tư Lộc, em Bá Phúc, khi về phụ tá Đề Thám, đã khắc chữ Hoàng đề lên chữ Hà để dâng Đề Thám.

Chofflet có gởi đôi gươm về Pháp cho chuyên viên coi thì quả thấy chữ Hoàng chồng lên chữ Hà, và nhận rằng thứ thép gươm không kém thứ thép blue steel of Lancashire dùng rèn gươm cho hoàng tộc Anh.

Chofflet rất quý đôi gươm ấy thường để trong tủ kiếng nơi phòng khách.

Dưới đây là lời trình bày của Chofflet:

Đêm 10-2-1913 (tức mùng 5 tháng giêng Quý Sửu).

*Tôi mộng thấy một chiến sĩ ăn mặc như người sơn cước, thân cao vai rộng, nước da sạm, hiện ra giữa phòng khách của tôi. Sau khi nhìn kỹ tôi lấy làm kinh sợ bởi hình ma ấy không có đầu. Hình ma này đi tới đi lui một hồi rồi đến đứng rất lâu trước tủ kiếng mà nhìn vào đôi gươm, đoạn tới chỗ tôi nằm, chồm thân mình vào mùng rồi biến mất. Tôi la lớn một tiếng và giật mình thức dậy. Mặc dù kinh sợ, tôi cũng cho rằng vì lúc ban ngày mình thấy rõ đầu và thân của Đề Thám nên quá xúc cảm mà ban đêm thấy như vậy chăng.*

*Đêm thứ nhì*

*Đêm sau tôi lại chiêm bao thấy Đề Thám. Lần đến trước mùng và tôi có cảm giác nghe tiếng nói:*

*– Mi có trả đôi gươm cho ta không?*

*Tôi rất muốn trả lời nhưng không làm sao mở miệng được. Hình ma Đề Thám tỏ vẻ giận dữ, hai tay cầm hai cây gươm bẻ gãy thành tiếng chát óc điếc tai làm cho tôi giật mình thức tỉnh. Tôi nháy xuống giường, bước mau lại chỗ hình ma đã đập gãy đôi gươm với ý định lượm những mảnh gươm gãy.*

*Nhưng dưới gạch trống trơn không có một vật gì. Tôi chạy lại tủ kiếng thì thấy khóa vẫn y*

*nguyên, đôi gươm vẫn còn bày nơi thường lệ.*

*Các bạn thân của tôi khuyên tôi nên rời giường mình đến một nơi khác nhưng tôi không làm theo, vì tôi tin rằng người chết vẫn sống và nếu ông Đề muốn phá tôi thì ở đâu ông cũng có thể phá được...*

*Từ đó về sau, thỉnh thoảng tôi nằm mộng thấy Đề Thám về, luôn luôn cụt đầu. Vào lúc cuối năm 1913, tôi bỗng có ý định bắt chước các vọng tộc Việt Nam, đặt chéo đôi gươm trên tường phòng tôi cùng với nhiều báu vật khác, với mục đích trang hoàng.*

### **Đầu lâu Đề Thám hiện ra...**

*Độ một tháng sau, đến ngày giỗ Đề Thám là ngày mùng bốn Tết. Đêm ấy sau vài chập đọc sách như thường lệ, tôi vừa nhắm mắt thiu thiu thì trong gian phòng tôi bỗng lóe ra một ánh sáng lòe rồi tịt đi liền.*

Bất giác tôi nhìn lên tường chỗ đặt đôi gươm thì thấy giữa đôi gươm vắt chéo, đầu lâu của Đề Thám hiện ra đôi mắt trợn dọc lên liếc qua liếc lại, chỗ chặt đứt, máu xịt ra linh láng chảy dài trên tường trắng tạo thành những lằn đỏ tươi.

Tôi có kể chuyện lại cho một người bạn sĩ quan tín đồ thông linh học, ông khuyên tôi biên thơ về Paris hỏi Thông Linh Tập San (Revue Spirite) nhờ giải thích hiện tượng này. Bốn tháng sau, viên chủ nhiệm kiêm chủ bút phúc đáp rằng hiện tượng đó xảy ra nhiều nơi không riêng gì ở Việt Nam và khuyên tôi trả lại gươm để tránh những điều không hay về sau...

Bắt đầu từ đó, tôi không dám khinh thường sự hiện hồn của Đề Thám nữa. Tôi nhận rằng có nhiều lúc tôi định trả đôi gươm nhưng lại tự hỏi: trả cho ai bây giờ? Đành rằng trả cho con cháu Đề Thám nhưng theo tôi biết, Đề Thám chỉ có một con gái là Hoàng Thị Thế hiện ở tại Pháp. Như vậy thì làm sao trả? Đàng khác, là một sĩ quan chuyên nghiệp tôi há không có quyền giữ làm vật tư hữu những chiến lợi phẩm mà chính tôi đã gặt hái được tại chiến trường hay sao? Dù là còn sống ở giới bên kia, Đề Thám, theo ý tôi, cũng không có quyền bắt tôi hoàn lại những chiến lợi phẩm ấy.

Vì nghĩ như thế nên trí tôi bình tĩnh trở lại và trong khoảng 10 năm (từ 1927 đến 1937) tôi không để ý đến Đề Thám nữa, có lẽ vì tôi thấy những lời đe dọa của ông ta không hề đem lại hậu quả gì khó khăn cho tôi. Nhưng bỗng nhiên một hiện tượng bất ngờ làm cho các ý định trước kia xáo trộn tất cả. Sau khi về hưu, tôi ăn và ở tại Hanoi Hotel. Chỗ tôi ở là một căn phòng rộng lớn, lúc ấy con gái nuôi tôi cùng ở với tôi. Không còn bà con chi bên Pháp và sống tại Việt Nam quá nửa đời rồi, tôi định gởi xương nơi đây mà tôi xem như quê hương thứ nhì của tôi vậy.

Một ngày kia tôi tiếp được thư của vị chương khế bên Pháp cho biết rằng một người anh chú bác của tôi xuất ngoại bên Mỹ đã từ trần và vì không có con cháu nên di chúc để lại gia tài cho tôi. Gia sản ấy khá to gồm vài bất động sản tọa lạc tại đất Pháp. Vì thế, tôi nhất định trở về Pháp và sẽ ở luôn bên ấy vì tôi đã ngoài 80 tuổi rồi.



## Hồn Đền Thám hiện trở lại

*Đúng ba ngày sau khi tôi tiếp được thư của vị chưởng khế, tôi chiêm bao thấy Đền Thám. Lần này không phải là người cụt đầu như trước. Trái lại ông có đầu và nghiêm nhiên là một vị tướng lãnh oai vệ, theo hầu có hai tên quân trang vận y như quân Việt Nam trong những buổi lễ rước thần. Đêm ấy nói cho đúng, tôi thực chưa ngủ thì bỗng Đền Thám hùng dũng hiện ra trước mắt tôi. Điều lạ là tôi không thấy kinh sợ như mười mấy năm trước kia. Đền Thám trợn mắt nhìn tôi. Tôi nghe rõ lời la lối và đe dọa của ông mặc dù đôi môi ông không hề lay động, ông cũng vẫn đòi đôi gươm nhưng đòi gắt hơn trước với một thái độ áp đảo rõ rệt.*

Thấy tôi im lặng, ông nổi giận ra hiệu cho hai tên lính, tức thì hai tên này xông vào bắt tôi trói go tay chân lại. Lẽ dĩ nhiên, tôi cố sức vùng vẫy nhưng vô hiệu, tay chân tôi rũ liệt. Đền Thám dùng ngón tay trở điểm vào mặt tôi và bảo rằng nếu trong ba ngày tôi không trả gươm lại thì ông sẽ cho biết tay! Ông nói dứt lời thì một tên lính đá tôi một đá, tôi giựt mình thức dậy.

Hôm sau tôi thuật diềm chiêm bao lại cho thầy Đội Mật nghe (thầy là người trước kia cộng sự với tôi). Thầy Đội khuyên tôi hãy đến thầy bói Kế mà xem quẻ vì thầy Kế có danh là thầy bói rất giỏi. Thầy Đội dẫn tôi đến nhà ông Kế, một ngôi nhà bằng cây ở trong một đường hẻm rất quanh co. Sau khi xủ quẻ thầy bói bảo rằng có một vong hồn theo tôi mà đòi một vật bằng kim khí rất cũ và nếu tôi không trả thì sẽ có nhiều điều không hay xảy đến cho tôi. Nghe vậy tôi bắt đầu lo ngại. Bấy giờ có một bà cùng đến coi bói thấy tôi có vẻ thắc mắc, mới khuyên tôi hãy đến xem bà đồng Vân Thai để trực tiếp nói chuyện với người đã qua đời. Tôi và con tôi liền ngồi xe hơi lên hồ Trúc Bạch tìm đến bà đồng Vân Thai.

## Tiếp xúc với người ở giới bên kia...

*Chúng tôi tìm được ngay nhà bà này vì người ta tề tựu đến đó rất đông. Theo lệ, phải cho bà đồng biết tên họ và ngày từ trần của ông Đền. Cũng may, con gái tôi nhớ rõ Hoàng Hoa Thám từ trần ngày mồng bốn tháng giêng năm Quý Sửu (1913).*

Lúc ấy trên bàn thờ, khói hương nghi ngút, những người có mặt đều chấp tay, có vẻ kính cẩn. Trong không khí nghiêm trang ấy, trí tôi không tưởng đến chi cả tôi chỉ ngồi chờ mà thôi. Bỗng tôi thấy bà đồng ngáp dài, buông cây quạt xuống gạch rồi nắm tay lại dấm vào ngực rất mạnh, vươn mình lên như một vị tướng và la lớn:

– Thám đây! Ai muốn hỏi gì?

Giọng nói nghe rất hùng dũng làm cho tôi giựt nẩy mình nhìn quanh xem ai nói vì tôi không tin rằng chính bà đồng vừa nói, bởi giọng nói thường của bà nhỏ nhẹ và êm dịu lắm. Liền đó, một cuộc thảo luận ráo riết diễn ra giữa tôi và Đền Thám nhập vào cốt bà đồng Vân Thai. Đền Thám cho tôi ba ngày để trả lại đôi gươm. Nếu tôi không tuân, ông sẽ giáng họa cho tôi.

Những lời ấy vừa thốt xong thì bà đồng nhắm nghiền đôi mắt, bật ngửa ra, có người chực sẵn đỡ bà. Thế là cuộc gọi hồn Đền Thám chấm dứt.

Khi ra khỏi nhà bà đồng, tôi vẫn chưa trợn tin bà, dù trí óc tôi bị dao động không ít nhưng con

gái tôi tin hoàn toàn. Nó khuyên tôi nên tin như nó vì bà đồng là người mù chữ, làm sao biết nói với tôi gãy gọn như vậy. Do đó, nó giục tôi hãy làm theo lời Đề Thám vì kỳ hạn ba ngày và những lời đe dọa của ông không thể nào khinh thường được.

Kỳ hạn ba ngày đã trải qua mà tôi vẫn bình yên vô sự. Và ngày thứ tư cũng không thấy có gì.

## **Ngày thứ năm**

*Nhưng ngày thứ năm, sự đe dọa của Đề Thám bắt đầu thực hiện và nếu không nhờ một dịp may mắn bất ngờ thì có lẽ tôi đã chết hay ít nữa tôi cũng bị thương nặng, như tôi sắp tường thuật đây.*

Nguyên thường bữa, chị Ba, cô khâu của bà X ở cạnh phòng tôi, đi xuống văn phòng khách sạn mà lấy thư từ cho chủ luôn tiện cũng lấy giùm cho tôi. Hôm đó chị Ba vắng mặt nên chính bà X phải đích thân đi làm công việc ấy. Vì có một bức thư của tôi nên bà X ghé phòng tôi, gõ cửa mà nói:

– Này! Đại tá có một bức thư đây!

Tôi đương ngồi đọc sách, đứng ngay dậy, ra cửa lấy thư. Bà X xây lưng đi, tôi đóng cửa phòng lại thì nghe một tiếng “rầm”: một vé trần nhà gồm vôi và xi măng to bằng cái nia từ trên rớt ngay chỗ tôi ngồi nửa phút trước đó.

Nếu là chị Ba đem thư đến cho tôi như thường lệ thì tôi đâu có rời khỏi chỗ ngồi và như thế, ắt tôi phải lãnh đủ cái vé trần ấy trên đầu rồi!

Mặc dầu suýt bị tai nạn và tôi cũng sợ, nhưng rồi cuối cùng tôi cũng chưa chịu tuân theo lời Đề Thám.

Độ một tuần sau, tôi nằm mộng thấy Đề Thám về đòi gươm và nói một giọng hằn học đặc biệt:

– Nếu mi không chịu trả thì chuyện này, ta sẽ làm cho mi phải điêu đứng chứ không cảnh cáo sơ sài như bữa nọ đâu! Mi ráng mà giữ mình cho lắm đừng để sau này phải hối tiếc và trách ta không báo trước...!

Nơi đây, tôi phải nói rõ ràng tôi trọ tại Hanoi Hotel có gần 30 năm rồi. Mỗi năm, chủ nhân khách sạn này đều cho thầu khoán đi viếng tất cả những phòng trong khách sạn để xem có chỗ nào sắp hư thì sửa chữa ngay. Công việc này đã thực hành xong 15 ngày trước. Hơn nửa tháng rồi, không có mưa giông bão tố chi cả. Như vậy, tại sao trần nhà không có nứt rạn chi bỗng nhiên lại rớt xuống? Không thể nói rằng sự rớt trần nhà là một việc ngẫu nhiên, và tôi thoát nạn không hẳn là một việc may rủi! Con gái tôi cũng nghĩ như thế và khẩn khoản khuyên tôi đem trả đôi gươm.

## **Tôi đổi phòng**

*Tuy nhiên, mặc dù định trả, tôi vẫn tò mò muốn xem Đề Thám sẽ hành động như thế nào nữa? Tôi tự dặn lòng phải hết sức thận trọng để tránh những tai nạn do Đề Thám gây ra. Hơn nữa, tôi còn*

*muốn thách đố ông ta một lần nữa. Nhân dịp chủ nhân khách sạn cho cất thêm một tầng lầu, tôi mới đổi chỗ, đến ở một căn phòng vừa mới làm xong.*

*Ngay đêm đầu ngủ trong phòng mới, tôi mộng thấy Đề Thám, ông có vẻ quá giận, mặt mày đỏ lợt, bộ tịch hầm hầm. Vẫn đòi gươm như những lần trước, ông bảo:*

*– Ta cho mi thêm ba ngày nữa, nếu còn không tuân lời, chừng đó mi chớ trách sao ta quá nghiêm khắc!*

*Nói xong, Đề Thám biến mất. Không hiểu tại sao lần này, tôi lại đâm ra hoảng sợ hơn các lần trước, mình mẩy nổi ốc, ghê rợn.*

*Hai ngày trôi qua không thấy có việc gì, trong lòng tôi hơi yên. Chuyến này, tôi đề phòng hết sức, định ở mãi trong phòng ba ngày, không bước chân ra khỏi. Qua ngày thứ ba, tôi lại còn cẩn thận để ý đến mọi chi tiết. Trọn ngày không có việc gì xảy ra, mãi cho đến 7 giờ tối...*

### **Nguy hiểm đến nơi**

*Bảy giờ tối tức là giờ ăn trong nhà hàng Hanoi Hotel; Người bồi đã đem gà mên vào phòng tôi rồi, một sự tình cờ quái dị, cái đồng hồ điện có hư gì không rõ làm cho tất cả những phòng trong khách sạn đều chìm trong bóng tối. Có nhiều người ở trọ mở toác cửa phòng của họ để được có ánh sáng chút ít vì đêm ấy là đêm trung thu. Có người lại thắp đèn cày lên. Ai nấy đều trông ngóng thợ điện đến sửa. Tôi cũng định mở cửa ra nhưng nhớ những lời đe dọa của Đề Thám, tôi do dự mãi. Khốn nỗi! Tôi có thói quen ăn nóng mà đồ ăn đã đem đến rồi, nếu không ăn thì nó sẽ nguội dần mất. Bất đắc dĩ tôi mới kéo cái bàn ăn đến tận cửa sổ rồi mở cửa ra để được ánh sáng đèn nhà bên kia đường rọi qua; vì con đường ngăn nhà hàng với dãy nhà lầu phía bên kia nhỏ hẹp, ánh sáng bên kia rọi qua đủ cho tôi dùng tạm. Hơn nữa, mặt trăng đã lên khá cao chiếu vào phòng tôi, gió thu thổi nhẹ vào, tôi cảm thấy trong người rất sáng khoái ngồi lại bàn mà khởi sự ăn buổi tối. Tôi vừa húp xong đĩa xúp thì một tiếng “đoành” từ đâu nổ vang lên, làm cho mọi người trong khách sạn quá đổi kinh ngạc!*

Riêng tôi, sau khi nghe tiếng nổ rồi tôi cảm thấy bị trúng nặng nơi đầu. Tôi la lên một tiếng rồi bất tỉnh... Khi tôi tỉnh lại. Bác sĩ nói nếu đạn đi chệch qua một phân thì đầu tôi đã vỡ tung rồi. Tại sao tôi bị đạn và ai đã bắn tôi?

Người chủ nhà nơi phát súng bắn ra là vị Thiếu tá chỉ huy trung đoàn 2 Lê Dương: ngày ấy, Thiếu tá đương chuẩn bị sáng hôm sau đi hành quân xa Hà Nội. Hai hôm trước, Thiếu tá có một người lính cận vệ mới thay người trước đã bị đổi đi nơi khác vì lý do kỷ luật. Chính người mới ấy trong lúc lau chùi cây súng của Thiếu tá, vì không mấy quen cho nên vô ý làm cho đạn còn quên trong nòng súng nổ bùng bùng qua phòng tôi.

Cũng như đối với trần nhà rớt xuống, tôi không thể cho sự nổ súng ấy là một sự tình cờ được. Hai cuộc đe dọa đều có kết quả: như thế là Đề Thám có uy thế hẳn hoi. Do đó, tôi không còn sức chống cự nữa. Trong thâm tâm tôi, tôi đã nhất định trả đôi gươm của Đề Thám cho rồi.

Đêm đó, tôi mộng thấy Đề Thám hiện về với bộ mặt vui vẻ, ngỏ lời cảm ơn tôi có ý định trả đôi

gươm. Như thế là ông đã biết ngay những gì tôi nghĩ trong trí mặc dù tôi chưa nói ra. Nhân dịp ấy, tôi bày tỏ nỗi thắc mắc của tôi:

– Đành rằng tôi trả đôi gươm lại nhưng ông là người ở giới bên kia còn tôi là người ở giới bên này, thế thì trả cho ai bây giờ, thưa ông?

Đề Thám suy nghĩ một chút rồi cầm cây quạt giấy phe phẩy, đoạn biến mất.

Tôi không hiểu ý Đề Thám muốn nói gì. Hôm sau, khi con gái tôi đến vấn an tôi như mọi bữa, tôi thuật điềm chiêm bao, nó mỉm cười hỏi tôi:

– Ba có hiểu ý ông Đề muốn gì không?

Tôi lắc đầu, con tôi tiếp:

– Ông muốn ba đến bà đồng Vân Thai mà nói chuyện với ông đó.

Ngay sau đó, chúng tôi đến am bà đồng. Khi Đề Thám nhập vào cốt rồi thì đàm đạo với tôi một cách cởi mở.

Ông ngỏ lời cảm ơn tôi về ý định hợp tình hợp lý của tôi, rồi nói:

– Tôi chỉ có một con mà lại là con gái nữa, ấy là con Hoàng Thị Thế. Hiện giờ nó ở bên quý quốc, có hai con với người chồng Pháp, chắc Đại tá dư rõ. Nếu thực Đại tá muốn làm cho tôi vui lòng xin Đại tá hãy chịu khó thương lượng với con gái và rể tôi. Tôi tưởng chúng nó sẽ rất hân hạnh tiếp nhận vật kỷ niệm của tôi.

Cuộc gọi hồn chấm dứt. Khi về đến nhà, tôi bảo con gái tôi viết thư ngay cho Kỹ sư Ferrand tại Mézières. Bốn tháng qua mà không thấy hồi âm, tôi lại bảo nó viết một bức thư thứ hai. Trên một tháng sau mới được thư phúc đáp.

Thư ấy làm cho tôi suy nghĩ khá lâu. Ông Ferrand viết: “Từ khoảng cuối thế kỷ vừa qua, máu của hàng 3 ngàn thanh niên anh dũng Pháp đã chảy dưới đôi gươm ấy!”

Rồi ông ta không chịu nhận nó, viện lẽ vợ ông đau tim đương ngọa bệnh tại dưỡng đường Cligny, đôi gươm ấy có thể khêu gợi những kỷ niệm không tốt, làm cho vợ ông khó lành mạnh chóng.

Cuối cùng, Ferrand kết luận: “Đối với vợ tôi, dĩ vãng đã chết hẳn. Nếu ngày nay, tôi phô bày ra các vật ấy chẳng khác nào tôi lật trở lại những chương sách quá khứ đầm máu làm cho hoen ố tình bang giao hữu nghị giữa hai nước nói chung và có phương hại đến liên quan tình ái giữa vợ chồng tôi nói riêng. Tôi nghĩ tốt hơn là chúng tôi không biết gì cả về cái quá khứ đáng tiếc ấy”.

Bức thư hồi âm của ông Ferrand đặt tôi vào một tình trạng khó xử. Nhưng chính đêm ấy, Đề Thám lại hiện về lần nữa, nói với vẻ buồn bã:

– Con gái tôi đã quyết tình quên chuyện cũ, tôi để cho Đại tá trọn quyền sử dụng đôi gươm ấy.

Tôi chỉ có một điều kiện: đôi gươm ấy không thể đem về bên Pháp. Đại tá có thể đem tặng cho một bảo tàng viện trong xứ chúng tôi, nếu không thể trao lại cho con cháu một trong 5 cận vệ thân tín của tôi: Phong, Lôi, Vũ, Hỏa và Điện, nhất là con cháu của Phong vì Phong là người trung hậu và khí tiết rất cao: chính quý quốc muốn mua chuộc nó rất đắt giá mà nó không hề chịu nhận. Chính con gái nuôi của Đại tá là con đẻ của Phong, rất tiếc nó là con gái, không thể nối dõi tông đường. Nếu có thể, nó rán đi tìm tông tích người anh trai của nó mà trao lại đôi gươm càng tốt.

Đại tá Chofflet nói tiếp với học giả Nguyễn Văn Tố:

“Chính vì muốn làm thỏa mãn ý muốn của Đề Thám mà tôi đã tốn nhiều tiền để tìm cho được miêu duệ của năm người cận vệ của cụ, nhất là đứa con trai của Phong. Nhưng chuyện đã gần ba mươi năm, tang thương biến đổi, người cũng không mấy ai còn nhớ! Bởi vì các lý do kể trên, tôi tự xem như là có nghĩa vụ thiêng liêng đem đôi gươm mà tặng cho quý viện”.

Theo lẽ thì đôi gươm ấy hiện thời phải còn ở tại Viện Bác Cổ Viễn Đông tại Hà Nội. Tuy nhiên, từ năm 1937 đến nay cũng đã hơn ba chục năm, tang thương lại càng thêm biến đổi, không rõ nó có còn hay không? Nếu mất thì đáng tiếc vì nó tượng trưng cho trang lịch sử oai hùng bất khuất của dân tộc Việt Nam.

# Trịnh Cấn (Đội Cấn)

(1880-1918)

Sinh vào khoảng năm 1880, nguyên tên là Trịnh Văn Đạt, quán làng Yên Nhiên, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây, Bắc Việt.

Là con một gia đình nông dân nghèo, Đạt chỉ được học chữ Hán ít lâu rồi phải ở nhà giúp công việc đồng áng.

Ngoài 20 tuổi, đổi tên là Trịnh Cấn ứng mộ lính khố xanh tức là lính bảo an. Tới năm 1910, lên đóng ở Thái Nguyên, dần dà được lên lon đội, nên thường gọi là Đội Cấn.

Tính tình hào hiệp, Cấn thích nghe kể chuyện phong trào Cần Vương. Những lúc quân của Đề Thám tràn qua Thái Nguyên, Cấn thường phải sung vào đội binh đi tiểu trừ, nhưng lòng riêng riêng những kính yêu, có lần Cấn đã cãi nhau to tiếng với bạn đồng ngũ, vì cho Đề Thám là hành động vì đại nghĩa chứ không phải quân giặc cướp tầm thường.

Năm 1913, Thái Nguyên có viên công sứ mới đổi lên, là Darles, đứng đầu tứ hung, chủ trương một chính sách khắc nghiệt đến tàn bạo, hay đánh đập lính tráng và tù phạm.

Đội Cấn thường phàn nàn với đội Giá là bạn chí thân:

– Cai trị độc ác như thế này, trách gì người ta không làm cách mạng!

Nổi lòng trắc ẩn, ông hay lân la sang nhà lao, hỏi chuyện những chính trị phạm, và đôi khi tiện dịp, giúp đỡ họ thuốc men quà bánh.

Nơi đây, thỉnh thoảng, ông gặp một cô gái quê trạc 20 tuổi, vẻ người xinh xắn, nói năng hoạt bát, thường vài tháng lại tới nhà lao để thăm hai người anh.

Đội Cấn thấy người duyên dáng, lại gần làm quen, hỏi han sự tình, mới hay cô là em Cả Thấu và Hai Vị, hai chiến sĩ bị kết án khổ sai, cầm tù ở Thái Nguyên.

Vốn đã sẵn cảm tình với những chiến sĩ cách mạng, Đội Cấn lấy làm thích thú nghe cô gái quê kể chuyện về gia thế: cô là con ông thủ khoa Phùng Văn Nhuận, quán làng Vân Cốc, tỉnh Sơn Tây, từng lãnh đạo phong trào Văn thân trong tỉnh. Sau hòa ước 1884, triều đình nhận quyền bảo hộ của Pháp, khuyến cáo quan lại phục tòng chính sách mới. Bố chính tỉnh Sơn Tây Nguyễn Văn Giáp phản nộ, bỏ quan về kéo cờ khởi nghĩa, thủ khoa Phùng Văn Nhuận trợ lực. Khi Giáp tử trận, họ Phùng thay quyền chỉ huy, cầm cự ở vùng Sơn Tây Hưng Hoá mấy năm, sau thế cùng lực tận phải giải tán nghĩa binh, thay tên đổi họ về dạy học ở Vĩnh Yên, nhưng vẫn ngầm ngầm liên lạc với các sĩ phu trong đảng Cần Vương. Người Pháp nghe biết, buộc ông ra làm Tri huyện, được hơn một năm ông lại kiếm cớ bỏ về để noi chí cũ, nhưng rồi ít lâu bị một người bạn tố giác, ông phải bắt và xử chém.

Hai con, Thấu và Vị, theo Đề Thám mong cứu nạn nước báo thù nhà. Sau khi Thám bị hại, anh

em còn kháng chiến một hồi, mới bị bắt, và đày lên Thái Nguyên.

Nghe chuyện, Đội Cận cảm động, hứa sẽ giúp cô gái quê mọi sự dễ dàng để gặp mặt hai anh...

\*\*\*

Bấy giờ, trong nhà giam Thái Nguyên, có một nhà cách mạng đương bị hành hạ tàn nhẫn đến nỗi tê liệt cả hai chân. Ấy là Lương Ngọc Quyến.

Lương Ngọc Quyến tự là Lập Nham là con thứ ba ông cử Lương Văn Can tự Ôn Như, nên thường gọi là Ba Quyến. Mười sáu tuổi Ba Quyến đã có tiếng học giỏi, thi hương khoa Canh Tí (1901) làm bài phú sai vần nên trượt, từ đấy đọc Tân thư, thấm nhuần học mới, quyết bỏ đường khoa cử. Năm 1905, xuống Hải Phòng, rồi ra Móng Cái, sang Đông Hưng, qua Bắc Hải, đi Hương Cảng, đáp tàu lên Hoàn Tân, Đông Kinh, học tiếng Nhật để vào trường võ bị Chấn Võ. Đầu năm 1908, Pháp ký hiệp ước kinh tế với Nhật, cho hàng Nhật hưởng thuế quan rất hạ, để đòi hỏi Nhật trục xuất các đảng viên cách mạng Việt Nam. Chính phủ Nhật đương mở mang kỹ nghệ nên cần có nơi tiêu thụ, bèn ký với Pháp hiệp ước này rồi hạ lệnh cho đảng viên cách mạng và học sinh ta phải rời khỏi nước Nhật trong hạn 48 giờ.

Cố nhiên nhiều người phải bỏ Nhật về Tàu hoặc sang Xiêm. Cũng có người tìm cách đổi căn cước, lấy quốc tịch Trung Hoa, để ở lại Nhật. Đây là trường hợp Ba Quyến, đã lưu lại Nhật học đến 1911 thì tốt nghiệp.

Liền đó ông đi Quảng Đông, yết kiến Hồ Hán Dân lúc ấy là Đại đô đốc. Hồ bổ ông chức Đại úy, chỉ huy một cánh quân đi diệt thổ phỉ ở vùng Nam Đường Tam Thủy. Ông lập được nhiều chiến công, và thâm được nhiều kinh nghiệm về kỹ thuật tác chiến.

Ít lâu sau, Hồ Hán Dân từ chức, thời cuộc xoay đổi, Ba Quyến cũng rời Quảng Đông, vào học trường Quân Quân ở Bảo Định, rồi đi Võ Xương, được Lê Nguyên Hồng bổ chức Thiếu tá, coi một lữ đoàn lục quân. Song, thấy nội tình Trung Hoa rối nát, quần hùng mỗi người chiếm một khu, Nam Bắc lại có cuộc phân tranh kịch liệt, không trông mong họ giúp gì được cho nước mình, ông đâm chán nản, bèn từ chức ở Hán Khẩu, trở về Quảng Đông, tìm đến cơ sở của đồng chí Việt Nam. Không ngờ cơ sở đã bị Long Tế Quang, đô đốc Quảng Đông, hạ lệnh giải tán vì sợ liên lụy đối với Pháp. Ông liền trốn về Saigon, đi Long Xuyên gặp Dương Bá Trạc đang bị an trí ở đó, hội họp cùng mấy đồng chí nữa, bàn cách tiến thủ. Thấy rằng lực lượng mình chưa có gì, chưa thể đương đầu với Pháp, các ông đành nghĩ kế hoạch “khẩn điền luyện quân” ở bên Xiêm, như Phan Bội Châu đã làm hồi 1908-1909. Ba Quyến được cử sang Xiêm. Ở Ban Thầm các nhà chí sĩ lưu vong đã quy tụ được khá đông thanh niên, lấy việc khai khẩn đồn điền, và luyện tập võ nghệ để đợi thời cơ.

Ông đi đường bộ lên Nam Vang, để thăm cha già, cụ cử Lương Văn Can bị an trí ở đó, rồi định thẳng đường sang Bangkok. Nhưng hành tung bị lộ, nếu sang Xiêm khó tránh được lưới vì ở sứ quán Pháp tại Bangkok có cơ quan chuyên theo dõi hành động của đảng Cách mạng Việt Nam, ông bèn trở lại Saigon liên lạc với bọn thủy thủ Tàu để trốn đi Hương Cảng. Không ngờ tới đó bị ngay cảnh sát Anh bắt đưa đi Quảng Châu Loan, giao cho Pháp. Pháp giải về Hà Nội (1915) giam trong đê lao Hỏa Lò, kết án chung thân cấm cố, phát vãng lên Sơn Tây, rồi Phú Thọ, ở đâu

cũng bắt cùm kẹp khổ sở, đến 1916, đày ông lên Thái Nguyên. Ở đây ông bị bại một bên mình, một chân tê liệt hẳn. Công sứ Darles cho dùi thủng bàn chân liệt để xỏ dây xích vào giam lại cho chắc.

Tuy là bị tàn phế, Ba Quyển vẫn không quên thù nước, thường ngày bàn chuyện với bạn đồng tù Thấu và Vị thăm tính những kế hoạch phá nhà lao, tấn công trại lính... Kế hoạch này muốn được thực hiện, tất phải có nội ngoại giáp công. Làm sao mà liên lạc được với một vài phần tử bên trại lính để làm nội ứng?

\*\*\*

Thấu và Vị, gặp em gái, mới hay mình được sự giúp đỡ của Đội Cấn, bèn nghĩ cách lôi cuốn viên đội về với mình. Ai giúp được việc ấy bây giờ đây?

Cô em đây, chứ còn ai nữa!

Hai anh đem nghĩa lớn “thù nhà nạn nước” ra ước lòng, thấy em là người có tâm huyết, nên yêu cầu em thuận gá nghĩa cùng Đội Cấn để thắt dây liên lạc.

Cô em suy nghĩ một lát, rồi vui vẻ trả lời:

– Vì đại nghĩa, em không dám từ nan, nhưng để em về thỉnh ý mẹ xem sao đã.

Thấu nói:

– Chắc mẹ cũng chẳng ngăn trở chúng ta đâu. Cô về trình mẹ mọi sự đi.

Tức thì cô ra về, hỏi ý kiến bà thủ khoa. Bà rất cảm động:

– Các con nhớ tình cảnh cha con bị thảm hình như thế nào thì bây giờ tìm cách rửa cho sạch hận, thời cơ đến thì cứ việc làm, còn phải hỏi gì nữa!

– Nhưng anh em chúng con chỉ bản khoăn, sợ lỡ ra mẹ bị liên lụy thì khổ. Vả lại muốn thành công con phải lên Thái Nguyên, như vậy để mẹ ở nhà một mình vò vố, sao đành?

–Ồ, con ông thủ khoa Vân Cốc mà lại nản lòng vì những việc nhỏ mọn ấy sao? Con hãy yên tâm mà lo việc lớn.

Đêm hôm ấy, bà lặng lẽ tự thắt cổ chết.

Chôn cất mẹ già xong, cô lên Thái Nguyên, tìm gặp Đội Cấn và mấy hôm sau, nghiễm nhiên trở thành cô đội.

Cô đội dần dà đứng ra bao thầu cơm tù cơm lính, cốt để ra vào đề lao dễ dàng.

Cô là người cơ trí, lại biết chữ ít nhiều, nên Đội Cấn ngày càng tin yêu. Thường ngày cô lấy đại nghĩa khuyên lơn chồng, và làm thân với bạn chồng là Đội Giá, Cai Xuyên, để liên kết thành một lực lượng.



Mùa hạ năm Đinh Tị (1917) Đội Cận hai lần toan cử sự, nhưng gặp nhiều bất tiện phải hoãn lại. Đến chiều 13 tháng 7, Đội Cận họp với Đội Giá, Đội Xuyên, Đội Trường, mật định kế hoạch và phân phối trách vụ.

Một giờ khuya, đội Trường đi bắt giám binh Noel và Quản Lập. Hai người này kháng cự, bị bắn chết. Đội Trường cắt thủ cấp đem ra làm vật tế cờ.

Tức thì, Đội Cận cho thổi kèn gọi lính sắp hàng trước sân, để hiểu dụ. Số lính trong trại có 175 người, chừng 30 người sợ hãi leo tường trốn, mười người chống cự lại liền bị bắn tại chỗ, còn lối 130 người nhiệt liệt hưởng ứng,

Cùng trong lúc này, Đội Giá sang đề lao, được lính ta nội ứng, bắn chết viên chủ ngục Pháp, rồi chặt xiềng mở khóa cho các tù chính trị, sai một người lính công Ba Quyển sang trại khổ xanh, để gặp Đội Cận. Đoạn ông mở cửa thả hết tù phạm, chừng 200 người. Tiếng reo hò dậy đất. Họ được đưa cả về trại khổ xanh, ai khỏe mạnh thì được phát binh phục và khí giới cho sung vào đội quân gọi là “Quang Phục quân”.

Người Pháp trong tỉnh thấy động, kéo nhau vào ẩn núp trong đồn lính Tây. Đồn chỉ có 40 lính Tây và hai khẩu liên thanh, nên không dám cựa cựa. Công sứ Darles may mắn thoát nạn, vì đã đi Đồ Sơn từ hôm trước. Đội Cận được toàn thể bầu làm Đại đô đốc, chỉ huy quân sự, Ba Quyển làm quân sự, trù tính mưu lược.

Quang Phục quân lấy cờ 5 sao làm hiệu kỳ.

Sớm hôm sau, tờ tuyên ngôn thứ nhất được dán khắp các phố, nói mục đích khởi nghĩa và trấn an dân chúng. Sang ngày 14, lại thêm tờ tuyên ngôn thứ hai công bố độc lập. Nguyên văn hai bản tuyên ngôn này chúng tôi sẽ lục ra dưới đây.

Đến ngày 15, nghĩa binh đã chiếm xong phần lớn tỉnh lỵ, cờ 5 sao bay phấp phới, từng đội binh chia nhau canh gác các công sở, tuần phòng đường phố. Đáng tiếc là quân đến sở bưu điện hơi chậm, thành ra viên chủ sự ở đây đã kịp cáo cấp về Hà Nội.

Nghĩa binh lấy được ở kho bạc 70.000\$ và ở trại lính 167 súng trường và 60.000 viên đạn, số này đủ phân phát cho hai đội quân mới thiết lập, gồm tù phạm trắng kiện và thường dân ứng mộ.

### **Tuyên ngôn thứ nhất**

Đại Hùng đế quốc năm thứ nhất, tháng 7, ngày 14.

Thái Nguyên tỉnh, Quang Phục quân, Đại đô đốc Trịnh, bố cáo cho dân chúng đồng bào được biết:

*Dân tộc ta vốn dòng dõi Rồng Tiên. Ruộng đất phì nhiêu, dài mấy trăm muôn dặm, đầy những núi non linh tú. Kể từ Hồng Bàng lập quốc đến giờ, lịch sử truyền nối hơn 4.000 năm, trải qua các triều đại Kinh Dương Vương, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, Lý, Trần, hậu Lê rồi đến bản triều Nguyễn thì, mỗi đời kế tiếp mở mang bờ cõi thêm to, điểm tô non sông thêm đẹp. Phải biết tổ tiên*

*ta đã tốn bao nhiêu trí thông minh, phí bao nhiêu nghị lực, hi sinh bao nhiêu máu thịt, mới xây dựng lên được giang sơn gấm vóc này để lại cho chúng ta.*

Chẳng may đến giữa thế kỷ thứ XIX vừa rồi, Pháp tặc ở Âu châu, giả danh thông thương truyền giáo, thừa cơ lúc đó triều đình ta không lo võ bị, giở ngay thủ đoạn bạo ngược xâm lăng nước ta. Thoạt tiên, chiếm đoạt sáu tỉnh Nam Kỳ, rồi sau dần dần sinh chuyện cướp nốt Trung, Bắc. Chúng ra tay tàn sát những người nhiệt tâm yêu nước, phá hủy đền đài thành quách, bóc lột tiền tài sản nghiệp.

Cũng may, ta còn có những bậc anh hùng chí sĩ, những người danh vọng tài năng, biết đồng tâm hiệp lực kháng cự lũ giặc ngoại xâm. Binh lực chẳng có mấy, khí giới rất tầm thường, thế mà các nhà cách mạng tiên phong ấy đã từng chiếm giữ được ít nhiều chỗ hiểm yếu để làm căn cứ mà đương đầu với giặc được khá lâu. Thí dụ như ông Hoàng Hoa Thám một thời oanh liệt ở Nhã Nam, hay ông Phan Đình Phùng mười năm kháng chiến ở Hà Tĩnh, ấy là chúng có hiển nhiên.

Có điều, các vị ấy có chỗ thủ hiểm vững vàng mà không gặp được thời cơ may mắn; đến nỗi ngoại viện là thứ rất thiết yếu mà không có. Thành ra khí giới thiếu thốn, lực lượng yếu dần, trước sau đều bị quân địch tiêu diệt. Từ đó tới nay, tấm gương anh dũng của các cụ tiền bối, không thấy người nào có đủ tài lực noi theo.

*Ngoài những hạng người lỗi lạc hi sinh như thế, trong xứ ta còn toàn là anh em quê mùa chất phác, vô học, nhắm mắt chịu ép một bề. Thực dân không còn trở lực gì phải kiêng kị nữa, tha hồ hoành hành bạo ngược, thối thì phá hoại bằng những luật lệ tự chúng đặt ra, áp dụng những thói bán quan buôn chức, tìm đủ cách làm cho nòi giống ta càng ngày càng đi đến họa hủy diệt, kết án cực nặng: hành vi tội bực dã man, luôn luôn nói chuyện hứa hẹn khi trá. Lại còn tàn nhẫn đến khai quật cả lăng tẩm một vị tiên đế bản triều để lấy vàng bạc châu báu, truất ngôi hai vị hoàng đế ta, đưa đi an trí ở một hoang đảo thật xa.*

Kể từ khi hạ thành Hà Nội tới giờ, chúng đã tự do thay đổi ngôi vua nước Nam ba lần trong khoảng ba chục năm, mà không đếm xỉa gì đến dân tâm, đến dư luận.

Thuế má thì mỗi ngày một tăng lên mãi, bà con chỉ lo đóng góp cũng đủ chết. Mỗi người dân Việt Nam, như phải tròng cổ vào sợi dây, càng ngày càng xiết chặt thêm; mười nhà hết chín lâm vào cảnh khốn cùng ghê gớm.

Vạn nhất có người nhiệt tâm với quốc gia, hơi ra mặt chống chính sách đô hộ, liền bị quân thù làm cho sở nguyện phải bị đè nén chôn vùi tức tức.

Chao ôi! Mỗi khi tưởng nhớ cơ nghiệp tổ tiên đã đổ bao nhiêu máu đào mới xây dựng nên, mỗi khi nghĩ đến tình cảnh nước nhà bấy lâu gian truân khốn khổ, chúng ta thấy bầm gan tím ruột, thương xót vô cùng.

Chúng ta nhẫn nhục đã tới cực điểm, tắc lòng bi thống giang sơn chủng tộc sôi nổi như nung như đốt.

Kẻ thù của ta hiện đang bị công kích ở Âu châu; chúng bắt người mình đem sang bên Tây làm bức tường đỡ đạn; chúng bóc lột tài sản xứ sở mình để tiếp tế quân nhu. Bà con ta bị bắt đem sang bên Tây từ mấy năm nay, tội nghiệp người sống phải trần lỵc ra làm lụng vất vả, người chết cũng chẳng được chôn cất tử tế. Thương hại cho con cô vợ góa ngồi trong nhà kêu van, ông già bà lão ra ngoài đường khóc lóc. Tình cảnh nước nhà đau khổ không thể tưởng tượng. Tóm lại, cái kiếp sống của dân ta điêu đứng đến nông nổi này, không tài nào cam chịu được nữa.

Nước ta khổ sở kiệt quệ, sống dở chết dở, cảnh ngộ có khác gì một sợi chỉ mong manh sắp đứt; chịu đựng đau đớn nhiều quá, bà con nhà ta như kẻ nằm liệt trên giường bệnh, hấp hối tắt hơi.

Phen này chúng ta ra sức phấn đấu để khôi phục độc lập cho tổ quốc nếu bất hạnh mục đích không đạt, đại công không thành, thì cuộc đời hết cả sinh thú, chúng ta cũng chẳng thiết sống làm gì cho nhục nhằn, khổn khổ.

Bản chức, Thái Nguyên Quang Phục quân Đại đô đốc, từ trước tới nay không hề có giây phút nào quên lãng nỗi khổ của đồng bào dân chúng; ngay những khi còn sống lam lũ ở chốn thôn quê làm nghề cày ruộng, lòng hằng băn khoăn tức tối về thảm họa vong quốc. Nhiều lần ta đã lập tâm xướng nghĩa khởi binh, tuốt gươm giết giặc; nhưng rồi lại phải ngậm hờn khoanh tay, là bởi ta chưa gặp thời cơ nào thuận tiện mà thực hành chí muốn. Vì thế ta đành ẩn nhẫn ra đi lính; hơn mười năm trời được sống chung chạ với bao nhiêu anh em cường tráng nước nhà mà phải ngậm miệng làm thinh, nhưng lúc nào ta cũng nuôi lòng cừ thù Pháp tặc, chớ hề biến tâm thoái chí. Từ trước tới đây, chỉ bởi lực lượng chưa đủ, ngoại viện chưa có, theo như ý ta mong mỏi, cho nên ta chưa muốn mưu toan đại sự một cách trơ vơ tháo thừ.

Hôm nay thời cơ đã đến, trong nước thì có những bạn đồng tâm đồng chí cùng ta tuốt gươm chĩa súng, đánh giết quân thù; bên ngoài thì có những nhà cách mạng ta bấy lâu trú ngụ bên Tàu, bên Nhật, giờ này sắp sửa đem quân nhu khí giới về giúp ta, hợp lực với ta đánh đuổi Pháp tặc.

Ta chiêu tập những anh em có tinh thần tự do độc lập, có nhiệt tâm yêu nước thương nòi, lập thành những đạo binh cứu quốc, và hôm nay ta bắt đầu khôi phục lấy tỉnh Thái Nguyên. Lá cờ năm ngôi sao đã kéo lên phấp phới trên kỳ đài, ta đã tuyên bố Thái Nguyên độc lập.

Cùng là con dân nước Việt Nam, chúng ta phải coi nhau như anh em ruột thịt một nhà. Vậy ai là người thông minh học thức, có thể đến đây vì ta trừ mưu hoạch sách, làm những việc ích lợi chung, ai là người có sức khỏe mạnh thì mau mau đem bắp thịt cánh tay đến giúp đỡ ta trong cuộc chiến đấu.

Anh em ta cố sức phấn khởi phen này, đồng tâm hiệp lực, đả đảo quân thù.

Những ai đứng vào hàng ngũ ta, cùng ta tuốt gươm giết giặc, ta rất hoan nghênh, ta để cho mỗi người được thi thố tài năng sáng kiến trong cuộc tranh đấu tự do độc lập chung.

Còn những kẻ nào vẫn manh tâm nô lệ, phò tá quân thù, thì hãy coi chừng, ta sẽ lấy đầu không tha!

Nay bố cáo,

Ký tên và đóng dấu son.

\*\*\*

## **Tuyên ngôn thứ nhì**

Đại Hùng đế quốc năm thứ nhất, tháng 7 ngày 14.

Thái Nguyên tỉnh, Quang Phục quân

Đại đô đốc Trịnh, bố cáo đồng bào

Việt Nam được biết:

*Than ôi! Trời giáng tai họa cho nước Nam nghèo nàn. Trận gió xâm lược từ Tây phương thổi tràn sang Đông Á, nhiều thế hệ ta bị lôi cuốn tiêu diệt bởi nó.*

*Kể có năm chục năm nay, cơ đồ hương hỏa chúng ta tro trụi giống như một bãi sa mạc; những tinh hoa trong nước phải sống một cuộc đời nô lệ bi thảm; hai mươi triệu anh chị em đồng bào khóc than rền rĩ với nhau như đang ở trong nước sôi lửa bỏng; tình cảnh đồng bào khiến cho những chiến sĩ ái quốc phải động lòng xót xa.*

*Bao nhiêu nỗi khổ sở bấy lâu trời hành chúng ta, hôm nay là hết. Đấng Hoàng thiên bắt chúng ta phải chịu đau đớn để thử tinh thần khí phách chúng ta, nay ngài rủ lòng đoái thương, muốn trả cho chúng ta mọi sự sung sướng thịnh vượng.*

*Bên ngoài, ta có những bậc tài năng lỗi lạc đã hấp thụ ánh sáng ở các nước văn minh ngoại dương, giờ đem ánh sáng về soi đường dẫn bước cho ta tiến hành; trong nước thì có những người nhiệt tâm đem học thức, ra áp dụng vào việc báo thù cứu quốc.*

*Năm Mậu Thân chúng ta đã giết chết quân thù ở giữa Hà Nội làm cho chúng kinh hồn hoảng vía.*

*Năm Kỷ Dậu, cuộc khởi nghĩa ở Lạng Sơn khiến lòng phần uất của người mình được hả hơi ít nhiều.*

*Ngoài ra, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục đã khích thích tinh thần ái quốc một độ rất sôi nổi; tỉnh Quảng Nam nổi lên phản kháng sưu thuế; một người học sinh mạo hiểm ném bom giữa thành phố Hà Nội trong Nam Kỳ, Xích Long kéo cờ xướng nghĩa, chống cự kẻ thù. Tóm lại, chúng ta vì văn minh vì chủ quyền của tổ quốc ra sức phấn đấu hơn mười năm nay, tinh thần ái quốc càng ngày càng mạnh. Những việc làm nỗ lực ái quốc của ta đã khiến cho quân thù khiếp đảm, đồng thời lại gọi được hồn độc lập của quốc dân tỉnh ngộ phần phát.*

\*\*\*

*Hiện thời, cả Âu châu đang rối ren lục đục, tàn sát lẫn nhau. Pháp đương nguy khốn ở ngay trong đất nước chúng. Anh với Nga đã cùng Đức giảng hòa riêng, thế là Pháp cô lập, mất hai tay tả phù hữu bật trọng yếu. Phổ với Áo đã chẹn ngang quân Ý để tiến binh vào đất Pháp, đánh giữa*

*chỗ chỉ mạng; thành Ba Lê không thể giữ nổi, sắp mất đến nơi.*

*Bản thân Pháp đã bị nguy ngập đến thế, làm sao còn khoe khoang bảo hộ chúng ta được chớ?*

*Vậy ta nên nhân lúc Pháp yếu, thừa lấy cơ hội hiếm hoi thiên tai nhất thì này mà báo thù tuyết hận, khôi phục giang sơn.*

*Nay phụng mệnh Hoàng đế, ta tổ chức quân đội, hợp lực trong ngoài nhất quyết đánh đuổi quân thù ra khỏi đất nước. Ta đã liên kết với Trung Quốc; võ quan với quân sĩ ta từng chịu huấn luyện binh học tân thời ở các trường võ bị Trung Quốc và Nhật Bản, ai nấy đã trải nhiều chiến trận, kinh nghiệm quân sự, phen này cùng hăm hở đem tài học và tính mạng sẵn sàng hy sinh cho tổ quốc.*

*Với mười muôn hòm súng đạn và một ngàn phi cơ ở ngoài đem về ta sẽ đánh quân thù những trận đòn sấm sét; chỉ trong nay mai, ta sẽ chiến thắng thành công.*

*Quân đội cách mạng ta có nghĩa vụ với dân với nước, quyết không sách nhiễu và không xâm phạm đến tài sản của dân; bất cứ trong lúc hành binh hay khi đồn trú nơi nào, Quang Phục Quân chỉ có một việc là thu phục bờ cõi của tổ tiên, diệt trừ quân giặc bạch chủng, để cho toàn thể quốc dân đồng bào được hưởng độc lập tự do, an cư lạc nghiệp.*

*Hỡi đồng bào! Ta phải cùng nhau gắng công ra sức phen này hầu làm cho trọn sự nghiệp vĩ đại, lá cờ Ngũ Tinh được phấp phới vẻ vang khắp cả năm châu, không phụ lòng trông mong tin cậy của tổ quốc.*

*Hỡi đồng bào! Một quốc gia tân tạo, vững bền thiên thu vạn tuế bắt đầu xây dựng tự ngày hôm nay. Toàn thể đồng bào cùng có trách nhiệm tháo ách nô lệ đè đầu đè cổ chúng ta đã lâu quá rồi.*

*Nay bố cáo,*

*Ký tên và đóng dấu son.*

\*\*\*

**Đội Cận làm chủ tình thế được bảy ngày (từ đêm 30-8-1917 đến trưa 5-9-1917).**

Ngay từ 2-9-1917, Pháp đã phản công dữ dội, Nghĩa quân đào hào đắp lũy, mai phục các nẻo giao thông, ứng chiến hăng hái làm cho Pháp tổn hại khá nhiều trong hai ngày đầu.

Cẩn là người rất can đảm và trầm tĩnh. Mỗi khi ra trận đều xông lên trước hàng tướng sĩ, trong chốn mưa đạn vẫn đứng thẳng mình, mắt chiếu ống nhòm, miệng ra hiệu lệnh, coi như ở chỗ không người.

Đóng quân ở đâu, ông cũng lo đào chiến hào trước rồi mới nghĩ đến ăn uống.

Nhưng đến chiều 4-9-1917, Pháp đem 500 binh trang bị liên thanh đại bác, chia hai mặt bắn vào rất gắt.

Nghĩa binh kém khí giới, và không có tiếp viện. Vả lại hàng ngũ có độ 300, trong số này chỉ đám lính nhà nghề cùng những tù chính trị là có kinh nghiệm chiến trận, dám đương đầu kịch chiến, còn lính mới mộ thì hoặc ra hàng hoặc bỏ chạy ngay trong mấy trận thử lửa đầu tiên, thành ra dù chống cự anh dũng cũng không lại: Đêm 4-9-1917 Đội Cấn cho nghĩa quân rút ra ngoài một phần, đến trưa 5-9-1917 ông cùng tàn quân còn lại tháo lui nốt.

Đội Cấn xếp đặt võng cáng để đưa Ba Quyển đi theo nhưng Ba Quyển từ khước, không muốn anh em chiến sĩ phải bận lòng về mình trong khi chạy giặc, và nói với Đội Cấn:

– Ông bắn cho tôi một phát đi, cho tôi khỏi trông thấy lá cờ cách mạng của chúng ta bị giặc làm hoen ố.

Đội Cấn suy nghĩ giây lát, bất đắc dĩ phải theo ý ông. Bộ đội Quang Phục đứng xếp hàng, vây quanh làm lễ chào. Một tiếng súng nổ. Anh em đào hố chôn Ba Quyển, san phẳng mặt đất rồi bương bả chạy về phía Hùng Sơn.

Quân Pháp theo bén gót, thành ra nghĩa binh phải vừa đánh vừa chạy rất là gieo neo vất vả. Khi hợp nhất lực lượng, khi phân tán làm hai ba cánh, mỗi cánh đi một đường, không cứu ứng được nhau. Mà đến chỗ nào thì mấy giờ sau đã thấy địch đến đánh phá.

Binh sĩ, đạn dược mỗi ngày một giảm thiểu.

Từ 13-9 cho tới 1-10, nghĩa binh ở quanh quần miền Vĩnh Phúc Yên, có toán tràn về Hưng Yên, hay Bắc Ninh, có toán về gần tới Hà Nội.

Chủ trương của Đội Cấn là đem quân qua Sơn Tây lên Hòa Bình, lấy nơi rừng núi hiểm tuấn làm căn cứ. Nhưng Pháp chặn hết lối. Một hôm đóng ở chân núi Tam Đảo, bị vây bọc ráo riết, thày trò phải mở đường máu mới ra thoát. Trong trận này cô Đội bị đạn bỏ mình. Hai anh Thấu và Vị cũng tử trận.

Từ 1-10-1917 đến 20-1-1918, nghĩa binh lại trở về miền núi Thái Nguyên, kịch chiến với địch ở nhiều nơi nhưng trận lớn nhất là ở Đèo Nứa ngày 6-1-1918. Nơi này nghĩa binh đào chiến hào và nấp trong bụi rậm trên cao bắn xuống, giết địch khá nhiều. Nhưng dù thắng hay bại, bên ta cũng bị hao hụt cả về lương lẫn người. Sự hao hụt rất nguy hại vì không có phương bù đắp.

Đến ngày 20-12-1918, nghĩa là ba tháng rưỡi sau, về Pháo Sơn chỉ còn vồn vẹn có 25 tay súng.

Pháp vây bọc Pháo Sơn, đưa mẹ và vợ con Cấn đến khóc ở chân núi, năn nỉ Cấn đầu hàng. Cấn không nao lòng, cho bắn xuống như mưa. Sau Cấn bị trúng đạn ở đùi, nhưng vẫn chỉ huy chiến đấu.

Lúc này Cấn muốn tìm một căn cứ ở Yên Thế để dưỡng uy sức nhuệ, phòng tái lập cơ đồ, nên sai đội Xuyên và đội Giá xuống núi đi xem địa thế trước, hễ được rồi thì báo cho Cấn để phá vòng vây mà đi. Song Xuyên và Giá vừa xuống thì bị bắt ngay.

Đến 5-1-1918 Cấn chỉ còn 4 thủ hạ bên mình.

Vừa tuyệt vọng vừa đau nhức chỗ bị thương, Cấn thấy đại thế không còn cứu chữa được nữa, mà cầm cự nữa thì sẽ bị bắt và mang nhục, ông bèn quyết tự sát, dặn mấy người đồng chí chôn lấp thi thể mình rồi sẽ dắt nhau xuống núi đầu hàng. Nhưng ba người khóc lóc và cũng tự tử theo. Chỉ còn một mình tên Sĩ. Tên này chôn 4 người vào một huyệt, rồi đi ra đầu thú...

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>